

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo  
(Ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016)**

**Giai đoạn 2017 – 2021**

**Kiên Giang, Tháng 7 năm 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Giai đoạn 2017 – 2021**

**Kiên Giang, Tháng 07 năm 2022**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**  
*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHKG ngày .../...../2022*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ/ Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
1	Nguyễn Tuấn Khanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Văn Thành	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Trương Thị Tú Trân	PTKPT. Khoa KHTP&SK	Phó Chủ tịch	
4	Đặng Thanh Sơn	CT. Hội đồng Trường	Thành viên	
5	Lê Thị Kiều Diễm	PTPPT. Phòng KT&ĐBCL	Thư ký	
6	Nguyễn Văn Thuận	PTK. Khoa KHTP&SK	Thành viên	
7	Trần Thị Ánh	PTPPT. Phòng ĐT	Thành viên	
8	Nguyễn Văn An	PTP. Phòng CTSV&KNCD	Thành viên	
9	Nguyễn Ngọc Hậu	TP. Phòng KH-TC	Thành viên	
10	Phạm Thị Hồng Như	TP. Phòng TC-NS	Thành viên	
11	Trần Văn Phúc	PTPPT. Phòng HC-QT	Thành viên	
12	Võ Xuân Huyền	PTP. Phòng HT-KHCN	Thành viên	
13	Nguyễn Văn Rạng	PGĐPT. Trung tâm TT-TV	Thành viên	
14	Lư Thị Hồng Hạnh	GĐ. Trung tâm TH-TN	Thành viên	
15	Nguyễn Thị Thúy Liên	SV. Khoa KHTP&SK	Thành viên	

*Danh sách gồm có: 15 người./.*

# MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	1
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ .....	3
Phần I KHÁI QUÁT .....	5
1.1. Đặt vấn đề.....	5
1.2. Tổng quan chung .....	10
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	16
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	16
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	16
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....	20
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	23
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:.....	26
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo .....	27
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	27
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	29
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	30
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	33
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. ....	33
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng...36	
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	39
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....	45
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. ....	45

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra .....	47
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. ....	50
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học. ....	52
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	52
Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....	55
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	57
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. ....	59
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập..	61
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	63
Mở đầu.....	63
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	64
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/NH và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	67
Tiêu chí 6.3. . Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	70
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....	72
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. ....	74

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	76
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	78
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:.....	79
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	81
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng...81	81
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. ....	84
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá .....	87
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. ....	89
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	90
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	93
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	93
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá. ....	96
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	97
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. ....	100
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	104
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị. ....	106

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	107
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	109
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	111
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	113
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. ....	115
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng. ....	117
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. ....	118
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. ....	121
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. ....	123
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. ....	125
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến. ....	127
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. ....	128
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra. ....	132
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	133
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	135
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	137

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	140
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	143
Phần III. KẾT LUẬN .....	147
1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục. ....	147
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục .....	154
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....	156
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo kỹ sư công nghệ thực phẩm đánh giá theo Thông tư 04/2016.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Phần IV PHỤ LỤC .....	163
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	163
Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách.....	186
Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành CNTP .....	191
Phụ lục 4. Trích lục thông tin nội dung Bản mô tả CTĐT ngành CNTP năm 2020...	196
Phụ lục 5. Bảng, biểu tổng hợp, thống kê .....	197
Phụ lục 6. Ma trận đáp ứng giữa nội dung các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	205



**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

CDR	Chuẩn đầu ra	NH	Người học
CLB	Câu lạc bộ	ĐH	Đại học
CGCN	Chuyên gia công nghệ	NV	Nhân viên
CNTP	Công nghệ thực phẩm	NCV	Nghiên cứu viên
CQ	Chính quy	TĐG	Tự đánh giá
CSVC	Cơ sở vật chất	NLĐ	Người lao động
CTSV&PVCĐ	Công tác sinh viên và phục vụ cộng đồng	BLQ	Bên liên quan
CTĐT	Chương trình đào tạo	KT&ĐBCL	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
CTDH	Chương trình dạy học	ĐBCL	đảm bảo chất lượng
CVHT	Cố vấn học tập	GS	Giáo sư
ĐHKG	Đại học Kiên Giang	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
ĐT	Đào tạo	ĐGCL	Đánh giá chất lượng
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo	HTQT	Hợp tác quốc tế
KHTP&SK	Khoa học thực phẩm và sức khỏe	GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên	HĐKH	Hội đồng khoa học
HTQT	Hợp tác quốc tế	SM, TN	Sứ mạng tâm nhìn
KCQ	Không chính quy	HP	Học phần
KHCN	Khoa học công nghệ	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
KQHT	Kết quả học tập	HSSV	Học sinh sinh viên
KTX	Ký túc xá	CNTT	Công nghệ thông tin
MC	Minh chứng	XH	Xã hội
NCKH	Nghiên cứu khoa học	ĐCCT	Đề cương chi tiết
NCS	Nghiên cứu sinh	HĐ KH&ĐT	Hội đồng khoa học và đào tạo
NSNN	Ngân sách nhà nước	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
PGS	Phó giáo sư	ĐHCT	Đại học Cần Thơ
QLTC	Quản lý tài chính	ĐHNT	Đại học Nha Trang

SV	Sinh viên	TLGD	Triết lý giáo dục
TC-NS	Tổ chức nhân sự	BCN	Ban chủ nhiệm
ThS	Thạc sĩ	PPDH	Phương pháp dạy học
TLTK TN	Tài liệu tham khảo thí nghiệm	CC	Công chức
TNCS	Thanh niên cộng sản	VC&NLĐ	Viên chức và người lao động
TNCS HCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	TĐ-KT	Thi đua khen thưởng
TS	Tiến sĩ	HT&KH-CN	Hợp tác và Khoa học công nghệ
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh	THPT	Trung học phổ thông
CBQL	Cán bộ quản lý	FTE	Full-time Equivalent
ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng	BGH	Ban Giám hiệu
NTD	Nhà tuyển dụng	DN	Doanh nghiệp
TN	Trắc nghiệm		

## DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

### Danh mục Bảng

Bảng 0.1: Danh sách CBGV thuộc Khoa .....	13
Bảng 1.1 Sự tương thích của mục tiêu đào tạo trình độ ĐH ngành CNTP với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa KHTP&SK và phù hợp với các quy định.....	17
Bảng 1.2: Ma trận kết nối giữa CDR của CTĐT và mục tiêu đào tạo .....	21
Bảng 1.3. Ma trận kết nối giữa CDR CTĐT với Khung năng lực trình độ quốc gia bậc 6, nhu cầu doanh nghiệp và xu hướng phát triển của ngành .....	21
Bảng 1.4. So sánh chuẩn đầu ra của trình độ ĐH ngành CNTP qua các năm.....	25
Bảng 1.5. Các kênh thông tin của Khoa dùng để công khai CDR của CTĐT với các BLQ .....	25
Bảng 3.1. Tính phù hợp của CDR và các khối kiến thức trong CTĐT .....	33
Bảng 3.2: Cấu trúc các khối kiến thức của CTĐT CNTP .....	36
Bảng 3.3. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy – học .....	37
Bảng 3.4. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và Kiểm tra đánh giá .....	38
Bảng 3.5. Bảng tổng hợp các nội dung các lần điều chỉnh CTĐT năm 2017 đến năm 2020 .....	42
Bảng 3.6. Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH của một số trường ĐH và trường Đại học Kiên Giang .....	42
Bảng 4.1 Sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CDR tương ứng của CTĐT .....	48
Bảng 5.1. Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CDR của CTĐT .....	53
Bảng 6.1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT .....	65
Bảng 6.2. Thống kê quy mô đội ngũ GV tham gia CTĐT .....	67
Bảng 6.3. Số lượng GV của CTĐT tính đến năm 2021 .....	68
Bảng 6.4. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT.....	68
Bảng 7.1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên .....	83
Bảng 7.2. Kết quả khảo sát hài lòng của GV về các hoạt động của đội ngũ kỹ thuật viên .....	83
Bảng 8.1. Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành CNTP qua các năm từ 2017-2021. ....	94

Bảng 8.2. Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng SV nhập học.....	95
Bảng 8.3. Các hoạt động hỗ trợ SV trong quá trình học .....	102
Bảng 10.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH .....	118
Bảng 10.2. Quá trình phát triển CTDH qua các năm 2017 – 2021 của Trường ĐHKG .....	121
Bảng 10.3. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống .....	129
Bảng 10.4 Sơ đồ hệ thống thông tin .....	130
Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo .....	133
Bảng 11.2. Tỷ lệ thôi học của NH (5 khoá gần nhất).....	134
Bảng 11.3. Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của SV Khoa KHTP&SK (%).....	138
Bảng 11.4. Thống kê môi trường làm việc của SV Khoa KHTP&SK tốt nghiệp (%).....	138
Bảng 11.5. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của SV qua các năm .....	141
Bảng 11.6. Bảng đối sánh hoạt động NCKH của SV Trường ĐHKG với các cơ sở đào tạo CNTP khác .....	142

### **Danh mục hình, sơ đồ**

Hình 0.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường.....	11
Hình 0.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe.....	13

# Phần I

## KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

#### a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trường Đại học Kiên Giang được thành lập theo Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21/05/2014 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở Phân hiệu Trường Đại học Nha Trang tại Kiên Giang.

Trường Đại học Kiên Giang được Bộ Giáo Dục và Đào tạo cho phép cho đào tạo ngành công nghệ thực phẩm (CNTP) trình độ đại học từ năm 2015. Trong giai đoạn 2017 – 2021, Trường đã tuyển sinh được 6 khóa (từ khóa 2016-2020 đến khóa 2020-2024), trong đó có 2 khóa đã tốt nghiệp (khóa 2016-2020 và 2017-2021). Thông qua chương trình đào tạo (CTĐT) này, Trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao cho xã hội. Trong xu thế đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, Trường lập báo cáo tự đánh giá (TĐG) các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành công nghệ thực phẩm trình độ đại học. Nội dung báo cáo được khái quát như sau:

- *Về mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT*: Trường và Khoa KHTP&SK đã tập trung nghiên cứu xây dựng CTĐT với những yêu cầu về CDR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và đáp ứng yêu cầu của NH. Ngành CNTP có mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên ngành công nghệ thực phẩm (công nghệ thực phẩm truyền thống, công nghệ thực phẩm chức năng), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

- *Về bản mô tả CTĐT*: CTĐT được mô tả với đầy đủ các thông tin và được công bố công khai, phục vụ nhu cầu tìm hiểu của NH trước khi đăng ký tham gia hoặc cho người đang học chủ động trong công tác học tập và nghiên cứu. Đề cương các học phần cũng được xây dựng và công bố công khai nhằm hỗ trợ NH chuẩn bị cho từng học phần trước khi chính thức bắt đầu học tập. CTĐT và các đề cương định kỳ được rà soát và bổ sung cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế.

- *Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH)*: CTDH có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính liên mạch, bổ sung hỗ trợ nhau trong quá trình triển khai. Nội dung CTDH được GV biên soạn cho từng học phần, bao gồm đầy

đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, cách thức học tập nghiên cứu, đánh giá kiểm tra, tài liệu tham khảo nhằm giúp NH từng bước đạt CĐR sau quá trình học tập.

- *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Trường đã chú trọng và xác định công tác đổi mới xây dựng các CTĐT, phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR. Sự đổi mới này thực hiện dựa trên những định hướng chung của Đảng, Nhà nước và Bộ GD&ĐT tăng cường tính chủ động sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu, và khả năng làm việc theo nhóm của NH trong trường ĐH. Chủ trương của Trường ĐHKG không ngừng đa dạng hoá các phương pháp dạy học, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- *Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH)*: Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT đều được thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh để đảm bảo tất cả NH đều hiểu rõ. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và nghiên cứu của mình, đồng thời tạo điều kiện cho NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình.

- *Về đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV)*: Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình sau đại học được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV, tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCĐ.

- *Về đội ngũ nhân viên (NV)*: Đội ngũ NV của Trường ĐHKG được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đội ngũ NV của

Trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHKG luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ NV là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trường đã thực hiện tốt kế hoạch tuyển dụng viên chức từ năm 2020, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều NV được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ hỗ trợ của Trường đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức và năng lực công tác.

- *Về NH và hoạt động hỗ trợ NH*: Trường ĐHKG và Khoa KHTP&SK đã xây dựng bộ máy, phân công trách nhiệm hỗ trợ SV trong quá trình học tập tại Trường; xác định chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; xây dựng tiêu chí tuyển sinh, xác định các đối tượng ưu tiên, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của SV cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; đã triển khai các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho SV. Trường ĐHKG quan tâm và tạo môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

- *Về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị*: Trường ĐHKG đã từng bước hoàn thiện về CSVC, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ SV, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học ngành CNTP phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

- *Về nâng cao chất lượng*: Trường ĐHKG và Khoa KHTP&SK đã đánh giá nhu cầu của các BLQ và sử dụng thông tin phản hồi làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT. Quá trình này lặp lại với tần suất 02 năm/lần kể từ năm 2017, được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác thường xuyên được đánh giá và cải tiến.

- Về kết quả đầu ra: Trường ĐHKG đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý tiến độ đào tạo ngành công nghệ thực phẩm trình độ đại học; xây dựng quy trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp. Trường ĐHKG xây dựng cơ sở dữ liệu về việc làm của SV, định kỳ tiến hành khảo sát NH tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Trường cũng đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến CTĐT.

**Kết cấu báo cáo tự đánh giá:** gồm 04 phần như sau:

- Phần I: Khái quát, bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá (TĐG) CTĐT; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể, tổng quan chung về cơ sở giáo dục và đơn vị đào tạo là Khoa Khoa học thực phẩm và sức khỏe (KHTP&SK).

- Phần II: TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với cấu trúc: 1. Mô tả hiện trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng và 5. Tự đánh giá.

- Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG.

- Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng (MC).

**Mã hóa MC:** Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Hx.ab.cd. ef**

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 10)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.



**Mục đích TĐG:** Giúp Trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Trường đăng ký đánh giá ngoài.

**Quy trình TĐG:** *Bước 1.* Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành công nghệ thực phẩm trình độ đại học; *bước 2.* Lập kế hoạch TĐG; *bước 3.* Họp Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, Nhóm công tác chuyên trách (CTCT) để triển khai và phân công; *bước 4.* Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); *bước 5.* Họp Hội đồng TĐG thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn trường.

**Phương pháp TĐG:** Dùng phương pháp SWOT, mô tả phân tích thực trạng, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

**Công cụ TĐG:** Bản “*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành công nghệ thực phẩm trình độ đại học*” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành CNTP - Khoa KHTP&SK theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (**Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT**).

Trường ĐHKG đã ban hành Quyết định số 96 ngày 18/2/2022 về việc thành lập Hội đồng TĐG và Kế hoạch số 11/KH-ĐHKG ngày 18/2/2022 về TĐG CTĐT công nghệ thực phẩm trình độ đại học; Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã được tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chuyên trách tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Các phòng ban có liên quan huy động toàn bộ nguồn lực GV, SV để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (P. KT&ĐBCL) tiến hành họp phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các BLQ; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu, thông tin MC cần thiết khi có yêu cầu từ P. KT&ĐBCL.

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Kiên Giang**

Trường Đại học Kiên Giang được thành lập từ năm 2014 theo Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21/05/2014 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở Phân hiệu Trường Đại học Nha Trang tại Kiên Giang.

Quyết định 1282/QĐ-ĐHKG ngày 25/12/2020 công bố **Sứ mạng- Tầm nhìn** của Trường:

**Sứ mạng:** Trường Đại học Kiên Giang là:

1. là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học, có tri thức, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, thích ứng nhanh yêu cầu phát triển khoa học công nghệ.

2. là nơi tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiệu quả, góp phần quan trọng làm tăng cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Kiên Giang, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước;

3. là nơi gắn kết toàn thể giảng viên, cán bộ và sinh viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu sáng tạo khoa học, phục vụ lợi ích cộng đồng:

**Tầm nhìn:** Phấn đấu đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Trường Đại học Kiên Giang là trường đào tạo đa ngành, đa cấp, đa hệ, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, có uy tín; môi trường học tập và làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo theo định hướng ứng dụng khá của cả nước.

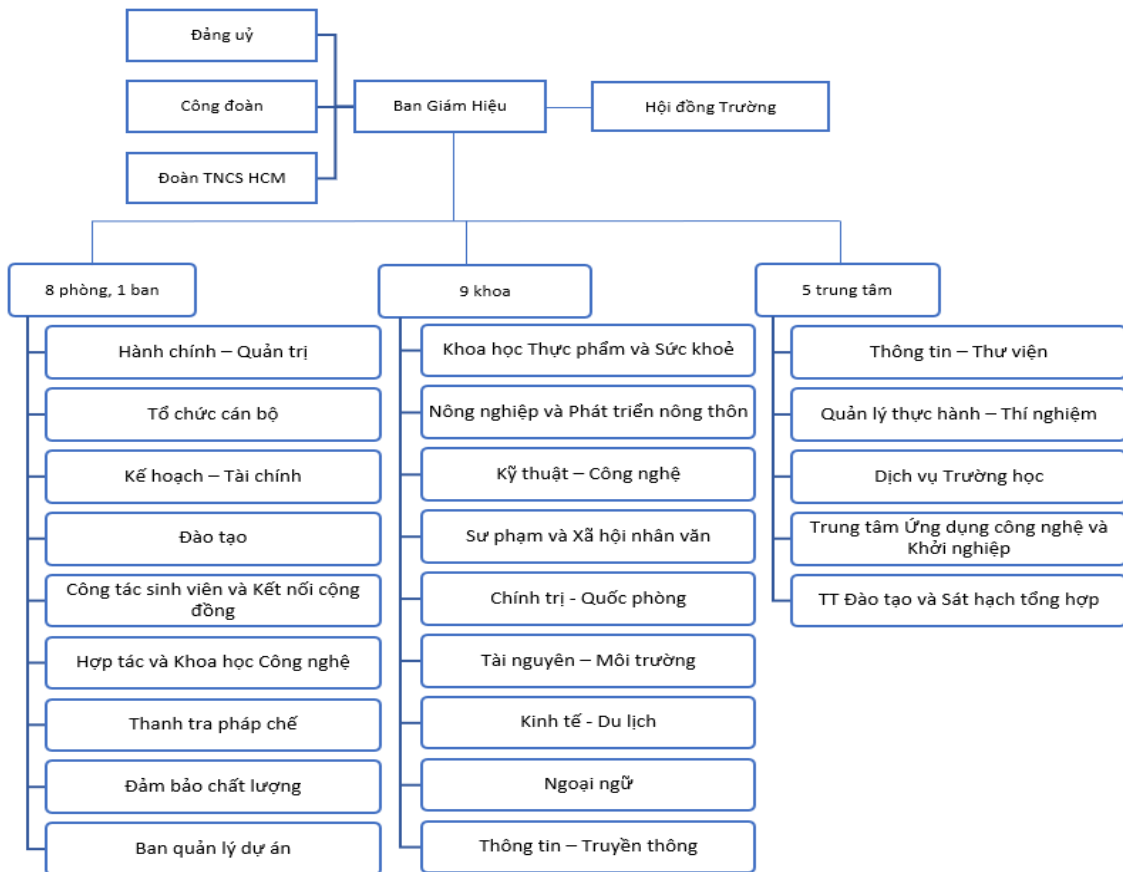
**Các giá trị cốt lõi:** **Tận tâm – Uy tín – Chất lượng – Hội nhập**

**Triết lý giáo dục:** Triết lý giáo dục Trường Đại học Kiên Giang là “ **Tạo môi trường học tập vì sự phát triển cộng đồng**”

**Mục tiêu chung:** Xây dựng công nghệ quản trị hiện đại, hoàn thành cơ bản các điều kiện đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho xã hội, tạo ra giá trị thực tiễn và hiệu quả từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế.

**Mục tiêu về đảm bảo chất lượng:** Đến năm 2022, Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT và 30 % số CTĐT đạt chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT.

Cơ cấu tổ chức trường Đại học Kiên Giang gồm Hội đồng trường, Đảng ủy và các đoàn thể, Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 2 Phó hiệu trưởng), các phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu. (xem hình 0.1)



**Hình 0.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường**

**Về nhân lực:** Tính đến 31/12/2021, Trường có 256 người cơ hữu, trong đó có 175 GV, 81 chuyên viên và NV phục vụ; đội ngũ GV Trường có 01 PGS (tỉ lệ 0.39%); 21 Tiến sĩ (Tỉ lệ 8.2%), 169 Thạc sĩ (Tỷ lệ: 66%) đang giảng dạy 18 CTĐT trình độ đại học.

**Về đào tạo,** Trường đào tạo đa ngành, đa cấp độ. Đào tạo đại học gồm 18 CTĐT. Công tác quản lý đào tạo các bậc hệ của Trường được giao cho 1 đơn vị đầu mối là Phòng Đào tạo.

**Về CSVC,** Trường có 01 cơ sở chính tại 320A Thị Trấn Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang; có 04 giảng đường, 300 phòng học, phòng thực hành gần 400 máy tính, 27 phòng thực hành với trang thiết bị và phương tiện hiện đại phục vụ giảng dạy; có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe; thư viện phục vụ nhu cầu của NH, GV.

**Về tài chính,** Trường ĐHKG là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Các nguồn thu hợp pháp của Trường đều tuân thủ theo đúng

quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính và các quy định của Hiệu trưởng về mức thu và đối tượng thu.

**Về NCKH**, Trường ĐHKG đầu tư cấp kinh phí cho hoạt động NCKH theo quy định; có chế độ khuyến khích viên chức, GV NCKH; hằng năm tham gia đấu thầu và thực hiện các đề tài cấp Bộ, Sở ban ngành, địa phương; Trong giai đoạn 2017 – 2021, Trường đã công bố khoảng 33 bài báo khoa học quốc tế thuộc hạng ISI, Scopus, SCI và SCIE; các sản phẩm NCKH của GV phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy như giáo trình, tài liệu.

**Về hợp tác quốc tế**, Trường ĐHKG đang hợp tác với 10 đại học, tổ chức trên toàn thế giới. Một số đối tác quan trọng đến từ Hà Lan, Indonesia. Hàng năm, một số nhà khoa học có uy tín của các đối tác quốc tế đến trường để giảng dạy, thực hiện các dự án NCKH, tư vấn xây dựng CTDH.

**Về hợp tác trong nước**, ngoài đào tạo chính quy, trong nhiều năm liền, Trường và Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe là đơn vị hàng đầu về đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu xã hội. Trường và Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe đã liên kết chặt chẽ và đào tạo cho hàng chục ngàn cán bộ, kỹ sư của các công ty, nhà máy về lĩnh vực quản lý công nghệ thực phẩm, chế biến thủy sản. Số lượng SV đào tạo tại doanh nghiệp ngày càng tăng và các khóa học đều được đánh giá cao.

**Về ĐBCL**, Trường ĐHKG có mạng lưới Tổ ĐBCL tất cả các đơn vị thuộc Trường và đang vận hành mô hình ĐBCL bên trong; tháng 7/2022 được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục đại học Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục; Mặt khác, Trường đã xây dựng và đang thực hiện các Kế hoạch cải tiến chất lượng hậu kiểm định cho giai đoạn 5 năm tiếp theo, phát triển CTĐT, xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống thu thập thông tin phản hồi ý kiến các bên liên quan (BLQ).

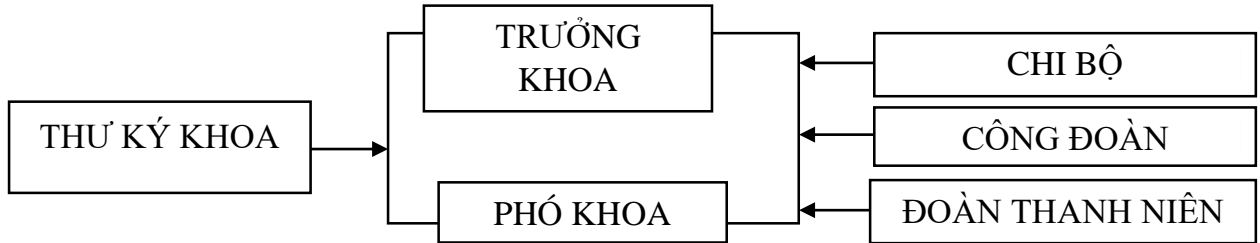
### **1.2.2. Giới thiệu về Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe**

Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe được hình thành theo quyết định số 412/QĐ-ĐHKG được ký ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang. Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe có nhiệm vụ đào tạo trình độ cao đẳng, liên thông, bậc ĐH, bậc Thạc sĩ, bậc Tiến sĩ công nghệ thực phẩm.

Khoa KHTP&SK là một Khoa thành viên của Trường Đại học Kiên Giang với chức năng, nhiệm vụ chính là đào tạo ĐH, sau ĐH và NCKH về lĩnh vực thực phẩm, cung cấp

nguồn nhân lực trong và ngoài nước về chuyên ngành đào tạo công nghệ thực phẩm.

Cơ cấu tổ chức của Khoa KHTP&SK hiện nay có 02 bộ môn bao gồm Khoa học thực phẩm và bộ môn sức khỏe. Ngoài ra, còn có 01 tổ phụ trách văn phòng, Công đoàn và Đoàn thanh niên được mô tả trong Hình 0.2.



**Hình 0.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe**

Hiện tại Khoa có 15 cán bộ cơ hữu với 100% có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 2 Tiến sĩ được liệt kê chi tiết trong Bảng 0.1. Đồng thời lực lượng giảng dạy còn được hỗ trợ bởi các GV giàu kinh nghiệm từ các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu.

**Bảng 0.1: Danh sách CBGV thuộc Khoa**

STT	Họ và tên	Học hàm/học vị	Chức vụ
1	Trương Thị Tú Trân	Thạc sĩ	Phó Trưởng Khoa phụ trách Chủ tịch HĐ KH-ĐT
2	Nguyễn Văn Thuận	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa
3	Hồ Quốc Việt	Thạc sĩ	Phó Trưởng bộ môn
4	Phạm Thị Kim Quyên	Thạc sĩ	Phó Trưởng bộ môn
5	Dương Thị Ngọc Ngân	Thạc sĩ	Thư ký Khoa
6	Nguyễn Văn Thành	Tiến sĩ	GV
7	Lê Hoàng Phương	Tiến sĩ	GV
8	Lê Bích Tuyền	Thạc sĩ	GV
9	Huỳnh Văn Quốc Cảnh	Thạc sĩ	GV
10	Phù Thị Thanh Khiết	Thạc sĩ	GV
11	Võ Tấn Thạnh	Thạc sĩ	GV
12	Nguyễn Thị Cà Linh	Thạc sĩ	GV
13	Nguyễn Thị Yến Phương	Thạc sĩ	GV
14	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thạc sĩ	GV
15	Bùi Thị Thơm	Cử nhân	Trợ giảng

Hiện nay, Khoa KHTP&SK đang vận hành 05 chuyên ngành hệ đại học chính quy (Công nghệ Chế biến thủy sản, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch,

Công nghệ chế biến thực phẩm chức năng, Công nghệ chế biến thực phẩm truyền thống, Công nghệ sinh học thực vật biển, Công nghệ sinh học động vật biển), Khoa đã và đang đào tạo 6 khóa ĐH chính quy công nghệ thực phẩm. CTĐT ngành công nghệ thực phẩm được thiết kế đảm bảo NH được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm thông qua các học phần mang tính liên ngành và chuyên sâu, phù hợp với các CTĐT trong và ngoài nước.

Khoa KHTP&SK có 03 phòng thí nghiệm riêng với trang thiết bị được đầu tư nâng cấp hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật.

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và HTQT, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV, NCV, học viên cao học và SV trong Khoa. Số cán bộ cơ hữu của Khoa tính đến nay đã chủ trì tham gia 10 đề tài (cấp tỉnh: 00, cấp Trường: 10), 08 giáo trình được xuất bản trong Trường, hơn 11 bài báo hằng năm được đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, 06 đề tài NCKH dành cho SV hàng năm. Kết quả đề tài nghiên cứu các cấp của GV trong Khoa bước đầu đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và phục vụ xã hội. Để tạo sự giao lưu trao đổi học thuật giữa GV-GV, GV-SV, SV-SV Khoa KHTP&SK thường xuyên tổ chức hội thảo cấp Khoa với sự tham gia của GV trong và ngoài Trường, hoạt động dành cho SV như CLB học thuật chuyên ngành mục đích nhằm trao đổi, tăng khả năng học tập, NCKH của SV.

Khoa KHTP&SK luôn quan tâm đến xây dựng môi trường để SV chủ động học tập và rèn luyện, tạo cơ hội tiếp thu tối đa những kiến thức trong quá trình đào tạo và tự đào tạo. Khoa có các bộ phận trợ lý, CVHT, cùng với đoàn thanh niên luôn đồng hành và hỗ trợ các SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện để hoàn thiện cả về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng khác. SV theo học tại Khoa KHTP&SK được hỗ trợ chỗ ở, hỗ trợ thông tin về địa chỉ việc làm, thực tập, thực tế và các tư vấn khác nếu có nhu cầu.

Nhằm điều chỉnh CTĐT công nghệ thực phẩm phù hợp với thực tiễn xã hội, Khoa KHTP&SK thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng, SV và cựu SV thông qua những buổi trao đổi GV-nhà tuyển dụng, sinh hoạt đầu khóa, sinh hoạt lớp, đối thoại SV-Ban Giám hiệu, ngày hội việc làm. Sau 06 tháng tốt nghiệp, có hơn 90% SV

làm việc ở các nhà máy, xí nghiệp, giảng dạy, và có cơ hội học tập nâng cao trình độ ở các cấp độ đào tạo khác nhau của tất cả các hệ thống đào tạo trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT công nghệ thực phẩm một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Vì thế, với tư cách là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức đào tạo và quản lý CTĐT CNTP, Khoa KHTP&SK đã đăng ký kiểm định và đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT của BGD&ĐT cho ngành CNTP thuộc Khoa quản lý. Đây là cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT ngành CNTP, để thấy rõ điểm mạnh điểm tồn tại của CTĐT; từ đó xác định những việc cần làm, nhằm nâng cao chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực, quốc tế.

## **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **Mở đầu**

Mục tiêu và CDR của CTĐT là những yếu tố quan trọng thể hiện sự cam kết của các cơ sở GDĐH về chất lượng đào tạo đối với xã hội và năng lực của NH sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CDR của CTĐT trình độ ĐH ngành công nghệ thực phẩm đã được xác định cụ thể và phát biểu trong đặc tả CTĐT để công bố cho các BLQ. CDR của ngành CNTP là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xác định và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Vì vậy, Khoa KHTP&SK đã căn cứ trên tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và không tách khỏi mục tiêu chung của giáo dục đại học đã quy định tại Luật giáo dục đại học, có sự đóng góp ý kiến các BLQ để xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT công nghệ thực phẩm. CDR ngành CNTP được Khoa định kỳ được rà soát, cập nhật theo quy trình chung của Trường.

**Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTĐT trình độ ĐH ngành CNTP được ban hành lần đầu vào năm 2015 theo quyết định số 50/QĐ-ĐHKG ngày 20 Tháng 2 năm 2015. Và được cập nhật, bổ sung vào năm 2020 theo quyết định số 1183/QĐ-ĐHKG Ngày 20 tháng 11 năm 2020 và đang tiến hành làm trong năm 2022 [**H1.01.01.01**]. Mục tiêu của CTĐT trình độ ĐH ngành CNTP được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT [**H1.01.01.02**], ma trận các kỹ năng thể hiện đóng góp của từng học phần đạt được mục tiêu chung của CTĐT đại học CNTP [**H1.01.01.12**], cụ thể: **Mục tiêu chung** là “Chương trình đào tạo ngành CNTP trang bị cho SV các kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và ý thức trách nhiệm với mục tiêu kỹ sư tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc quản lý kỹ thuật trong lĩnh vực thực phẩm với định hướng phát triển bền vững”, **Mục tiêu cụ thể** là kỹ sư ngành công nghệ thực phẩm có khả năng.: “*a. (MT1): Trở thành chuyên gia quản lý lĩnh vực thực phẩm b. (MT2): Giám sát, vận hành các thiết bị sản xuất thực phẩm c. (MT3): Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ sản xuất*



*thuộc ngành công nghệ thực phẩm d. (MT4): Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức phát triển cộng đồng, thái độ và tác phong chuyên nghiệp”.*

Mục tiêu đào tạo trình độ Đại học của Trường ĐHKG giúp SV nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Trường cũng như mục tiêu giáo dục được quy định tại Điều 2, của Luật Giáo dục 2005 và phù hợp với mục tiêu GDĐH được quy định tại Điều 5, của Luật GDĐH 2012 “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.10]. Trên cơ sở này, định kỳ, Khoa KHTP&SK có kế hoạch rà soát điều chỉnh CTĐT phù hợp thực tế [H1.01.01.11].

Khi xây dựng chương trình, các GV của Khoa KHTP&SK đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Sự phù hợp giữa mục tiêu đào tạo và tầm nhìn sứ mạng của Trường, của Khoa và phù hợp với các quy định của nhà nước được thể hiện qua Bảng 1.1 (xem chi tiết ở phụ lục 5) [H1.01.01.03].

**Bảng 1.1 Sự tương thích của mục tiêu đào tạo trình độ ĐH ngành CNTP với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa KHTP&SK và phù hợp với các quy định**

Mục tiêu CTĐT	Tầm nhìn/ sứ mạng Trường	Luật GDĐH	Khung năng lực trình độ quốc gia
Mục tiêu chung: “Chương trình giáo dục đại học ngành CNTP cung cấp cho SV môi trường học tập và những hoạt động giáo dục để hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, kỹ năng làm việc	Tầm nhìn đến năm 2030, phát triển Trường ĐHKG đa ngành, đa cấp, đa hệ, môi trường học tập	Điều 36, khoản a Luật Giáo dục Đại học có nội dung: “Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến	

Mục tiêu CTĐT	Tầm nhìn/ sứ mạng Trường	Luật GDDH	Khung năng lực trình độ quốc gia
nhằm đạt được thành công trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư CNTT có thể đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở chế biến, sản xuất, kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu và quản lý thực phẩm”	và làm việc theo định hướng ứng dụng khá của cả nước Sứ mạng của Trường ĐHKG là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.	thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam”	

Ghi chú: Xem đầy đủ của bảng 1.1 ở phụ lục 5

Để xây dựng mục tiêu của CTĐT thì ngoài việc căn cứ vào SM, TN và mục tiêu của GDDH quy định trong Luật GDDH thì Nhà trường còn căn cứ vào kết quả khảo sát các BLQ năm 2018, 2020, 2021 cho thấy: tỉ lệ trên 80% cho rằng mục tiêu của CTĐT, các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CĐR của CTĐT và các HP trong CTĐT được đánh giá là cơ bản đáp ứng những yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường [H1.01.01.04].

Sau khi thiết kế mục tiêu và CĐR, CTĐT được xây dựng để hướng đến đảm bảo NH được cung cấp đầy đủ các kiến thức và kỹ năng để đáp ứng CĐR khi tốt nghiệp. CTĐT được Tổ thư ký dự thảo, sau đó được gửi cho các chuyên gia phản biện, sau khi chỉnh sửa thì CTĐT được tiến hành nghiệm thu theo quy định. Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, CTĐT định kỳ được rà soát 2 - 3 năm một lần để điều chỉnh, cập nhật và bổ sung cho phù hợp với thực tế hoặc được điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT, trong quá trình cập nhật, có xét đến những CTĐT của những trường khác có đào tạo [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07].

Năm 2020, Trường ĐHKG đã tiến hành rà soát đánh giá CTĐT nhằm điều chỉnh bổ sung theo hướng hiện đại, phù hợp với thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu về xây

dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và nhu cầu của thị trường lao động cho phù hợp Khung trình độ quốc gia, chuẩn chương trình và tình hình thực tế về nhu cầu kiến thức của NH.

Năm 2022, Trường đang tiến hành rà soát nhằm điều chỉnh, cập nhật CDR, CTĐT, cập nhật CDR học phần, đề cương học phần tổng quát, đề cương học phần chi tiết nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn cách mạng công nghiệp 4.0.

Thông tin về CTĐT, các khoá đào tạo và mục tiêu đào tạo được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa (<http://khoakhtp-sk.vnkgu.edu.vn/ctdaotao-k1-k2-k3.html>) để NH tham khảo, so sánh trước khi tham gia học tập, cũng như để các cơ quan, đơn vị, xã hội tìm hiểu, phản biện [H1.01.01.08]. Đồng thời, thông tin khóa học cũng được Khoa KHTP&SK quảng bá đến NH thông qua các hình thức khác như tờ rơi, clip giới thiệu ngành CNTP [H1.01.01.13], tạo điều kiện cho NH dễ dàng tiếp cận và nắm rõ ngành CNTP.

Bên cạnh đó, để đáp ứng tốt cho việc xây dựng, chỉnh sửa CTĐT ngành CNTP gắn với nhu cầu thực tế, tổ soạn thảo CTĐT cũng thực hiện việc tham khảo thông tin từ các tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT từ 2017 – 2020 [H1.01.01.09].

## *2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố, phù hợp với quy định tại Luật GDĐH hiện hành và Khung năng lực trình độ quốc gia Việt Nam. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT của ngành CNTP phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHKG và được thiết kế trên cơ sở kết quả khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động và lấy ý kiến của các BLQ để phù hợp với tình hình xã hội hiện tại.

## *3. Điểm tồn tại*

Mục tiêu của CTĐT chưa phản ánh hết nhu cầu của thị trường lao động do việc khảo sát các bên liên quan còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh với kế hoạch định kỳ 2 năm/1 lần, Khoa phối hợp với phòng KT&ĐBCL, nhằm xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến các BLQ có chú trọng đến việc đa dạng đối tượng khảo sát và số lượng phiếu khảo sát thu về trong mỗi đợt khảo sát để đảm bảo

độ tin cậy và tăng cường lấy ý kiến thông qua tổ chức hội thảo về CTĐT. Chọn lọc những nội dung từ báo cáo khảo sát đưa vào rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng ngày càng nâng cao sự phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, và Luật GD.

Để khắc phục điểm tồn tại mục tiêu CTĐT ngành CNTT, Khoa KHTP&SK phối hợp phòng KT&ĐBCL tiến hành khảo sát, và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn.

5. *Tự đánh giá*: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.**

1. *Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành CNTT được ban hành lần đầu vào năm 2015 [H1.01.02.01] trong đó, CĐR tuyên bố về nội dung kiến thức chuyên môn; kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng trình độ, ngành đào tạo. Nhằm thống nhất và hướng dẫn các đơn vị đào tạo xây dựng CĐR, năm 2020, Trường đã ban hành thông báo về xây dựng và công bố CĐR của các CTĐT kèm theo văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR [H1.01.02.02].

Trong quá trình phát triển CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành CNTT đã trải qua hai lần điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo chu kỳ rà soát và cập nhật CTĐT ở năm 2020. Căn cứ vào quy định của Khung trình độ QGVN, căn cứ vào tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường [H1.01.02.06], mục tiêu của CTĐT và khảo sát các yếu tố thực tiễn từ giảng viên, người học, cựu người học [H1.01.02.07], CĐR của CTĐT trình độ ĐH ngành CNTT đang được xác định trong lần rà soát gần nhất vào năm 2020. Trong đó, CTĐT có 13 CĐR bao gồm các chuẩn về nhận thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của NH [H1.01.02.03], cụ thể CĐR của ngành CNTT được trình bày qua bảng 1.2 (Phụ lục 5)

Các mục tiêu đào tạo và CĐR được công khai trên Website của Khoa KHTP&SK theo đường link sau: <http://khoakhtp-sk.vnkgu.edu.vn/ctdaotao-k1-k2-k3.html> [H1.01.02.08], CĐR và thông tin khóa học ngành CNTT cũng được Khoa quảng bá bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp người học dễ tiếp cận để lựa chọn nhập học [H1.01.01.13]



CĐR	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	T	T	T	T	T	T	Nhu	Xu
	T	T	T	T	T	T	N	N	N	N	N	N	C	C	C	C	C	C	cầu	hướng
	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6		
PLO7												X							X	X
PLO8											X								X	
PLO9												X							X	X
PLO10											X								X	
PLO11										X									X	X
PLO12																X			X	X
PLO13																	X		X	X

Ngoài ra, mỗi CĐR đều được phân nhiệm cho từng HP với mức trình độ năng lực tương ứng để GV chủ động trong việc xây dựng các đề cương HP [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. Sự đóng góp của mỗi HP vào việc đạt được CĐR CTĐT (sử dụng các mức độ theo thang Bloom), được xác định cụ thể thông qua CĐR của từng HP, số tín chỉ, hoạt động dạy và học, hoạt động kiểm tra đánh giá và nội dung giảng dạy của HP qua đó cho thấy CĐR của ngành CNTP có thể đo lường và đánh giá được.

Để lấy ý kiến của các BLQ (GV, NH, NH tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về CTĐT và CĐR, khoa đã tiến hành khảo sát và tổng hợp các ý kiến được thực hiện trong các Biên bản họp [H1.01.02.05].

### 2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT CNTP đã xác định rõ yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của NH; phân nhiệm rõ ràng cho từng HP.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng đối tượng được thu thập ý kiến khi điều chỉnh CĐR chưa nhiều, nội dung các ý kiến chưa phong phú. Số lượng phiếu khảo sát đối với một số BLQ chưa đủ lớn để mang tính đại diện nên chưa bao phủ được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc rà soát, kiểm tra, đối chiếu lại phân nhiệm của từng HP để nâng cao sự đóng góp của từng HP trong việc đạt được CĐR của CTĐT.

Đồng thời, để khắc phục tồn tại về số lượng phiếu khảo sát thì Khoa KHTP&SK sẽ tiến hành hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các BLQ về CDR của CTĐT; chọn lọc những nội dung góp ý phù hợp của báo cáo khảo sát để đưa vào rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan CDR của CTĐT. Bên cạnh đó, tăng số lượng đối tượng được khảo sát, tiến hành thu thập ý kiến các BLQ bằng nhiều hình thức hợp lý hơn để cập nhật CDR cho phù hợp hơn.

5. *Tự đánh giá*: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.**

1. *Mô tả hiện trạng*

Khi xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, Khoa căn cứ vào các văn bản: Căn cứ Quyết định 1282/QĐ-ĐHKG của Hiệu trưởng Trường ĐHKG ngày 25/12/2020 công bố Sứ mạng- Tầm nhìn của nhà Trường; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/06/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Căn cứ Thông tư 22/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-ĐHKG ngày 03/07/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG về việc ban hành Hướng dẫn cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo; Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-ĐHKG ngày 05/5/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-ĐHKG ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG về việc ban hành biểu mẫu rà soát đánh giá chương trình đào tạo; Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-ĐHKG ngày 26/10/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG về việc rà soát, điều chỉnh, thay thế và cập nhật mới CTĐT trình độ đại học; Căn cứ Thông báo 128/TB-ĐHKG ngày 16/7/2018 của Hiệu

trường Trường ĐHKG về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT và bổ sung các điều kiện ĐBCL theo quy định; Kế hoạch 120/KH-ĐHKG ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG về việc rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định quốc gia; Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-ĐHKG ngày 09/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG về việc thành lập Hội đồng thẩm định rà soát, xây dựng và hoàn thiện CTĐT ngành CNTP. Với Quyết định 1067/QĐ-ĐHKG ngày 09/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG quy định thành lập ban chỉ đạo cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ đại học CNTP năm 2020 và thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo CNTP trình độ Đại học năm 2020;

Trong đó, có bước quy định lấy ý kiến các BLQ (GV, NH, cựu NH, nhà tuyển dụng, chuyên gia), đối sánh với các CĐR của CTĐT của các trường khác trong và ngoài nước [H1.01.03.01]. Qua bảng đối sánh thấy được CĐR của CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước có nhiều điểm tương đồng như: NH có thể hiểu và áp dụng các kiến thức vào thực tế, sử dụng thành thạo CNTT để đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, NH còn có thể tương tác hiệu quả với các cá nhân, tổ chức để hướng tới một kết quả tốt nhất.

Việc xây dựng CĐR được thực hiện dựa trên phân tích nhu cầu của thị trường lao động; khảo sát nhu cầu của NH, người sử dụng lao động; đồng thời tham khảo CĐR của các trường có đào tạo cùng lĩnh vực [H1.01.03.01-03]. Khoa KHTP&SK cũng đã điều chỉnh ma trận kết nối giữa CĐR và mục tiêu đào tạo phù hợp với nhu cầu XH [H1.01.01.12], việc xây dựng CĐR CNTP dựa trên nhu cầu thực tiễn và dựa trên các văn bản mà nhà trường ban hành định kỳ rà soát điều chỉnh CĐR [H1.01.03.06]

Các lần rà soát CTĐT đều mời các nhà tuyển dụng và chuyên gia tới từ các Cơ sở Giáo dục Đại học khác thông qua Hội đồng thẩm định CTĐT; tổ chức các cuộc họp chuyên môn của Khoa/Trường góp ý cho CĐR và CTĐT [H1.01.03.04].

CĐR được rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần chung với việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, cụ thể: CĐR của CTĐT trình độ Đại học ngành CNTP đã được rà soát, điều chỉnh vào năm 2020 [H1.01.03.04]. Việc rà soát, điều chỉnh được thực hiện trên cơ sở các quy định nhà nước và phân tích thị trường lao động cũng như nhu cầu của các BLQ [H1.01.03.03], [H1.01.03.06], CĐR sau khi được rà soát, điều chỉnh, bổ sung đã được Hiệu trưởng kí ban hành và áp dụng cho các khóa học tiếp theo [H1.01.03.05].



Bảng 1.4 dưới đây thể hiện sự phát triển của CDR của CTĐT theo thời gian kể từ khi Xây dựng CTĐT:

**Bảng 1.4. So sánh chuẩn đầu ra của trình độ DH ngành CNTP qua các năm**

Năm học	2017 – 2018	2020 – 2021
Số lượng PLOs	8	13
	Chưa xây dựng ma trận tích hợp	Có xây dựng ma trận tích hợp

Từ năm 2020, ma trận tích hợp giữa CDR chương trình với các học phần trong chương trình được xây dựng, trong đó mỗi học phần đều đóng góp vào việc đạt được một số CDR của CTĐT ở các mức độ xác định. Tiếp đó, các hoạt động đánh giá, các hoạt động dạy học và nội dung giảng dạy trong mỗi học phần được xác định cụ thể để giúp NH đạt các CDR học phần, từ đó đạt chuẩn đầu ra CTĐT [H1.01.03.05] [H1.01.01.12].

Ngay sau khi ban hành, CDR của CTĐT được công bố công khai trong báo cáo cập nhật việc thực hiện Ba công khai của Trường hàng năm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các tài liệu quảng bá tuyển sinh của Nhà trường [H1.01.01.08] [H1.01.01.13].

**Bảng 1.5. Các kênh thông tin của Khoa dùng để công khai CDR của CTĐT với các BLQ**

Kênh truyền thông	Loại tài liệu	Người chịu trách nhiệm truyền thông	Đối tượng tiếp nhận thông tin	Ghi chú
Họp Khoa	Văn bản	Trưởng khoa	Giảng viên	
Website	Văn bản số dạng pdf	Giảng viên	Mọi đối tượng	
Hội thảo	Báo cáo tham luận	Phó trưởng khoa	Cựu sinh viên, Doanh nghiệp	

### 2. Điểm mạnh

Việc xây dựng CDR của CTĐT được lấy ý kiến của các BLQ nhằm cập nhật những yêu cầu mới nhất.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến các BLQ để rà soát, điều chỉnh, cập nhật mục tiêu đào tạo và CDR còn hạn chế về số lượng và chưa đa dạng các lĩnh vực.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, đồng thời trong các đợt rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT tiếp theo, theo định kỳ 2 năm/lần.

Để khắc phục điểm tồn tại, Khoa KHTP&SK lập kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các BLQ về nhu cầu, thay đổi bối cảnh và sửa đổi, bổ sung CTĐT. Đa dạng các hình thức công bố CDR trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa. Rà soát để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương pháp giảng dạy và cách thức đánh giá phù hợp với CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

##### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

- Mục tiêu CTĐT ngành CNTP xác định rõ ràng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về lĩnh vực sản xuất thực phẩm trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Mục tiêu CTĐT ngành CNTP được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học.

- CDR ngành CNTP được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; CDR thể hiện các mức độ giảng dạy và trình độ năng lực mà NH cần phải đạt được, vì vậy có thể đo lường và đánh giá được.

- CDR của CTĐT trình độ Đại học ngành CNTP được xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi của các tổ chức độc lập và từ các BLQ trong và ngoài trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành CNTP.

##### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của CDR của CTĐT ngành CNTP được xác định: việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường, của Trường ĐHKG mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học. Sự gắn kết giữa Khoa KHTP&SK với nhà tuyển dụng để nắm bắt nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:***

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

**Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

**Mở đầu**

HE KH&ĐT Khoa KHTP&SK đã thành lập ban soạn thảo CTĐT ngành CNTP, từ đó xây dựng Bản mô tả CTĐT và công bố công khai đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm giúp SV, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác có cơ hội tiếp cận và tìm hiểu về CTĐT ngành CNTP của Trường ĐHKG. Điều này giúp cho SV hiểu rõ về CTĐT và chủ động lên kế hoạch học tập theo từng học kỳ phù hợp với năng lực của bản thân. Đồng thời, các cơ quan, tổ chức hành nghề lĩnh vực thực phẩm có nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành CNTP cũng có thể tìm hiểu và lựa chọn các ứng viên tiềm năng cho các vị trí tuyển dụng của mình. Định kỳ, HE KH&ĐT Khoa tiến hành rà soát để cập nhật Bản mô tả CTĐT và ĐCCT và công bố công khai qua nhiều hình thức khác nhau.

**Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật**

***1. Mô tả hiện trạng***

Bản mô tả CTĐT ngành CNTP có đầy đủ các nội dung. Từ năm 2015, ngành CNTP được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo, theo Quyết định số 1949/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2015 và theo Quyết định số 50/QĐ-ĐHKG ngày 20/2/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG ban hành CTĐT ngành CNTP [H2.02.01.01]. Đến năm 2020, CTĐT được điều chỉnh để phù hợp với quy định của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016, Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính như sau [H2.02.01.02]: Tên CTĐT; tên gọi của văn bằng; cơ sở đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc CTĐT; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Ma trận kỹ năng; Nội dung tóm tắt các học phần; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh và trang thông tin điện tử của Khoa KHTP&SK và Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT, và được phổ biến cho SV ngay từ đầu năm học [H1.01.01.13]. Qua đó, các bên liên quan (GV, SV, nhà tuyển dụng) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực [H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan;

được rà soát và cập nhật các nội dung mới nhất về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT và ma trận kỹ năng [H2.02.01.06]. Đặc biệt, do thị trường lao động thay đổi cùng với quá trình hội nhập quốc tế nên vị trí việc làm trong bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên theo tình hình thực tế, có bổ sung các việc làm mới trong lĩnh vực thực phẩm. Theo đó, SV tốt nghiệp ngành CNTP có thể làm việc tại Kiên Giang hoặc vùng lân cận cụ thể: Doanh nghiệp chế biến và dịch vụ thực phẩm; Cơ quan quản lý nhà nước về thực phẩm; Cơ quan phân tích, kiểm định, quản lý chất lượng, an toàn - vệ sinh thực phẩm; Cơ sở nghiên cứu thực phẩm.

Hàng năm, Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, triển khai theo kế hoạch [H2.02.01.05]. Trong quá trình điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành CNTP năm 2017 và năm 2020, Trường đã tham khảo ý kiến các BLQ [H2.02.01.03]: Khoa KHTP&SK tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước và của nước ngoài, như Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Đại học Nha Trang [H2.02.01.04].

Thông tin về bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang điện tử của Trường và Khoa để NH tham khảo, đồng thời cũng được cập nhật trong các tài liệu quảng bá, phổ biến trong buổi gặp mặt đầu khoá của NH [H1.01.01.08].

## *2. Điểm mạnh*

CTĐT được mô tả chi tiết và đầy đủ thông tin giúp những người liên quan có đầy đủ thông tin để đánh giá. Việc rà soát điều chỉnh thực hiện định kỳ giúp bổ sung, hoàn thiện CTĐT giúp cập nhật kiến thức thực tế hỗ trợ cho người học tốt hơn.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát các BLQ chưa được rộng rãi và đa dạng đối tượng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh tăng cường công tác phát triển trang Web của khoa, để tất cả các bên liên quan có thể truy cập dễ dàng. Thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo quy trình ĐBCL.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK khắc phục điểm tồn tại là khi điều chỉnh CTĐT cần xác định số lượng đối tượng lấy ý kiến của các BLQ bảo đảm thông tin thu thập đủ độ tin cậy.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

## **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu đề cương HP, theo đó tất cả (100%) đề cương HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: tên đơn vị phụ trách, tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên HP; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H2.02.02.01].

Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, điều chỉnh HP của CTĐT ngành CNTP được rà soát, điều chỉnh ba lần và vào các năm 2017, 2019 và 2020 [H2.02.02.02]. Nhà trường ban hành Quy định, Hướng dẫn về việc biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần ngành CNTP (Quy định số 202 năm 2018, Quy định số 482 năm 2019) [H2.02.02.03].

So với phần rà soát, điều chỉnh năm 2017 thì lần rà soát điều chỉnh năm 2020 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CDR; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR HP và ma trận giữa CDR của HP với CDR của CTĐT; điều chỉnh tên HP, mã HP, điều kiện tiên quyết, tiến trình đào tạo các HP; điều chỉnh tên một số HP cho phù hợp; chỉnh sửa về hình thức trình bày; phương pháp giảng dạy – học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức kiểm tra đánh giá HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, ...); bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu dựa trên những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc [H2.02.02.06].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường và của Khoa KHTP&SK; qua gặp tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của NH,... và gửi trực tiếp cho

NH qua cố vấn học tập, qua tài khoản mail cung cấp cho NH [H2.02.02.07], [H1.01.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Đề cương các HP của CTĐT ngành CNTP thể hiện đầy đủ các thông tin sau khi rà soát và cập nhật hàng năm, bổ sung thêm nội dung mới như Rubrics đánh giá môn học.

## 3. Điểm tồn tại

Các ý kiến đóng góp của cựu NH cho việc cải tiến cập nhật CTĐT, CDR thì đầy đủ nhưng với ĐCCT HP thì còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK kết hợp với phòng KT&ĐBCL sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh rà soát, cập nhật định kỳ theo kế hoạch, bổ sung thêm các Rubrics đánh giá HP.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại khi rà soát, cập nhật thông tin vào các phiếu khảo sát và xây dựng thêm các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các cựu NH về ĐCCT để việc cập nhật ĐCCT ngày càng hoàn chỉnh hơn.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT sau khi được cập nhật được HĐ KH&ĐT của Khoa KHTP&SK thông qua và phê duyệt chính thức để áp dụng [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyên sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt SV đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và của Khoa (gián tiếp). Đối với các HP, tất cả ĐCCT học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên trang thông tin điện tử của Khoa và SV có thể truy cập bằng tài khoản là email của Trường cung cấp. Qua đó, SV có thể tham khảo về nội dung của học phần để lựa chọn học phần phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT học phần được giới thiệu trực tiếp cho SV ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để SV dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể [H2.02.03.02] [H1.01.01.08].

Trường ĐHKG đã ban hành công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.05]. Hệ thống công nghệ thông tin được ứng dụng để đăng tải Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa để SV có thể tự tham khảo trong quá trình học tập [H1.01.01.08]. Điều này giúp SV có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà.

Các BLQ gồm cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT ngành CNTP được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến học sinh, phụ huynh và các đối tượng có quan tâm. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân học sinh SV đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để SV dễ tra cứu và tìm hiểu [H2.02.03.04] [H2.02.03.06]. Từ năm 2019, Nhà trường và Khoa đưa fanpage dành cho cựu SV ngành công nghệ thực phẩm vào hoạt động chính thức [H2.02.03.07], tăng thêm kênh liên hệ của cựu SV với các đơn vị đào tạo, qua đó CTĐT được các cựu SV tiếp cận và tham gia vào việc truyền thông cũng như cho ý kiến phản hồi góp phần phát triển CTĐT.

Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả học phần ngành CNTP đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng phương pháp giảng dạy phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần [H2.02.03.05].

Hàng năm, Trường/Khoa đều khảo sát ý kiến của GV, NH về CTĐT, ý kiến NH về hoạt động giảng dạy hàng năm cho thấy, trên 90% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Thầy cô biết mục tiêu, CDR của chương trình đào tạo”; trên 90% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “GV giới thiệu đề cương môn học, kiểm tra đánh giá và kết quả học tập mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên” [H2.02.03.03].

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và đề cương môn học luôn được kịp thời công bố công khai, rộng khắp qua nhiều kênh trực tiếp cũng như gián tiếp nhằm tạo điều kiện tiếp cận tốt nhất cho các BLQ.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành CNTP còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH; chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Hàng năm, từ năm học 2022- 2023 trở đi, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh về việc đề cương môn học, Bản mô tả CTĐT công bố công khai và rộng khắp qua nhiều hình thức.

Đồng thời, Phòng KT&ĐBCL và Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng việc tăng cường tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

*5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

##### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Việc xây dựng CTĐT được thực hiện theo quy trình và biểu mẫu rõ ràng. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành CNTP được thể hiện đầy đủ và tường minh; Bản mô tả CTĐT ngành CNTP luôn cập nhật những vấn đề theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới trên cơ sở phân tích đối sánh với các trường đại học khác trong và ngoài nước phù hợp nhu cầu của thị trường lao động về lĩnh vực thực phẩm. Đề cương các HP của ngành CNTP thể hiện đầy đủ các thông tin, thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà NH cần đạt được sau khi học xong HP; Tất cả các ĐCCT HP được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Đặc biệt, các CDR của HP được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác mức độ đáp ứng CDR của CTĐT, đồng thời phương pháp dạy và học được chi tiết hóa theo CDR. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành CNTP được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau (công bố công khai trên website, trong buổi gặp mặt người học đầu khoá học, sinh hoạt với cố vấn học tập, ...), tạo điều kiện cho BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

##### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn***

Một số hạn chế của bản mô tả CTĐT ngành CNTP được xác định: việc khảo sát các bên liên quan chưa được rộng rãi và đa dạng, trong xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết các học phần thì các ý kiến đóng góp của cựu NH còn hạn chế. Đồng thời, việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành CNTP chưa đa dạng đối tượng.

##### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:***

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%



### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

CTDH ngành CNTP được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo và yêu cầu đạt được các kết quả học tập mong đợi đã đề ra. Trong quá trình xây dựng CTDH, Tổ soạn thảo CTDH đã cân nhắc và khảo sát ý kiến của các bên liên quan trong việc phân bổ các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để phù hợp với các CĐR của CTDH. Thực hiện theo định hướng ứng dụng – thực hành, CTDH ngành CNTP cũng chú trọng tỉ lệ lý thuyết và thực hành của các HP, nhằm cung cấp đầy đủ các kiến thức chuyên môn về pháp luật cho SV cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Vì vậy, mỗi HP đều có vai trò quan trọng và đóng góp cho CĐR của CTDH.

#### **Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.**

##### *1. Mô tả hiện trạng*

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, theo quy chế đào tạo Đại học của Bộ GD & ĐT và quy chế đào tạo của Trường ĐHKG [H3.03.01.01]. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành CNTP. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, và kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02], [H1.01.01.12].

**Bảng 3.1. Tính phù hợp của CĐR và các khối kiến thức trong CTĐT**

	<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Khối kiến thức</b>
<b>Kiến thức</b>	PLO 1. Áp dụng các kiến thức toán học, khoa học tự nhiên trong các lĩnh vực thuộc ngành công nghệ thực phẩm.	Kiến thức đại cương
	PLO 2. Hiểu biết kiến thức chính trị, văn hóa, xã hội để rèn luyện bản thân.	Kiến thức đại cương
	PLO 3. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vào một trong những lĩnh vực: Công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, chế biến lương thực, thủy sản...	Kiến thức cơ sở ngành Kiến thức chuyên ngành.
<b>Kỹ năng</b>	PLO 4. Vận hành các thiết bị, hệ thống thiết bị, dây	Kiến thức cơ sở

	chuyên sản xuất thuộc ngành công nghệ thực phẩm	ngành.
	PLO 5. Tính toán, thiết kế hệ thống và quy trình sản xuất thuộc ngành Công nghệ, đáp ứng nhu cầu kỹ thuật trong điều kiện thực tiễn về kinh tế, môi trường, an toàn lao động và phát triển bền vững.	Kiến thức chuyên ngành.
	PLO 6. Thực hiện thành thạo thí nghiệm, phân tích, đánh giá các quy trình, thiết bị, hệ thống thuộc ngành công nghệ thực phẩm	Kiến thức cơ sở ngành. Kiến thức chuyên ngành
	PLO 7. Hoạt động và cộng tác trong một tập thể đa ngành;	Kiến thức chuyên ngành
	PLO 8. Thực hiện được giao tiếp chuyên môn hiệu quả	Kiến thức chuyên ngành
	PLO 11. Có sức khỏe làm việc và phát triển Tổ quốc Việt Nam.	Kiến thức cơ sở ngành.
	PLO 12. Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định, áp dụng vào xử lý trong lĩnh vực thực phẩm	Kiến thức cơ sở ngành.
	PLO 13. Sử dụng tiếng anh trong chuyên môn công nghệ thực phẩm, có khả năng đạt chứng chỉ tiếng Anh A2 trở lên	Kiến thức cơ sở ngành.
<b>Thái độ (năng lực tự chủ và trách nhiệm)</b>	PLO 9. Hiểu biết kiến thức về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành
	PLO 10. Thích ứng với môi trường học tập suốt đời	Kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành

Trong chương trình dạy học, mỗi học phần có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR, cụ thể theo ma trận kỹ năng [H1.01.01.12]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR. Theo đó, CTDH gồm **150 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó:

- Kiến thức đại cương : 36 tín chỉ Tỷ lệ: 24 %
- Kiến thức chuyên nghiệp : 114 tín chỉ Tỷ lệ: 76 %

+ Kiến thức cơ sở ngành	: 37 tín chỉ	Tỉ lệ: 32,5 %
+ Kiến thức chuyên ngành	: 67 tín chỉ.	Tỉ lệ: 58,8 %
+ Tốt nghiệp	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 8,7 %
+ Các học phần thay thế	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 8,7 %
+ Khóa luận tốt nghiệp	: 10 tín chỉ	Tỉ lệ: 8,7 %

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Trong quá trình xây dựng CDTH, Khoa KHTP&SK thực hiện và cập nhật theo triết lý khác nhau từng năm, CTDH được xây dựng theo hướng phát triển năng lực của người học. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa xác định **“hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Khoa gắn liền với hoạt động thực tiễn nhu cầu xã hội”** nhằm đào tạo đội ngũ SV có kiến thức vững vàng và năng lực thực hành nghề nghiệp tốt có chất lượng và uy tín.

Việc giảng dạy và học tập của ngành CNTP được thực hiện kết hợp các phương pháp giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp và các phương pháp giảng dạy theo định hướng thực hành. Đối với các học phần cơ sở ngành, phương pháp giảng dạy chủ yếu sử dụng thuyết giảng kết hợp với thảo luận nhóm, thuyết trình. Đặc biệt, SV ngành CNTP cần đạt được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp như khả năng phân tích và giải quyết trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm. Do đó, CTDH được thiết kế có các tiết thực hành và các buổi kiến tập, thực tập tại nhà máy lĩnh vực sản xuất thực phẩm [H3.03.01.03].

CTDH được triển khai thực hiện cụ thể theo kế hoạch qua các năm và phân bổ GV phụ trách từng môn học phù hợp cụ thể theo Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.04]. NH phải thực hiện theo kế hoạch thực hiện CTDH này đối với từng khối kiến thức cụ thể để đạt được các CĐR [H3.03.01.04], [H3.03.01.07] cần thiết của CTĐT ngành CNTP. Quá trình xây dựng CTDH có sự tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo trong nước như đại học Cần Thơ, Đại học Nha Trang [H3.03.01.06].

Hằng năm, Khoa đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để tổng hợp và phân tích kết quả nhằm đưa ra các định hướng hoàn thiện CTDH ngành CNTP [H3.03.01.05] [H3.03.01.08].

## 2. Điểm mạnh

CTDH ngành CNTP được xây dựng phù hợp yêu cầu của CĐR. Các ĐCCT trong từng HP đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy – học và đánh giá để đạt được CĐR.

Nhà trường thường xuyên có các hội thảo trao đổi về cách sử dụng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cho các GV để nâng cao hiệu quả trong quá trình dạy học.

### 3. Điểm tồn tại

CTDH thiết kế nhiều hoạt động gắn kết với doanh nghiệp, với các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CDR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh bằng việc tiếp tục cập nhật và điều chỉnh ĐCCT HP phù hợp với CDR, thể hiện tính gắn kết giữa dạy và học, đánh giá kết quả.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng việc xây dựng kế hoạch và triển khai điều chỉnh CTDH tiếp theo, xây dựng bản mô tả CTDH độc lập, chi tiết và ngắn gọn để tiến hành lấy ý kiến của các BLQ.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.**

#### 1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành CNTP trình độ ĐH năm 2020 được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở ngành đến ngành chuyên sâu như được mô tả trong Bảng 3.2.

**Bảng 3.2: Cấu trúc các khối kiến thức của CTĐT CNTP**

Stt	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1	Phần kiến thức chung	36	24
2	Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	33	22
3	Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn	4	2,7
4	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	63	42
5	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	4	2,7
6	Luận văn/khóa luận	10	6,6
<b>Tổng toàn khóa</b>		<b>150</b>	<b>100%</b>

Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các môn học/ HP trong CTDH được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR HP để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR HP. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCCT HP, Ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01] [H1.01.01.12].

Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR [H3.03.02.01] [H3.03.01.03].

100% các môn học/ HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học (Trình bày cụ thể trong tiêu chuẩn 4), phương pháp kiểm tra/đánh giá (tiêu chuẩn 5) phù hợp, tương thích và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo NH đạt được CĐR [H3.03.02.01] [H1.01.01.12].

**Bảng 3.3. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy – học**

Chiến lược và phương pháp dạy học		PLOS													Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>I</b>	<b>Dạy trực tiếp</b>														
1	Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x	-	x	x	x	x	x	x	
2	Thuyết giảng	x	x	x	x	-	-	-	x	x	x	x	-	-	
3	Tham luận							x			x	x	x	x	
<b>V</b>	<b>Dạy học tương tác</b>														
1	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2	Học nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3	Tranh luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				

**Bảng 3.4. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và Kiểm tra đánh giá**

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I</b>	<b>Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)</b>													
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x								
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x								
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x								
<b>II</b>	<b>Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)</b>													
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x	x	x	x				x	x	x		
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x		x	x					
7	Báo cáo (Written Report)	x	x	x	x	x			x	x	x			
8	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Toàn bộ đề cương các HP cũng được rà soát cập nhật và bổ sung theo góp ý của các BLQ như NH, GV [H3.03.02.02] [H3.03.02.03]. Từ năm 2017 đến nay đã có 3 lần rà soát bổ sung điều chỉnh đề cương môn học theo CTĐT vào năm 2017, 2019 và 2020, với mục đích đảm bảo yêu cầu theo quy định của luật Giáo dục đại học, khung trình độ Quốc gia và cập nhật cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, thị trường lao động và những phát triển của lĩnh vực về thực phẩm trong nước và thế giới.

Qua kết quả các đợt khảo sát lấy ý kiến từ NH cuối mỗi học kỳ và cuối khóa học, cho thấy: trên 85 % hài lòng với nội dung của các HP được thiết kế trong chương trình [H3.03.02.05]. Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc HP và điểm luận văn/khóa luận của NH để đo lường mức độ đạt được CDR của mỗi môn học đều đạt yêu cầu; chứng tỏ mỗi HP đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CDR của chương trình. Quá trình rà soát, thẩm định, xây dựng, nghiệm thu

CTDH có sự tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo trong nước như đại học Cần Thơ, Đại học Nha Trang [H3.03.02.04] [H3.03.02.05] [H3.03.01.06].

Chuẩn đầu ra của mỗi học phần, chuẩn đầu ra khóa học đều được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp người học dễ tiếp cận và chuẩn bị tốt nhất cho học tập [H1.01.01.13]

## *2. Điểm mạnh*

Mức độ đóng góp của các HP đóng góp đối với CĐR được thể hiện rõ ràng và đánh giá được thông qua hoạt động kiểm tra, đánh giá NH.

## *3. Điểm tồn tại*

Mức độ đạt được các CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH chưa được đánh giá chi tiết.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh về các đóng góp của các học phần đối với CĐR rõ ràng và đánh giá bằng nhiều hoạt động.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng việc lập kế hoạch thiết kế các Rubrics đánh giá CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm theo các tiêu chí cụ thể và chi tiết hơn.

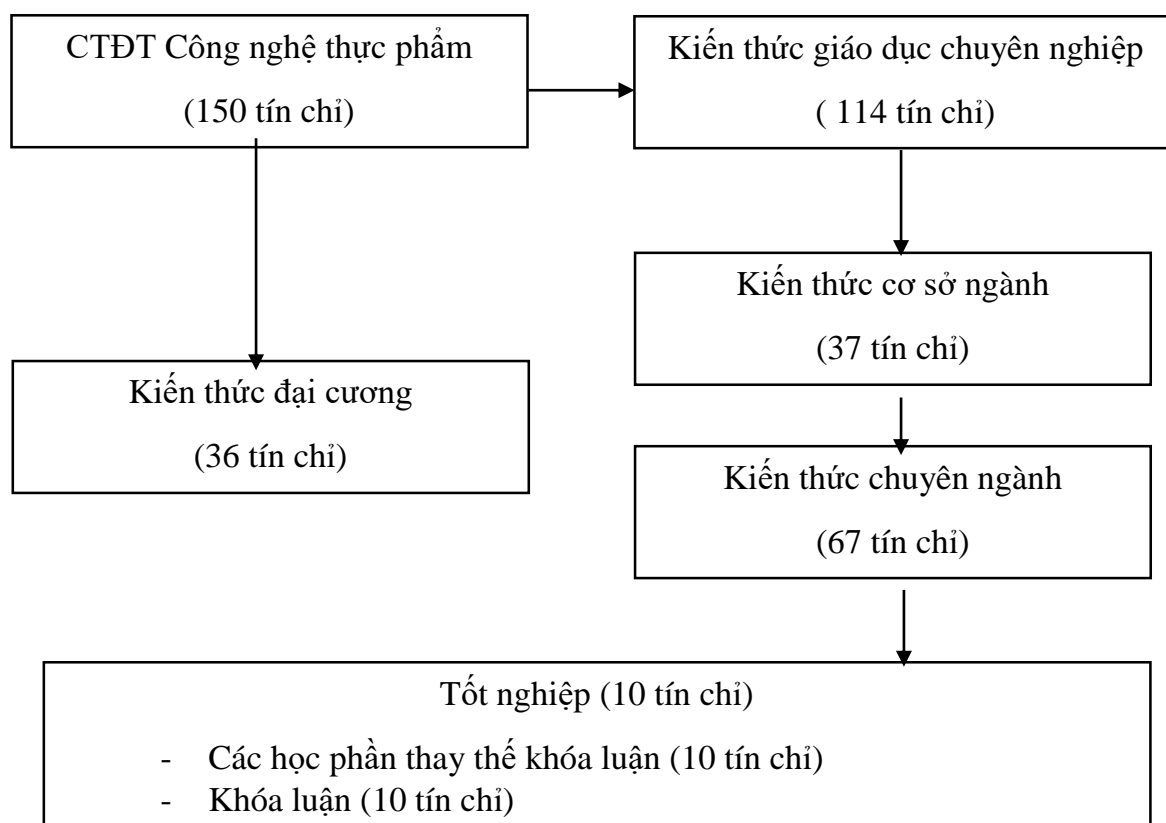
## *5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).*

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Tất cả các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành CNTP được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm [H3.03.02.01].

CTDH ngành CNTP được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp và gắn kết chặt chẽ với nhau.



**Hình 3.3. Mối liên kết giữa các khối kiến thức**

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch [H3.03.03.02] [H3.03.02.03]. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4 năm [H3.03.01.03]. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các học phần thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về thực phẩm trên giảng đường. Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ sở nhà máy chế biến thực phẩm và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được



năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực sản xuất thực phẩm trong tương lai.

Chương trình dạy học có 150 tín chỉ, được chia thành 8 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho SV, gồm: chương trình dạy học được thể hiện qua trình tự các học phần theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các học phần ở học kỳ trước là nền tảng cho các học phần ở học kỳ tiếp theo [H3.03.03.05].

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của hai năm học đầu tiên (từ học kỳ 1 đến học kỳ 4) và được phân bổ rải rác trong các học kỳ này để tránh sự nhàm chán cho SV. Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho SV, ví dụ: như học phần thực tập (kiến tập) được giảng dạy ngay học kỳ đầu tiên của CTĐT. Các học phần chuyên ngành cơ bản được bố trí theo trình tự từ các học phần như nguyên liệu thực phẩm và công nghệ sau thu hoạch cho đến các học phần công nghệ chế biến đồ uống. Đến năm học thứ ba (học kỳ 5 đến học kỳ 6), SV tập trung học các học phần chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT [H3.03.03.01]. Nhờ đó, SV có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CĐR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.01], [H1.01.01.12].

Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CTDH ngành CNTP được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường [H3.03.03.04], [H3.01.01.08]. Dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan như NH, GV và nhà tuyển dụng [H3.03.02.02] [H3.03.02.03], CTDH được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động.

Từ năm 2017 đến nay, CTDH ngành CNTP đã trải qua những lần thay đổi lớn vào năm 2017-2021 được HĐ KH&ĐT Khoa KHTP&SK phê duyệt để triển khai chính thức [H3.03.02.01], [H3.03.03.05].

**Bảng 3.5. Bảng tổng hợp các nội dung các lần điều chỉnh CTĐT năm 2017 đến năm 2020**

Năm	Yêu cầu của các bên liên quan	Chương trình	
		Thay đổi về nội dung	Nguyên nhân thay đổi
2017	Tên học phần phù hợp nội dung giảng dạy	Điều chỉnh tên học phần	Phù hợp với lĩnh vực thực phẩm
2018	Điều chỉnh chương trình đào tạo	Xây dựng học phần thực hành cơ sở ngành và thực hành chuyên ngành	Tăng thời gian thực hành cho NH
2019	Điều chỉnh CTĐT	Tăng số tín chỉ	Tăng học phần thực hành cho NH
2020	Tạo điều kiện cho NH đăng ký kế hoạch học tập	Xóa điều kiện tiên quyết	Khó khăn cho NH học vượt
2021	Điều chỉnh mã học phần	Xây dựng mã học phần mới	Nội dung học phần có thay đổi

CTĐT khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa KHTP&SK đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín khác trong nước như ĐH Cần Thơ, Đại học Nha Trang [H3.03.03.03]. Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành CNTP Trường ĐHKG phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành thực phẩm ở Việt Nam hiện nay.

**Bảng 3.6. Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH của một số trường ĐH và trường Đại học Kiên Giang**

Nội dung đối sánh	CTDH ngành CNTP của Trường ĐHCT (2021)	CTDH ngành CNTP của Trường Nha Trang (2021)	CTDH ngành CNTP của Trường ĐHKG (2021)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ (không	139 tín chỉ	138 tín chỉ	134 tín chỉ	Tổng số tín chỉ của CTDH CNTP thấp hơn các

tính thể chất và quốc phòng)				trường khác.
<b>Cấu trúc chương trình: (tín chỉ)</b>				
Kiến thức đại cương	52 tín chỉ	59 tín chỉ	36 tín chỉ	Khối kiến thức đại cương của ngành CNTP thấp hơn khối kiến thức của Trường ĐHCT và ĐHNT nhằm giúp NH tích lũy được các kiến thức cơ bản về cơ sở và chuyên ngành
Kiến thức cơ sở ngành	42 tín chỉ	38 tín chỉ	37 tín chỉ	Kiến thức cơ sở ngành CNTP thấp hơn ĐHCT và ĐHNT nhằm NH tích lũy kiến thức chuyên ngành
Kiến thức chuyên ngành	56 tín chỉ	42 tín chỉ	67 tín chỉ	Kiến thức chuyên ngành CNTP cao hơn nhiều so với ĐHCT và ĐHNT giúp NH tích lũy chuyên môn
HP tốt nghị ệp	10 tín chỉ	10 tín chỉ	10 tín chỉ	Khối lượng kiến thức đúng quy định

Đồng thời, CTDH có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, SV có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như: sản xuất sạch hơn trong chế biến thực phẩm, nước cấp-nước thải.... Ngoài ra, ở học kỳ cuối của CTDH, SV có thể lựa chọn làm Khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện) hoặc học các môn thay thế như: Chuyên đề tốt nghiệp và quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm. Các HP này được lựa chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của SV. Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế cân đối trong tổng số tín chỉ của CTDH (chiếm 5,4 %). Nhờ vậy, SV có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau.

## *2. Điểm mạnh*

Cấu trúc CTDH ngành CNTP được thiết kế cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, tỉ lệ các môn bắt buộc và môn tự chọn. CTDH được thiết kế và điều chỉnh trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNTP trong giai đoạn hiện nay.

CTDH cũng được rà soát định kỳ để hoàn thiện hơn và được xây dựng theo định hướng ứng dụng thực hành để đào tạo NH có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực thực phẩm vững chắc và thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm.

## *3. Điểm tồn tại*

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT, Khoa/Bộ môn có thực hiện lấy ý kiến đóng góp của các BLQ nhưng số lượng các nhà sử dụng lao động được khảo sát còn ít, việc tiếp thu ý kiến của các BLQ chưa nhiều. Có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh của CTDH ngành CNTP, định kỳ rà soát để hoàn thiện hơn CTDH.

Đồng thời, Khoa/Bộ môn sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng việc mở rộng và đa dạng góp ý các BLQ, đặc biệt là lấy ý kiến của các doanh nghiệp. Đồng thời Khoa/ Bộ môn cũng nâng cao chất lượng công tác đối sánh, sử dụng kết quả.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn 3:***

Khoa KHTP&SK đã thiết kế CTDH dựa trên CĐR. CTDH sử dụng tổ hợp các PPĐG KQHT của NH gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Tất cả các ĐCHP đều chỉ ra phương pháp đánh giá, hình thức KTĐG HP phù hợp, góp phần hướng đến để đạt được CĐR cho NH. Tất cả các HP đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp đối với việc đạt được CĐR của CTDH các HP được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT thông qua ma trận phân nhiệm HP. CTDH được chia thành khối các HP bắt buộc, các HP tự chọn. Tất cả các HP sau khi được rà soát, điều chỉnh đã được bố trí hợp lí, đảm bảo tính kế thừa và tích lũy kiến thức đáp ứng CĐR của CTĐT.

CTDH ngành CNTP được thiết kế theo qui định của Bộ GD&ĐT, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành và cuối cùng là khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế; 100% ĐCHP đều ghi rõ các HP tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn 3:***

Một số hạn chế của CTDH ngành CNTP được xác định: hoạt động ghi nhận sự phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ. Mức độ đạt được các CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH chưa được đánh giá chi tiết, số lượng các nhà sử dụng lao động được khảo sát còn ít, việc tiếp thu ý kiến của các BLQ chưa nhiều. Có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:***

Có 2/3 tiêu chí đạt điểm 5. 1/3 tiêu chí đạt mức 4. Mức trung bình: 4,67; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

**Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

**Mở đầu**

Trường ĐHKG theo định hướng ứng dụng nên triết lý giáo dục (TLGD) của Trường và Khoa KHTP&SK là “Tạo môi trường học tập vì sự phát triển cộng đồng”. Khoa KHTP&SK đã vận dụng TLGD của Nhà trường phù hợp với thực tiễn của Khoa, chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học, hướng đến đạt được CĐR của HP.

**Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.**

***1. Mô tả hiện trạng***

Trường ĐHKG và Khoa KHTP&SK có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD hoặc mục tiêu giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường ĐHKG là “Tạo môi trường học tập vì sự phát triển cộng đồng” được Hiệu trưởng ký tuyên bố chính thức bằng văn bản vào ngày 25/12/2020. Khoa KHTP&SK thống nhất sử dụng TLGD này và chuyển tải thành TLGD của Khoa đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành tháng 1 năm 2021 với nội dung như sau [H4.04.01.01]: Khoa học thực phẩm và sức khỏe luôn quan tâm đến xây dựng môi trường để người

học chủ động học tập và rèn luyện, luôn tạo cơ hội tiếp thu tối đa những kiến thức trong quá trình đào tạo, tự đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, SV của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. TLGD của Trường được toàn thể cán bộ, lãnh đạo Nhà trường cùng tham gia thảo luận để thống nhất. Từ đó, GV, NV của Khoa KHTP&SK cũng đã họp thảo luận để cụ thể hóa dựa trên TLGD của Nhà trường. Vì vậy, GV và NV của Khoa hiểu rõ, chuyên tâm trực tiếp vào các hoạt động dạy và học. Nhằm thực hiện thực học thực hành, Nhà trường đã có xây dựng mô hình gắn kết đào tạo giữa Trường với Doanh nghiệp, Khoa đã thực hiện thỏa thuận với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động thực tiễn cho SV như thực hành chuyên ngành tại nhà máy, các học phần kiến tập và thực tập ngành nghề [H4.04.01.06].

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau [H4.04.01.03]. Triết lý giáo dục của Trường được đăng tải trên website Trường, TLGD của Khoa được đăng tải trên website của Khoa [H4.04.01.02]. Ngoài ra, TLGD của Nhà trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường, Văn phòng khoa để phổ biến đến GV, NV, SV, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. SV còn được phổ biến TLGD thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa. GV thường xuyên được phổ biến để chuyển tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học tại các buổi họp chuyên môn [H4.04.01.04].

Khoa KHTP&SK đã khảo sát các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với Triết lý giáo dục của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy: CB, VC và NLD tiếp cận những thông tin về Tầm nhìn Sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường nhiều nhất qua trang thông tin điện tử của Trường/Khoa (90%); Đối với mức độ thấu hiểu về Tầm nhìn sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường, 97% CB, VC và NLD trả lời đồng ý, 3% không đồng ý và được thể hiện qua việc áp dụng vào các hoạt động như *Xây dựng kế hoạch làm việc của cá nhân hàng năm (90%); Xây dựng kế hoạch, phương hướng của đơn vị (90%)* hay *Tổ chức dạy và học; thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học (90%)* [H4.04.01.05].

## 2. Điểm mạnh

TLGD của Nhà trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, SV của trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức.

### 3. Điểm tồn tại

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Trong đó, mức độ hiểu và áp dụng TLGD của các BLQ là chưa đồng đều (gồm GV, SV, các nhà tuyển dụng), mức độ hiểu và áp dụng TLGD của NTD trên thực tế chưa hiệu quả.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK tiếp tục phát huy điểm mạnh bằng việc tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các NTD, doanh nghiệp, SV trong việc xây dựng và hoàn thiện TLGD của Trường và Khoa.

Đồng thời, Nhà trường và Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng cách phổ biến TLGD đến các BLQ thông qua các hoạt động cụ thể như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về TLGD để nhà tuyển dụng hiểu rõ hơn TLGD của Trường và Khoa.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

## **Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra**

### 1. Mô tả hiện trạng

Đối với CTĐT ngành CNTP là lĩnh vực sản xuất thực phẩm, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, triết lý giáo dục của để đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.01]. PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm 2020. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.02] [H4.04.02.08]. Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, nhân viên phòng ban trong toàn trường [H4.04.02.03]. Bảng 4.1 dưới đây thể hiện sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CĐR tương ứng của CTĐT.

**Bảng 4.1 Sự phù hợp của các hoạt động dạy và học với các CDR tương ứng của CTĐT**

	<b>Các môn học điển hình</b>	<b>Phương pháp dạy học chính</b>	<b>Các hoạt động dạy học bổ trợ</b>	<b>Ghi chú</b>
PLO1	Lý thuyết xác suất thống kê toán	Thuyết trình, hỏi – đáp,	Bài tập về nhà	
PLO2	Triết học Mác Lenin	Thảo luận nhóm	Chuyên đề	
PLO3	Công nghệ chế biến lương thực	Báo cáo, thuyết trình	Bài tập về nhà	
PLO4	Thiết bị chế biến TP	Thuyết trình	Đồ án	
PLO5	Kỹ thuật nhiệt TP	Bài tập, thuyết trình	Bài tập về nhà	
PLO6	Các học phần thực hành chuyên ngành	Hỏi đáp, thực hành	-	
PLO7	Học phần cơ sở và chuyên ngành	Bài tập nhóm	-	
PLO8	Học phần chuyên ngành	Thảo luận nhóm, hỏi đáp	Báo cáo nhóm	
PLO9	Học phần chuyên ngành	Thuyết trình, hỏi -đáp	Báo cáo nhóm	
PLO10	Khóa luận tốt nghiệp	Vấn đáp	-	
PLO11	Thể chất 1-3	Thuyết trình, thực hành	Thực hành	
PLO12	Tin học cơ sở	Thuyết trình, thực hành	Thực hành	
PLO13	Anh văn 1-3	Hỏi đáp, thuyết trình	Bài tập nhóm	

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc... cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi hoàn toàn từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Thay vì GV đóng vai trò giảng bài thì NH thay thế bằng cách thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó người học tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online... thông qua hệ thống công thông tin trực tuyến của nhà trường [H4.04.02.04].



Hoạt động NCKH của SV được khuyến khích thực hiện, từ năm 2018 theo nguồn kinh phí hỗ trợ công tác NCKH của SV, Khoa đã tiến hành nghiệm thu 11 đề tài NCKH của SV năm 2018 [H4.04.02.07], giúp sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu, tạo sản phẩm mới cho công việc về sau.

Việc thay đổi phương pháp dạy và học cũng gặp nhiều khó khăn, GV cần nghiên cứu nhiều hơn, xây dựng bài giảng linh hoạt hơn, và đối với những GV thỉnh giảng thì đôi khi gặp khó khăn do sự khác biệt về văn hoá giữa các trường. Tuy nhiên trong các cuộc họp giao ban, Hiệu trưởng thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H4.04.02.05].

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Phiếu khảo sát bao gồm 29 tiêu chí, trong đó tập trung khảo sát các nội dung: các hoạt động giảng dạy của GV trên lớp (24 tiêu chí), các hoạt động kiểm tra, đánh giá (01 tiêu chí). Tỷ lệ NH tham gia đánh giá hoạt động dạy học/PPDH thể hiện 100% Phân tích kết quả khảo sát cho thấy trên 90% NH hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV [H4.04.02.06].

## *2. Điểm mạnh*

GV của Khoa lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt được CĐR của HP.

## *3. Điểm tồn tại*

SV chưa thực sự chủ động đối với các học phần được triển khai theo hình thức online.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2022-2023 trở đi, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh tổ chức hội thảo về phương pháp học tập cho SV.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại thông qua triển khai việc biên tập và xây dựng Tài liệu giảng dạy thực hành để hỗ trợ SV trong quá trình học tập.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, và nâng cao khả năng học tập của NH, Trường và khoa KHTP&SK đã tiến hành đổi mới phương pháp dạy và học. NH trở thành trung tâm, chuyển từ trạng thái bị động tiếp thu sang học tập chủ động. Để làm vậy, Trường đã yêu cầu GV từng bước thay đổi cách thức giảng dạy, tăng cường yêu cầu NH tự học, nghiên cứu trước khi đến lớp, GV đóng vai trò hướng dẫn, giải đáp, điều này được thể hiện trong đề cương từng môn học. GV phải sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01]. Tất cả đề cương chi tiết các HP của CTĐT ngành CNTP trình độ Đại học theo Quyết định số 1183/QĐ-ĐHKG ngày 20/11/2020 đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học để đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT; 100% ĐCCT các HP trong CTĐT đều quy định cụ thể nội dung tự học, tự nghiên cứu cho NH và có kiểm tra, đánh giá nội dung tự học, tự nghiên cứu theo quy định; xác định các nội dung giảng dạy trên lớp, các nội dung giao về nhà cho NH tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH [H4.04.03.02]. Khoa KHTP&SK có mở các lớp kỹ năng mềm, HACCP để sinh viên tham gia, tăng cao kiến thức [H4.04.03.07].

Ngoài ra, Quy định đào tạo theo học chế tín chỉ Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 08/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài mới là 60 phút cho mỗi tiết học trên lớp [H4.04.03.03]. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. thảo luận nhóm đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày,

thuyết trình... để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập [H4.04.02.04], [H4.04.03.02], [H4.04.02.01] [H4.04.03.06]. GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online... thông qua hệ thống cổng thông tin trực tuyến của nhà trường [H4.04.02.04]. Nguồn tài liệu tham khảo, sách, giáo trình, bài giảng phục vụ đủ nhu cầu SV [H4.04.03.05].

Nhà trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát cho thấy: trên 80% NH và cựu NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV [H4.04.03.04].

## *2. Điểm mạnh*

CTDH chính thức và ngoại khóa có nhiều hoạt động đa dạng giúp SV phát triển toàn diện, hình thành các kỹ năng phù hợp cho khả năng học tập suốt đời.

## *3. Điểm tồn tại*

Số HP áp dụng hình thức KTĐG kết thúc học phần thông qua thi vấn đáp chưa được áp dụng để đánh giá tổng quát các kỹ năng của NH, đặc biệt là kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh CTDH đa dạng, thực tập tại cơ sở nhà máy giúp sinh viên phát triển toàn diện.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, tiến hành họp các Bộ môn để triển khai áp dụng hình thức thi vấn đáp đối với các học phần chuyên ngành.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Văn bản về Triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các các bên liên quan trong và ngoài trường trên các phương tiện truyền thông. Khoa KHTP&SK đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR môn học và CTĐT, giúp người học tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn; Xây dựng cổng thông tin học

tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho người học, kết hợp giữa mô hình truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến; người học thể hiện sự hài lòng với các PPGD của GV. Trường và Khoa có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của phương pháp tiếp cận trong dạy-học của CTĐT ngành CNTT được xác định: sinh viên chưa chủ động học tập trong đối với các học phần dạy theo trực tuyến, các học phần áp dụng thi kết thúc học phần bằng hình thức vấn đáp còn hạn chế và GV, người lao động cần nhiều thời gian hơn để chuyển tải TLGD của nhà trường đến các bên liên quan.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:***

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

**Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.**

**Mở đầu**

Việc đo lường kết quả học tập của NH được thực hiện bằng hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Trường và Khoa KHTP&SK đã có một kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá cần có sự so sánh ở các thang đo quan trọng như đánh giá quá trình học tập, đánh giá đầu ra và được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của quá trình học. Chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng. NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

**Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.**

***1. Mô tả hiện trạng***

Nhà trường đã xây dựng hệ thống đánh giá KQHT của NH từ đánh giá đầu vào,

đánh giá trong quá trình, thi kết thúc HP, thực hành, thực tập và đánh giá khóa luận tốt nghiệp/ báo cáo khoá luận với mục tiêu đảm bảo đạt CĐR cho NH. Bao gồm: Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT; Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ; Quy định về thi, kiểm tra của Trường [H5.05.01.01-02].

Để đáp ứng các CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các văn bản hướng dẫn nêu trên có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá. Trong đề cương HP cũng có quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá như: đánh giá chuyên cần, bài tập, thuyết trình, kiểm tra viết.... Nhà trường có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp kiểm tra đánh giá đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữ phương pháp KTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT [H5.05.01.03].

**Bảng 5.1. Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CĐR của CTĐT**

Ký hiệu	ND chuẩn đầu ra	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
PLO1	Áp dụng các kiến thức toán học, khoa học tự nhiên trong các lĩnh vực thuộc ngành CNTP.	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO2	Hiểu biết kiến thức chính trị, văn hóa, xã hội để rèn luyện bản thân.	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO3	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vào một trong những lĩnh vực: CNTP, công nghệ sau thu hoạch, chế biến lương thực, thủy sản...	Thực hành	Phiếu chấm	
PLO4	Vận hành các thiết bị, hệ thống thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc ngành CNTP.	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	

Ghi chú: Xem đầy đủ Bảng 5.1 ở phụ lục 5

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) *Đối với các CDR kiến thức*: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CDR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

ii) *Đối với các CDR kỹ năng*: được đánh giá thông qua việc thực hành kỹ năng tra cứu, lựa chọn, cập nhật văn bản pháp luật, cách trình bày, phân tích và giải quyết tình huống pháp lý, khả năng thuyết trình, tiểu luận, diễn án và bài thi cuối kỳ.

iii) *Đối với các CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm*: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ SV được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp... Tính kết nối giữa phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được CDR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP [H5.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp KTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm khóa luận. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 50%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 50%). Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR [H5.05.01.03].

Thực hiện khóa luận nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện khóa luận, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được CVHT triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công giáo viên hướng dẫn, quy trình bảo vệ khóa luận, quy định về bảo vệ khóa luận [H5.05.01.02] [H5.05.01.04].

Bên cạnh đó, NH còn được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.01.05].

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Đối với các HP thực tập tại cơ sở có thêm sự phối hợp đánh giá NH từ các cơ quan, cán bộ hướng dẫn tại cơ quan doanh nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng ma trận đề thi để đánh giá năng lực đạt được của SV mới được thực hiện từ năm học 2020-2021

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh đánh giá kết quả học tập NH được thiết kế phù hợp và đa dạng.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại qua việc triển khai xây dựng ma trận đề thi đối với tất cả các HP nhằm đánh giá năng lực đạt được của SV một cách khách quan.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của người học của Khoa KHTP&SK được xác định rõ ràng theo tài liệu hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra đánh giá KQHT phù hợp với CTĐT theo tín chỉ của Trường ĐHKG [H5.05.02.01].

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai đến người học ngay từ khi bắt đầu học phần, và được nhấn mạnh khi kết thúc quá trình giảng dạy. GV công bố điểm quá trình cho SV ngay khi kết thúc học phần [H5.05.02.03]. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV, các quy định phúc khảo dành cho SV được công khai rõ trên website phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng (<http://pktdbcl.vnkgu.edu.vn/bieu-mau.html>) [H5.05.02.02-05].

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 5, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau 11 tuần và sau khi đã kết thúc môn học. Trọng số điểm quá trình chiếm 50%, cuối kỳ chiếm 50%. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Nhà trường [H5.05.02.03].

Tiêu chí cụ thể để đánh giá các học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học [H5.05.02.06]. Đánh giá nội dung khóa luận tốt nghiệp đều có tiêu chuẩn cụ thể trong kế hoạch và nội dung khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.01].

Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở SV quy định kiểm tra/đánh giá KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường [H5.05.02.05]. Chính vì vậy, 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định này.

Cuối kỳ, thư ký khoa tập hợp bảng điểm từ GV sau khi GV đã nhập vào phần mềm và giao (bản in giấy) chậm nhất là 10 ngày về Phòng đào tạo. Chuyển bảng điểm chính về Phòng ĐT để lưu. SV xem kết quả thông qua trang hệ thống quản lý đào tạo của trường [H5.05.02.07].

Kết quả khảo sát cho thấy có 85 % SV Khoa KHTP&SK cho rằng SV được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá từng môn học [H5.05.02.08].

## *2. Điểm mạnh*

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành ngành của Khoa KHTP&SK rất rõ ràng, công khai, minh bạch và được thông báo công khai, rộng rãi tới người học thông qua Website, Sổ tay SV, ĐCCT ngay từ đầu học kỳ thứ nhất và được nhắc nhở trực tiếp tại lớp vào buổi học đầu tiên và cuối cùng của môn học. Những yêu cầu của việc thi kết thúc HP được nhắc lại vào buổi cuối trước khi kết thúc HP.

GV thực hiện chấm kiểm tra đánh giá giữa kỳ, khóa luận theo rubrics được xây dựng trong ĐCCT HP gồm rubrics đánh giá học phần, rubrics thuyết trình, rubrics kiểm tra giữa kỳ, rubrics kiểm tra cuối kỳ.

## *3. Điểm tồn tại*

Trọng số đánh giá của các rubrics trong ĐCCT HP được thiết kế theo một tỉ lệ chung là 50% và 50% đối với tất cả các học phần của CTĐT ngành CNTT chưa có sự phân biệt giữa các HP có hoặc không có thời gian thực hành.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh công khai rộng rãi quy định đánh giá KQHT của người học.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng việc phân công các Tổ bộ môn thực hiện rà soát ĐCCT HP theo hướng đa dạng hoá trọng số KTĐG.



5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

### **Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Quy định về đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Kiên Giang số 498/QĐ-ĐHKG năm 2021; Quy định về việc thi kiểm tra số 576/QĐ-ĐHKG năm 2020 trong đó, có quy định rõ việc đánh giá KQHT của NH [H5.05.03.01]. Trong đó, phương pháp kiểm tra đánh giá của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CĐR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Các PPĐG được thực hiện theo từng HP, tùy thuộc nội hàm của HP là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. PPĐG được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân đề tài áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm... [H5.05.03.02]. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương thích với từng loại HP và PPĐG được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT.

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Nhà trường xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc HP để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của Nhà trường [H5.05.03.01]. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Đối với các môn thi có đề thi trắc nghiệm. Các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi, thống nhất xây dựng ma trận đề thi theo thang Bloom để đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CĐR trong chương trình môn học, sau đó giao cho từng cá nhân GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua bộ môn trao đổi, góp ý sửa chữa, ... và nộp về Khoa KHTP&SK để quản lý và sử dụng. Số lượng ngân hàng đề thi đã có của các HP ngành CNTP là 49 chiếm tỉ lệ 64 %. Đối với các HP thi bằng hình thức tự luận có 10 học phần (có cả đáp án và thang điểm) và được trưởng môn duyệt và gửi về KHTP&SK nên luôn đảm bảo độ khó, độ giá trị và độ tin cậy [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Để tổ chức thi kết thúc HP đảm bảo đúng quy chế và quy định của Trường, cuối mỗi học kỳ Hiệu trưởng đều có thành lập Hội đồng thi và các ban, tiểu ban của Hội đồng thi cấp Khoa. Công tác coi thi và quy trình chấm thi của Nhà trường quy định và

tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hồ sơ lưu trữ đầy đủ; bài thi được cho vào túi bài thi và niêm phong; Thư ký Khoa giao túi bài thi cho GV chấm và có ký tên giao nhận túi bài thi. Mỗi bài thi đều có hai GV chấm hai vòng độc lập nên đảm bảo chính xác, khách quan. Việc lên điểm cũng được lên điểm theo phiếu điểm, sau đó nhập vào phần mềm nên luôn đảm bảo khách quan và công bằng. Đối với các HP thi vấn đáp, hai cán bộ chấm thi chấm độc lập trên phiếu chấm thi và sau khi hai GV thống nhất điểm thi cho từng thí sinh, điểm thi phải được công bố ngay sau mỗi buổi thi để đảm bảo độ tin cậy và công bằng với NH. Phần mềm quản lý đào tạo của trường có phân quyền cho người sử dụng và lưu nhật ký sử dụng đối với từng người dùng nên đảm bảo quản lý chặt chẽ và chính xác. Bên cạnh đó các hoạt động tổ chức thi, chấm thi đều có sự kiểm tra giám sát của phòng thanh tra pháp chế [H5.05.03.01], [H5.05.03.03].

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, có quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình làm khóa luận/đồ án tốt nghiệp. Khi chấm khóa luận, đồ án tốt nghiệp, Nhà trường đều thành lập Hội đồng và có các tiêu chí chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung (bao gồm tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị phù hợp với nội dung nghiên cứu) và việc trả lời câu hỏi của NH; Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá khóa luận. Điểm chấm khóa luận/đồ án tốt nghiệp được các Hội đồng xem xét, đánh giá công bằng và khách quan [H5.05.03.05].

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến về hoạt động tổ chức kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát ý kiến của NH cuối khoá về phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2020- 2021 cho thấy: trên 90% ý kiến NH cho rằng giảng viên công bố phương pháp kiểm tra đánh giá và đa dạng hình thức [H5.05.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

Phương pháp đánh giá kết quả học tập với các hình thức khác nhau đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, đúng quy trình bảo mật, phù hợp với CĐR môn học, thang điểm chi tiết, rõ ràng, đảm bảo công bằng và chính xác.

GV công bố điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần, điểm tiểu luận trước khi kết thúc môn học.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động phân tích, đánh giá đề thi chỉ giới hạn ở một số môn học.

Đề thi kết thúc HP thường được tổ chức dưới dạng đề thi trắc nghiệm mà ít sử dụng hình thức vấn đáp để đánh giá cuối HP.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh phương pháp đánh giá KQHT nhiều hình thức và độ tin cậy cao.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ phối hợp với phòng KT&ĐBCL thực hiện phân tích, đánh giá đề thi đối với tất cả các HP chuyên ngành CNTP. Và Khoa triển khai họp các tổ bộ môn đề xuất thêm một số phương pháp đánh giá HP để đa dạng hóa các hình thức kiểm tra.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

**Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của SV, được thể hiện trong quy chế đào tạo và quy định đảm bảo bảo chất lượng công tác KTDG kết quả học tập [H5.05.04.01].

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV trong các buổi họp chuyên môn, được nhà trường phổ biến đến SV ngay từ học kỳ đầu tiên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, được GV khoa KHTP&SK phổ biến cho SV vào mỗi đầu môn học, hay công bố trên website của Phòng ĐT của Trường [H5.05.04.02], [H5.05.04.03]. Việc công khai các quy định phản hồi đánh giá rộng rãi nhằm giúp SV nắm được quy trình, thời gian phản hồi kết quả đánh giá học tập, từ đó SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập để đạt được kết quả học tập khả quan cho HP [H5.05.04.04].

SV được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Việc phản hồi nếu đưa ra quá muộn sẽ không mang lại tác dụng đối với SV. Kết quả đánh giá của SV được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận, ... Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến SV. SV có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm “Quản lý đào tạo” của Trường. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu [H5.05.04.05]. Quy định về

chấm thi và thông báo kết quả thi cho NH được thực hiện theo quy định của nhà trường. GV phụ trách lớp HP có trách nhiệm nhập điểm thi kết thúc HP trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp điểm về phòng ĐT, Khoa KHTP&SK chậm nhất là 14 ngày sau khi kết thúc HP. Thời gian chấm phúc tra (nếu có) không quá 5 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV. Riêng với bảo vệ Khoá luận tốt nghiệp thì điểm được công bố công khai ngay sau buổi bảo vệ [H5.05.04.06].

Tại khoa KHTP&SK, trong các cuộc họp Khoa hàng tháng, các Trưởng bộ môn luôn nhắc nhở GV về việc thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, nhập điểm và nộp bảng điểm thi quá trình về Văn phòng Khoa, nộp đề, chấm thi và trả lời phúc tra đúng thời hạn. GV Khoa đảm bảo việc phản hồi điểm quá trình vào buổi kết thúc của mỗi HP, và thực hiện quy trình chấm thi lần 1, lần 2 theo đúng thời hạn. Từ đó phản hồi về kết quả phúc khảo về kết quả học tập nhanh chóng được gửi tới SV [H5.05.04.07]. .

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. SV nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá SV về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến SV. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, SV đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy SV nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, SV cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp SV nhận thức rõ hơn về yêu cầu của học phần, từ đó SV có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo [H5.05.04.08].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng CTSV sẽ gửi danh sách sinh viên bị cảnh báo học vụ tới Khoa KHTP&SK đối với các trường hợp: SV không đăng ký đủ số tín chỉ trong một học kỳ; SV có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,2 đối với SV năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với SV năm thứ hai, dưới 1,6 đối với SV năm thứ ba và dưới 1,8 đối với SV năm thứ tư; SV có tổng 24 tín chỉ của các HP bị điểm F trong các học kỳ; SV bị cảnh báo học vụ 2 lần liên tiếp với hình thức buộc thôi học; SV vượt quá thời gian được phép học tại trường. Phòng CTSV sẽ gửi thư thông báo tới phụ huynh về việc cảnh báo học vụ của SV, từ đó phụ huynh nắm được tình hình học tập của SV và nhắc nhở SV có kế hoạch phù hợp trong học kỳ tiếp theo [H5.05.04.09]. SV có kết quả học tập từ khá trở lên được nhà Trường tặng giấy khen và học bổng để khích lệ tinh thần

học tập [H5.05.04.10]. Sau khi nhận kết quả học tập, SV có thể phản hồi về kết quả học tập bằng việc phúc khảo, đánh giá môn học, toàn khóa học [H5.05.04.11].

### 2. Điểm mạnh

Trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH và công bố công khai, kịp thời tới GV và SV khi SV bắt đầu học kỳ đầu tiên. Kết quả đánh giá SV được GV, CVHT phản hồi kịp thời để SV điều chỉnh tiến độ học tập phù hợp, từ đó cải thiện việc học tập.

### 3. Điểm tồn tại

Đối với SV bị cảnh báo học vụ, một số SV cung cấp không chính xác thông tin liên hệ nên việc gửi kết quả học tập của SV tới phụ huynh theo từng học kỳ chưa kịp thời và chính xác.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh phản hồi kết quả đánh giá NH công khai, kịp thời.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại chưa kịp thời phản hồi đối với một vài SV, Khoa sẽ tăng cường rà soát và cập nhật thường xuyên thông tin liên hệ của SV và phụ huynh để thực hiện gửi kết quả học tập được kịp thời và chính xác.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về KQHT của NH được quy định số 576/QĐ-ĐHKG của Hiệu trưởng Trường ĐHKG ngày 20/5/2020 về việc tổ chức thi, quản lý thi kết thúc học phần [H5.05.05.01], được phổ biến trên Website của Nhà trường, của phòng KT&ĐBCL [H5.05.05.03], phần mềm quản lý đào tạo, GV thông báo với NH qua các buổi sinh hoạt lớp. Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc tra khiếu nại KQHT, cụ thể: đối với điểm quá trình, NH khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy HP đó khi công bố điểm trên lớp; trong vòng hai tuần kể từ ngày Trường, khoa KHTP&SK công bố điểm thi. Sinh viên nộp đơn đăng kí phúc khảo điểm thi tại Khoa KHTP&SK. Thời gian công bố điểm phúc khảo là sau 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận giấy đề nghị phúc khảo điểm của sinh viên [H5.05.05.02].

Hằng năm, Khoa KHTP&SK đã kiểm soát và thống kê số lượng khiếu nại KQHT từ NH từ đó rút kinh nghiệm và cải tiến công tác đánh giá đối với NH. Trong giai đoạn đánh giá, năm học 2017-2018 có 3 NH, năm 2018-2019 có 1 NH, năm 2019-2020 có 1 NH của khoa làm đơn về điểm kết thúc có sai sót hoặc không xem được điểm kết thúc HP, các trường hợp này được xử lý kịp thời, thỏa đáng (có 00 bài thi thay đổi kết quả) [H5.05.05.04].

Trường đã khảo sát về mức độ hài lòng của NH đối với việc tiếp cận quy trình cũng như thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại của Nhà trường trong năm học 2017 đến 2021, kết quả có 90% NH hài lòng về công tác giải đáp người học khi có nhu cầu và 83% hài lòng hệ thống giám sát, khảo thí của nhà trường [H5.05.05.05].

### *2. Điểm mạnh*

NH dễ dàng tiếp cận và gửi thông tin yêu cầu giải quyết về kết quả học tập đến phòng ban có thẩm quyền giải quyết.

### *3. Điểm tồn tại*

Các văn bản quy định thi, KTĐG chưa bao gồm các quy định cụ thể về phương pháp và thang đánh giá.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh NH dễ dàng tiếp cận và thực hiện các khiếu nại về kết quả học tập.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại kiến nghị Trường bổ sung các quy định cụ thể về phương pháp và thang đánh giá vào các văn bản quy định thi, KTĐG. Ngoài ra, Khoa sẽ bổ sung thêm thông tin (ngoài điểm số) phản hồi KQHT của người học.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Trường có ban hành các quy định, quy trình, biểu mẫu liên quan đến hoạt động khảo thí, bao gồm kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, ra đề thi, chấm thi, phản hồi kết quả, phúc khảo, chấm khóa luận và công bố công khai; Khoa KHTP&SK có tài liệu hướng dẫn chung cách tính điểm HP và điểm quá trình cho tất cả các môn học lý thuyết và thực hành nhằm tạo sự thống nhất cho các HP; ĐCCT HP thể hiện rõ việc thực hiện đánh

giá sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH được Nhà trường ban hành bằng hệ thống các văn bản rõ ràng, quy trình áp dụng chặt chẽ, đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế đào tạo và được thông báo công khai tới tất cả NH với nhiều hình thức đa dạng; Tài liệu hướng dẫn chung cách tính điểm HP và điểm quá trình cho tất cả các môn học được GV phổ biến trực tiếp tại lớp ở buổi học đầu tiên.

Trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH và công bố công khai, kịp thời tới GV và SV khi SV bắt đầu học kỳ đầu tiên. Kết quả đánh giá SV được GV, CVHT phản hồi kịp thời để SV điều chỉnh tiến độ học tập phù hợp, từ đó cải thiện việc học tập. NH dễ dàng tiếp cận và gửi thông tin yêu cầu giải quyết về kết quả học tập đến phòng ban có thẩm quyền giải quyết.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của đánh giá KQHT người học của CTĐT ngành CNTP được xác định: ma trận đề thi để đánh giá năng lực đạt được của SV mới được thực hiện từ năm học 2020 -2021, trọng số đánh giá của các rubrics trong ĐCCT HP được thiết kế theo một tỉ lệ chung là 50% và 50% đối với tất cả các học phần của CTĐT chưa có sự phân biệt giữa các HP có hoặc không có thời gian thực hành; Hoạt động phân tích, đánh giá đề thi chỉ giới hạn ở một số môn học. Đề thi kết thúc HP thường được tổ chức dưới dạng đề thi trắc nghiệm mà ít sử dụng hình thức vấn đáp để đánh giá cuối HP.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:***

Có 4/5 tiêu chí đạt điểm 5. 1/5 tiêu chí đạt điểm 4. Mức trung bình: 4,80; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

**Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

**Mở đầu**

Khoa KHTP&SK có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thuộc lĩnh vực thực phẩm. Đội ngũ GV trong khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu

khoa học khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Công tác quy hoạch đội ngũ GV tham gia giảng dạy được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, phù hợp với quy định chung của Trường, có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Căn cứ theo chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 và tầm nhìn 2040 và thực hiện kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV và NCV (cho ngành CNTP), bao gồm: Các chiến lược phát triển, KH phát triển nhân sự (tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm...); Đề án vị trí việc làm; có KH với các chỉ tiêu phấn đấu chính phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Đến năm 2030, phấn đấu 100% trình độ GV thạc sĩ, tiến sĩ trong đó có ít nhất 11,6% có học hàm PGS, TS, trong đó có tính đến đội ngũ GV để phát triển ngành CNTP [H6.06.01.01]. Đội ngũ GV tham gia chương trình đào tạo ngành CNTP giai đoạn 2017 – 2021 có 2 Tiến sĩ, 11 Thạc sĩ.

Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.02].

Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.03]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thực hiện theo quy trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.04].

Hiện nay, đội ngũ GV thực hiện CTĐT CNTP được quy hoạch theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Tổng số GV tham gia chương trình được thể hiện trong bảng



6.1 cho thấy đội ngũ GV của khoa có trình độ đáp ứng yêu cầu đào tạo [H06.06.01.05].

**Bảng 6.1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV giảng dạy	GV giảng dạy, kiêm nhiệm quản lý	
3	TS	02	02	02	-
4	ThS	11	11	04	-
	Tổng số*	13	13	06	-

Ghi chú: (\*): Tính đến năm 2021.

Đội ngũ GV cơ hữu của Khoa về cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo của chương trình theo quy định của nhà Trường, cụ thể: GV hạng III, II và I, giảng dạy: 270 giờ chuẩn, NCKH: 120 giờ, phục vụ cộng đồng: 115 giờ; hướng dẫn KLTN: không quá 4 SV/bậc học/đợt giao đối với GV có trình độ ThS, hướng dẫn KLTN không quá 9 SV/bậc học/đợt giao đối với GV có trình độ TS, hướng dẫn KLTN không quá 12 SV/bậc học/đợt giao đối với GV cao cấp, GS. Ngoài ra chương trình còn có sự tham gia giảng dạy của các GV kiêm nhiệm trong Khoa như Ban giám hiệu, Trưởng phó khoa, trưởng bộ môn, giám đốc phòng trung tâm thực hành thí nghiệm đều tham gia công tác giảng dạy [H6.06.01.06].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Trường đã xây dựng các mục tiêu, lộ trình, giải pháp về nguồn lực trong giai đoạn 5 năm 2021 – 2025. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng GV sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.01.07].

Khoa cũng đã xây dựng chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2030 và tầm nhìn đến năm 2040. Trong đó, có kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV của Khoa đáp ứng với ngành CNTP nêu rõ chỉ tiêu về đội ngũ trong từng giai đoạn (tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển. Khi xây dựng chiến lược phát triển Khoa đánh giá thực trạng hoạt động trong các lĩnh vực như nhu cầu đội ngũ CB, GV, NCV, NV; Phân tích nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NCV [H6.06.01.08-09].

Trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định. Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho từng GV được giao cho các Bộ môn đảm nhận, các GV trẻ trước khi đứng lớp đều được một GV có kinh nghiệm hỗ trợ bồi dưỡng về chuyên môn [H6.06.01.13].

Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý đối với GV dựa trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực và thành tích NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo của Trường. Quy trình bổ nhiệm cán bộ được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Trường. Trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý, Quy định này được thực hiện thống nhất trong Trường [H6.06.01.04].

Trong hơn 3 năm qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT, Trường có chính sách thu hút và tuyển dụng GV có trình độ tiến sĩ, chức danh PGS về giảng dạy cho CTĐT [H6.06.01.10]. Trường khoa chuyên môn luôn quan tâm và tích cực hỗ trợ cho GV bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình.

Công tác NCKH cũng là một trong các tiêu chí để quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ GV. Đến nay ngành CNTP đã có đội ngũ GV đủ năng lực thực hiện các đề tài KHCN các cấp. Khoa đã có các đề tài KHCN từ cấp trường được triển khai và hoàn thành [H6.06.01.12].

Việc chấm dứt hợp đồng làm việc, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV cơ hữu được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định. Hằng năm, Trường và khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho GV. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.11].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng.

Khoa cũng đã xây dựng chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2030 và tầm nhìn đến năm 2040.

## *3. Điểm tồn tại*

Kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV, chưa có kế hoạch cụ thể nhằm khuyến khích GV tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh công tác quy hoạch cụ thể và rõ ràng.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, thực hiện xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa và có kế hoạch nhằm khuyến khích đội ngũ GV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng đáp ứng CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/NH và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Thống kê đội ngũ ngành CNTP từng năm trong 5 năm của giai đoạn 2017 - 2021 với trình độ, cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn và thành giảng [H6.06.02.01].

**Bảng 6.2. Thống kê quy mô đội ngũ GV tham gia CTĐT**

Năm học	Tổng số	Trình độ				Giới tính	
		GS	PGS	TS	ThS	Nam	Nữ
2017 – 2018	14		1		13	7	6
2018 – 2019	21		1		20	10	11
2019 – 2020	19		1		18	9	10
2020 - 2021	15		-	1	14	6	9
2021-2022	14		-	2	13	6	9

Theo quy định về đào tạo đại học, 100% GV trực tiếp tham gia giảng dạy sau khi tuyển sinh đều phải có trình độ học vị từ ThS trở lên. Để đo lường và đánh giá khối lượng công việc của GV nhằm xác định số lượng GV cần thiết đáp ứng nhu cầu của CTĐT, Khoa đã sử dụng chỉ số quy đổi thời gian toàn phần (Full-time Equivalent - FTE) và tỷ lệ NH/GV. Đối với chỉ số FTE cho GV, được tính dựa trên lượng thời gian đầu tư cho chương trình. 1 FTE tương đương với 300 giờ chuẩn theo quy định tại quy chế làm việc của GV (tương đương với làm việc toàn thời gian). GV không toàn thời

gian (GV kiêm nhiệm) và GV thỉnh giảng trung bình làm việc một nửa thời gian so với GV toàn thời gian tương đương 0,5 FTE (xem bảng 6.3).

**Bảng 6.3. Số lượng GV của CTĐT tính đến năm 2021**

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		% có bằng tiên sĩ
			Số lượng	FTEs	
GS	00	0	0	00	00
PGS	00	0	00	00	00
GV toàn thời gian của CTĐT	04	07	13	13	00
GV toàn thời gian giảng dạy các HP chung	-	-	4,10	4,10	-
GV không toàn thời gian	1	1	2	1	100
PGS/GV thỉnh giảng	-	-	-	-	-
<b>Tổng số</b>	-	-	-	18,10	-

*Trong đó:*

*Đối với các học phần chung, số lượng GV tham gia CTĐT sẽ được phân bổ từ GV quy đổi giảng dạy học phần chung theo tỉ trọng GV quy đổi của ngành trong tổng số GV quy đổi toàn trường.*

*Hệ số quy đổi đối với GS là 5; PGS là 3; TS là 2; ThS là 1.*

Để tính FTE của NH, chương trình dựa trên số lượng tín chỉ trung bình đầu tư cho việc học trong năm học theo thiết kế CTĐT (xem bảng 6.4).

**Bảng 6.4. Tỉ lệ GV/NH của CTĐT**

Năm học (1)	Số lượng NH (2)	Tổng số FTEs của GV (3)	Tổng số FTEs của NH (4)	Tỉ lệ GV/NH (5=3/4)
2016 – 2017	115	17,1	115	0,15
2017 – 2018	82	24,1	82	0,29
2018 – 2019	79	22,1	79	0,28
2019 – 2020	43	18,10	43	0,42
2020 – 2021	45	18,10	45	0,40

Qua bảng trên ta thấy tỉ lệ NH/GV có xu hướng tăng, tuy nhiên ở những năm gần đây tỉ lệ tăng không nhiều. Điều này cho thấy, ngoài thời gian giảng dạy và NCKH, GV của khoa cũng quan tâm duy trì sự tương tác với NH.

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua bản tự nhận xét, đánh giá của viên chức. Việc đánh giá GV được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo bộ môn, lãnh đạo khoa và của Trường. Căn cứ nhiệm vụ theo chức danh và căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân TĐG khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành; bộ môn đánh giá, lãnh đạo chương trình đánh giá, cuối cùng Hội đồng thi đua cấp trường đánh giá và phân loại đánh giá đối với GV và người lao động [H6.06.02.02].

Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV TĐG được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV trong chương trình, từ đó có những định hướng điều chỉnh phù hợp.

Các văn bản quy định khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV như: Quy định chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.03]; QĐ số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008; Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014; Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020); Quy chế về lương; Quy chế HĐ KHCN [H6.06.02.04]; Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.02.05]; Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV [H6.06.02.06]. Quy định rõ ràng về quy đổi giờ hành chính, giờ giảng lý thuyết, giờ giảng thảo luận, hướng dẫn bài tập lớn, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ giảng chuẩn; quy định cụ thể số giờ NCKH được công nhận đối với từng sản phẩm khoa học như: bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước, sách và giáo trình học tập được nhà xuất bản phát hành, các đề tài NCKH được quy đổi thành giờ chuẩn NCKH.

Ngoài ra, việc quy đổi giảng dạy và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn cũng rõ ràng (tối thiểu giờ giảng 300 giờ chuẩn; giờ NCKH dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 568 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ NCKH; quy định cụ thể số giờ NCKH (lưu ý đưa quy định sản phẩm mỗi GV phải hoàn thành trong 1 năm: tối thiểu số giờ tương đương với một đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên

tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành) [H6.06.02.06].

## 2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV đều được đo lường, giám sát cụ thể qua việc phân công nhiệm vụ, theo dõi việc thực hiện và được đánh giá kết quả thực hiện vào cuối năm công tác. Đội ngũ GV của chương trình đạt trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ PVCĐ chưa có những tiêu chí cụ thể.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022 - 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh đo lường khối lượng công việc của GV.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại như tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 6.3. . Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKG có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng của Trường đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV [H6.06.03.01].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và khoa KHTP&SK; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.02]. Ngoài tiêu chí tuyển dụng chung của Trường thì còn tiêu chí tuyển dụng đặc biệt đặc thù của CTĐT KHTP&SK là kinh nghiệm thực tế về giảng dạy là ít nhất 2 năm hoạt động giảng dạy [H6.06.03.03].

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng [H6.06.03.04]. Căn cứ quy mô tuyển sinh hằng năm, các HP trong CTĐT KHTP&SK, nhu cầu ĐTBĐ đội ngũ (sau khi dự giờ, đánh giá của đồng nghiệp, góp ý của Khoa), Khoa KHTP&SK có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt [H6.06.03.05].

Trong các thông báo KH tuyển dụng trong giai đoạn từ 2017-2021 của Trường cũng đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng và được công bố công khai trên website Trường [H6.06.03.06]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H6.06.03.07]. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự [H6.06.01.13].

Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDDH công lập và các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.08], [H6.06.03.09].

## 2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

### 3. Điểm tồn tại

Hàng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai đã đa dạng, CB, GV NCV có nhận thức về các quy định tuyển dụng. Tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vào vị trí GV ngành CNTP vẫn còn hạn chế. Tuy có văn bản đầy đủ nhưng nội hàm trong văn bản chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu của CTĐT, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh có tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV rõ ràng và công khai.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, tiến hành rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

## **Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá**

### 1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của CTĐT CNTP, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng của GV. Trường có quy định rõ năng lực của GV, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc với GV, VC, NLĐ thuộc Trường; Quy chế hoạt động KH-CN của Trường [H6.06.04.01].

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến



cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCĐ.

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, luận văn hàng năm. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc đối với GV, viên chức, người lao động thuộc Trường. Hằng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá [H6.06.04.02].

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCĐ.

Hằng năm, Trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, NCV qua quá trình dạy học của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra công việc; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn khóa luận hàng năm. Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thưởng hoặc phân loại; để cân nhắc bổ nhiệm các vị trí quan trọng [H6.06.04.03-04].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của NH về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, và mức hài lòng trung bình của NH trên 90% về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.05].

## 2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán, có quy trình đánh giá và hồ sơ lưu theo quy định. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá GV cuối năm còn thực hiện thủ công, chưa ứng dụng được CNTT vào trong đánh giá.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh xác định năng lực GV rõ ràng và có hồ sơ lưu.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, cải tiến và áp dụng CNTT trong đánh giá điểm GV cuối năm.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV [H6.06.05.01]. Theo đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, Khoa KHTP&SK đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV [H6.06.05.02].

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường [H6.06.05.04].

Hàng năm, Khoa KHTP&SK họp/tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào KH ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng kí nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải đi ĐTBĐ đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa KHTP&SK lập kế hoạch ĐTBĐ của đơn vị chuyển cho phòng TC-NS tổng hợp thành kế hoạch ĐTBĐ chung của Trường. Tổng hợp giai đoạn 2017 - 2021, 100% GV của ngành CNTP có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; GV đi bồi dưỡng về công tác kiểm định chất lượng, có 100% số GV, NCV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kinh phí dành cho

ĐTBD mỗi năm lấy từ ngân sách nhà nước, từ Trường, học bổng từ các tổ chức cá nhân ngoài Trường và từ CCVC&NLĐ đóng góp [H6.06.05.03-05].

Trường và khoa KHTP&SK có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý (CBQL) và GV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài, chẳng hạn: GV tham gia học nghiên cứu sinh được tạo điều kiện thời gian học, giảm giờ dạy và giờ NCKH, GV kiêm nhiệm cũng được miễn giảm giờ dạy, NCKH và còn có hệ số trợ cấp theo quy định của Trường [H6.06.05.06].

Trường và khoa KHTP&SK công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển. Chương trình học bổng luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TC-NS giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch ĐTBD, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBD từ việc XD và ban hành các quy định, lập kế hoạch, thực hiện so với kế hoạch, đánh giá kết quả ĐTBD, việc sử dụng kết quả ĐTBD [H6.06.05.07]; khảo sát nhu cầu, đánh giá kết quả ĐTBD. Kết quả ĐTBD là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.05.08].

## *2. Điểm mạnh*

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Trường, khoa KHTP&SK có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các chương trình TS và các khóa đào tạo ngắn hạn. Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả. Đội ngũ tập huấn viên là những người trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm.

## *3. Điểm tồn tại*

Trường và Khoa KHTP&SK chưa có các kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CĐR cho đội ngũ GV.

Chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh tạo điều kiện cho GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, xây dựng kế hoạch về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV. Khoa KHTP&SK tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Nhà trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy và phục vụ cộng đồng) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy theo Quy định Tổ chức, chế độ làm việc đối với GV, VC&NLD; Đánh giá, phân loại CB, GV, NV Quy định đánh giá, phân loại đơn vị, CC, VC&NLD ..... [H6.06.06.01]; Quy chế TĐ-KT Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Trường, là cơ sở để Nhà trường quản trị mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV hằng năm [H6.06.06.02], [H6.06.06.03]. Khoa KHTP&SK tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.04].

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn nhận được công nhận danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp

thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.06.05].

Hàng quý, khoa KHTP&SK tiến hành việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân. Hoạt động này đã giúp GV của khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của khoa và Trường. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả bình xét thi đua lãnh đạo khoa, Trường sẽ tổ chức họp bình xét kết quả xếp loại lao động đối với GV. Kết quả xếp loại lao động của GV sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho GV. Thu nhập tăng thêm hàng quý sẽ động viên, khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H06.06.06.06].

Căn cứ khối lượng công việc, định mức giảng dạy, NCKH và công việc khác quy định trong các văn bản của Trường. Mỗi đầu năm học, tất cả CB, GV, NV của Khoa đều phải lập kế hoạch công tác cá nhân cho năm học mới về hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCĐ, nhu cầu ĐTBĐ và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt [H06.06.06.07].

Trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của các GV theo chức danh. Hằng năm, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có công trình NCKH. Trên cơ sở đó, Trường có quy định khen thưởng đối với các công trình công bố bằng tiếng nước ngoài đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao như ISI, Scopus [H6.06.06.08]. Trong các năm 2017 - 2021, Khoa có nhiều GV có về số bài báo công bố [H6.06.06.09].

## *2. Điểm mạnh*

Đa số GV tham gia giảng dạy CTĐT chuyên ngành CNTP có trình độ chuyên môn đều vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều GV đạt danh hiệu thi đua, được khen thưởng bậc cao, được xem xét để nâng bậc lương trước thời hạn.

## *3. Điểm tồn tại*

Trong giai đoạn 2017 - 2021, việc quản trị công việc của CB, GV, NV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 - 2023, Trường và khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực

tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ, có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của khoa.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại về việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ, kế hoạch phục vụ cộng đồng rõ ràng.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường ban hành các chính sách về NCKH quy định loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện như: Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường; Quy định tiêu chuẩn chế độ làm việc đối với GV, VC&NLĐ thuộc Trường; Quy chế hoạt động khoa học công nghệ của Trường [H06.06.07.01], [H06.06.07.02]; Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng.

Trong kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (NC đề tài các cấp, hội nghị, hội thảo, xuất bản ấn phẩm KH-CN, công bố KH; viết sách, giáo trình; kết quả chuyển giao kết quả NCKH; viết thông tin KH...; hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn NCKH SV. Kết thúc năm học, khoa KHTP&SK và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H06.06.07.02].

Đầu năm học, Khoa KHTP&SK xây dựng kế hoạch năm học trên cơ sở đăng ký nhiệm vụ NCKH của mỗi GV theo định mức NCKH; thông báo công khai vào đầu mỗi năm học trong các họp Khoa. Trường giao Phòng HT&KH-CN là đầu mối hỗ trợ, giám sát và tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả NCKH, tổng hợp và lưu trữ cơ sở dữ liệu NCKH của Khoa KHTP&SK [H6.06.07.03].

Hằng năm, việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định bao gồm: GV, NCV chủ động đăng ký đề tài NCKH với phòng HT&KH-CN để tổng hợp xây dựng kế hoạch NCKH của Khoa KHTP&SK; giám sát tiến độ đề tài; Hội đồng KH&ĐT Trường tổ chức xét duyệt các đề tài; Lãnh đạo Trường ra quyết định giao đề tài để các GV thực hiện. Cuối mỗi năm, Khoa tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ NCKH, có đối sánh với năm trước đó. Hoạt động NCKH của GV được giám sát thông qua Phòng HT&KH-CN [H6.06.07.03].

Trong giai đoạn 2017 - 2021, ngành CNTP công bố 11 bài báo trên tạp chí uy tín trong nước; 01 bài báo Quốc tế; các báo cáo tại kỷ yếu hội thảo trong nước; xuất bản 08 sách/giáo trình tham khảo; thực hiện 10 đề tài cấp Trường [H6.06.07.04].

### *2. Điểm mạnh*

Tất cả GV tham gia giảng dạy CTĐT luôn vượt định mức số giờ NCKH hàng năm do Trường đề ra. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp trường; xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế; xuất bản sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình.

### *3. Điểm tồn tại*

Đánh giá việc thực hiện giờ NCKH của mỗi GV so với định mức hằng năm (5 năm); việc tham gia vào hoạt động NCKH của GV chưa đồng đều trong toàn bộ GV của Khoa.

Công bố khoa học quốc tế còn khiêm tốn; ĐT cấp tỉnh hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh GV tham gia tích cực hoạt động NCKH, giờ NCKH luôn vượt mức giờ chuẩn.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác hợp tác để đồng thực hiện các nhóm đề tài nghiên cứu các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu. Khoa có kế hoạch lan tỏa hoạt động NCKH hơn nữa tới toàn thể GV của Khoa bằng nhiều hình thức (tổ chức nhiều buổi sinh hoạt NCKH, phân công các GV có kinh nghiệm và năng lực NCKH hỗ trợ và cùng NCKH, tổ chức mời các chuyên gia tham gia các buổi sinh hoạt NCKH cùng Khoa...).

Xây dựng kế hoạch tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy và có chế tài bắt buộc mạnh hơn để GV của Khoa tích cực NCKH, tham gia các đề tài, dự án của các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6:**

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm GV của Trường được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng. Khối lượng công việc của GV đều được đo lường, giám sát cụ thể qua việc phân công nhiệm vụ, theo dõi việc thực hiện và được đánh giá kết quả thực hiện vào cuối năm công tác. Đội ngũ GV của chương trình đạt trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề và sẵn sàng

thực hiện các hoạt động giảng dạy, NCKH. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Trường, khoa KHTP&SK có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các chương trình TS và các khóa đào tạo ngắn hạn. Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả. Đội ngũ tập huấn viên là những người trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm.

Đa số GV tham gia giảng dạy CTĐT chuyên ngành CNTP trình độ cử nhân đều vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều GV đạt danh hiệu thi đua, được khen thưởng bậc cao, được xem xét để nâng bậc lương trước thời hạn.

Tất cả GV giảng dạy CTĐT luôn vượt định mức số giờ NCKH hàng năm do Trường đề ra. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp quốc gia; xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế; xuất bản sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của tiêu chuẩn 6 được ghi nhận là kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV cho hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đo lường các nhiệm vụ PVCD chưa có những tiêu chí cụ thể.

Các thông báo tuyển dụng chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mốc chuẩn theo quy định, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn. Việc đánh giá GV cuối năm còn thực hiện thủ công.

Khoa chưa có các kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV, chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo. Việc quản trị công việc của CB, GV, NV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

Đánh giá việc thực hiện giờ NCKH của mỗi GV so với định mức hàng năm (5 năm); việc tham gia vào hoạt động NCKH của GV chưa đồng đều trong toàn bộ GV của Khoa, chỉ tập trung vào một số rất ít GV.

Công bố khoa học quốc tế còn khiêm tốn; chưa thực hiện ĐT cấp Bộ/Tỉnh; ĐT



cấp Trường hạn chế.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:***

Có 7/7 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 7/7. Tỷ lệ số tiêu chí đạt 100 (%)

**Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

**Mở đầu**

Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa KHTP&SK. Đội ngũ NV của Trường và Khoa KHTP&SK bao gồm: thư ký và NV các phòng ban liên quan như trung tâm thông tin thư viện, trung tâm thực hành thí nghiệm, trung tâm dịch vụ trường học, phòng ban chuyên môn liên quan..., hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác; đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV và SV. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa KHTP&SK. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

***1. Mô tả hiện trạng***

Chiến lược phát triển của Trường ĐHKG đến năm 2030 tầm nhìn 2040 theo nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của chủ tịch hội đồng trường Đại học Kiên Giang xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường [H7.07.01.01]. Đây là cơ sở để phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Hàng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV [H7.07.01.04].

Khoa KHTP&SK có 01 cán bộ phụ trách công tác giáo vụ Khoa, Phòng Đào tạo có cán bộ chuyên trách công tác quản lý học tập và tổ chức lớp học cùng hỗ trợ đặc lực cho Trường và BCN Khoa, GV và NH trong các công tác hành chính liên quan đến việc quản lý cũng như việc dạy và học. Giáo vụ Khoa và cán bộ chuyên trách có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt các hoạt động hỗ trợ này [H7.07.01.05].

Khoa KHTP&SK đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, công tác Đoàn và phong trào thanh niên (11 GV), Công đoàn Khoa (01 GV). Khoa KHTP&SK phân công 02 GV trực khoa hàng ngày để đảm bảo giải đáp được thắc mắc, kịp thời hỗ trợ NH các công tác liên quan đến thủ tục GV, Phòng Đào tạo phân công cán bộ chuyên trách hỗ trợ người học các công tác liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động phong trào của NH. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa KHTP&SK và cán bộ chuyên trách của Phòng Đào tạo làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập và NCKH của NH [H7.07.01.04].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa KHTP&SK và NH còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin học tập, tài liệu tham khảo, thông tin học bổng thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Trung tâm thông tin Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng Công tác sinh viên và kết nối cộng đồng, phòng HT&KHCCN, phòng thanh tra pháp chế, phòng KT&ĐBCL. Các phòng ban được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu [H7.07.01.05].

Số lượng nhân viên Thư viện của Trường là 08 người. Đội ngũ nhân viên thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Thư viện được thành lập từ năm 2015, là đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Trường thực hiện công tác quản lý thư viện, triển khai

ứng dụng KHCN tổ chức các hoạt động thu thập, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường [H7.07.01.06].

Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/nhân viên một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng chuyên viên/nhân viên. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.07].

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV (bảng 7.2) và NH (bảng 7.1). Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên thể hiện trong bảng 7.1 dưới đây, trong đó dịch vụ hỗ trợ đều được sinh viên đánh giá cao nhất, trên 80% [H7.07.01.08].

**Bảng 7.1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên**

Stt	Tiêu chí đánh giá	Đánh giá của NH
1.	Thủ tục làm thẻ sinh viên	82%
2.	Thủ tục hành chính	81%
3.	Thủ tục trợ cấp xã hội	83%
4.	Thủ tục miễn giảm học phí	84%
5.	Cấp học bổng	81%
6.	Các hoạt động ngoại khóa	81%
7.	Hướng dẫn NH khi có yêu cầu	80%
8.	Hệ thống giám sát NH	83%

**Bảng 7.2. Kết quả khảo sát hài lòng của GV về các hoạt động của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên**

Stt	Tiêu chí đánh giá	Về kỹ thuật viên	Về nhân viên
1.	Trình độ chuyên môn	69,3%	68%
2.	Thái độ phục vụ	76,2%	74,6%
3.	Phương pháp thực hiện	69,7%	66%
4.	Tinh thần trách nhiệm	89%	67,8%
5.	Cơ sở vật chất	64,8%	68%

Tháng 12/20215, Trường đã thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm, có kế hoạch triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tháng 12/2015 Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Trường đã xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.04].

Bên cạnh đó, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD thông qua chính sách thu hút, tuyển chọn, phát triển đội ngũ [H7.07.01.03], [H7.07.01.08].

### *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

### *3. Điểm tồn tại*

Trường có các chính sách, chế độ phù hợp trong việc quy hoạch tuyển dụng đội ngũ NV các phòng ban. Tuy nhiên, các chính sách chưa thực sự phù hợp để đảm bảo sự ổn định về số lượng của các phòng ban về lâu dài và còn thiếu tính cạnh tranh.

### *4. Kế hoạch hành động:*

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, kiến nghị nhà Trường tiếp tục hoàn thiện cơ chế tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên thường xuyên.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ phối hợp với Phòng KT&ĐBCL đề xuất Trường triển khai các kế hoạch khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nhằm đề ra những giải pháp, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân sự trình độ cao; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường thực hiện rà soát định kỳ việc quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm đảm bảo chất lượng của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Cụ thể, theo văn bản Quy định tuyển dụng Trường ĐHKG ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 20/1/2020 về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức làm việc tại Trường ĐHKG, điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ. Đối với các chức danh cụ thể như khối cán bộ quản lý cao cấp, khối cán bộ quản lý học vụ - đào tạo, khối GV, khối cán bộ quản lý hành chính, khối trợ lý - thư ký - giáo vụ, ... Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Ngoài ra, quy trình tuyển dụng cũng được thể hiện cụ thể trong quy định tuyển dụng nói trên. Đội ngũ NV được Phòng TC-NS tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành [H7.07.02.01]. Theo đó, NV Khoa KHTP&SK đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 2 vòng như sau: thi kiến thức chung, vòng phỏng vấn chuyên môn nghiệp vụ, làm việc với phòng TCNS). Trường ĐHKG đã ban hành Quy chế số 10/NQ-HĐT ngày 10/6/2020 nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.02.02]. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa KHTP&SK được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc [H7.07.02.03].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Đối với từng

nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc như sau [H7.07.02.04]:

i) Chức danh thuộc Khối cán bộ quản lý cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối cán bộ quản lý học vụ, đào tạo, Khối GV: Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vi tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) Chức danh cán bộ, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính: có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm quản lý, thái độ tích cực và cầu tiến ...

iii) Chức danh NV giáo vụ, hỗ trợ của Khoa: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến...

iv) Chức danh NV phòng thực hành thí nghiệm : Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức cơ bản về lĩnh vực thực phẩm, có kỹ năng vận hành các thiết bị thực phẩm [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.06]. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật [H7.07.02.07]; được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa KHTP&SK nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng Trường, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa, các tiêu chí tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Trường và Khoa KHTP&SK [H7.07.02.08].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển được xác định dựa trên ý kiến của các bên liên quan [H7.07.02.09].

## 2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

### 3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, Việc phân tích và sử dụng ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển hiệu quả còn chưa cao.

### 4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, kiến nghị nhà trường công khai các tiêu chí tuyển dụng rộng rãi.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, kiến nghị nhà Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác cán bộ được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Cần công khai những quy định về đào tạo đối với cán bộ nằm trong quy hoạch để những cán bộ còn lại có hướng tiếp cận và đào tạo bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm. (3) Phòng TC-NS tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan rộng rãi hơn và phân tích kết quả lấy ý kiến để tham mưu các tiêu chí tuyển dụng hiệu quả hơn.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

## **Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá**

### 1. Mô tả hiện trạng

Khoa KHTP&SK và các Phòng ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên/cán bộ hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo các thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng hàng năm và Quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc đối với GV, VC&NLĐ thuộc Trường [H7.07.03.01]. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá thông qua Bảng phân công công việc của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.02]. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ để giúp GV và NH hoàn thành nhiệm vụ của mình. Các cán bộ hỗ trợ được quản lý thông qua bằng cấp và lý lịch viên chức được cập nhật hàng năm [H7.07.03.03].

Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua Bảng tiêu chí năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.05]. Trong đó, phản ánh rõ

chuyên môn, quá trình công tác và quá trình tự học nâng cao trình độ bằng biểu mẫu tự nhận xét cuối năm của viên chức hành chính [H7.07.03.04].

Kết quả đánh giá được phổ biến cho tất cả cán bộ nhân viên. Dựa vào đánh giá hàng tháng và kết quả công tác trong năm học, cán bộ hỗ trợ của Khoa KHTP&SK được đánh giá phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá có tiêu chí rõ ràng và cụ thể, các cá nhân đạt thành tích sẽ có Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng tặng cho tập thể và các cá nhân [H7.07.03.06]. Quy trình đánh giá cán bộ hỗ trợ cuối năm được thực hiện như sau: (i) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; (ii) Quyết định đánh giá, phân loại của trưởng đơn vị; (iii) Đánh giá ở Hội đồng cấp đơn vị; (iv) Đánh giá ở Hội đồng cấp Trường [H7.07.03.01].

Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá được Trường phổ biến và công khai trước kết thúc mỗi năm học. Kết quả đánh giá cán bộ hỗ trợ của Khoa KHTP&SK đều đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Điều đó cho thấy đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao [H7.07.03.05].

### *2. Điểm mạnh:*

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của cán bộ hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều. Mức hài lòng chung của toàn trường chưa cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Trường ĐHKG và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, hoàn thiện quy trình đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên, giúp hoạt động đánh giá càng thêm chính xác và công bằng.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV và có chính sách khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*



**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định, Trường và Khoa KHTP&SK khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về đào tạo bồi dưỡng của Trường [H7.07.04.01].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn cho toàn bộ các VC và NLĐ như nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính, an toàn lao động, kiến thức quốc phòng-an ninh, tập huấn GV dạy kỹ năng mềm, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, tổ chức các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng [H7.07.04.02].

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng. Kế hoạch của Trường được hoạch định dựa vào kế hoạch đào tạo từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], các kết quả đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04], danh sách nhân sự thuộc diện quy hoạch [H7.07.04.05]; báo cáo khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLĐ của Trường [H7.07.04.06].

Sau khi thống kê, Trường ĐHKG có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó như các thông báo/kế hoạch về tổ chức bồi dưỡng [H7.07.04.02-03]. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, kiểm định viên giáo dục, Khoa KHTP&SK và Trường đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng những nhu cầu đó. Các quyết định cử cán bộ tham dự đào tạo được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá việc đào tạo [H7.07.04.07].

Định kỳ giữa năm và cuối năm, người được cử đi học sẽ báo cáo kết quả đào tạo cho Trường để giám sát và có biện pháp kịp thời xử lý. Cán bộ nhân viên được cử đi học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học

tập và áp dụng vào công tác hàng năm đều được Trường và Khoa thống kê [H7.07.04.08].

## 2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022-2023, Nhà Trường và Khoa KHTP&SK tiếp tục phát huy điểm mạnh, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên thường xuyên đáp ứng nhu cầu công việc.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục khắc phục điểm tồn tại, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: nội quy lao động quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV [H7.07.05.01], [H7.07.05.02].

Trường đã thực hiện hệ thống chấm công trong đó thể hiện thời gian làm việc qua đó giúp Phòng TC-NS tổng hợp, giám sát, đánh giá các hoạt động trong công việc của đội ngũ NV. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với

những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc [H7.07.05.03], [H7.07.05.04].

Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như bảng chấm công hàng tháng; phòng thanh tra pháp chế, thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc công việc. Trường còn có cơ chế Khen thưởng đột xuất, cụ thể như sau: i) Thi đua - Khen thưởng dành cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích tốt trong năm học (Tập thể lao động xuất sắc/Tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp...); ii) Khen thưởng đột xuất những cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác và đạt thành tích tốt trong công tác thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học [H7.07.05.05].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản [H7.07.05.06].

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác [H7.07.05.07].

Trong giai đoạn 2017 – 2021, nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.07]. Không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác [H7.07.05.05]. Đồng thời, các quy định/Quy chế của Nhà trường luôn được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV [H7.07.05.06].

### *2. Điểm mạnh*

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023, Nhà Trường và Khoa sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, tiếp tục hoàn thiện quy định đánh giá NV trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan.

Đồng thời, Nhà Trường và Khoa sẽ khắc phục điểm tồn tại, Trường và Khoa đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7:**

##### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ công việc. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc cũng như chế độ khen thưởng cho đội ngũ nhân viên được thực hiện dân chủ, công bằng, tạo động lực và kích thích tinh thần làm việc trong nhân viên.

##### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của đội ngũ nhân viên của CTĐT ngành ngành CNTP được xác định: Trường ĐHKG có chính sách phát triển đội ngũ nhân viên nhưng chưa phù hợp

để đảm bảo ổn định, tiêu chí tuyển dụng chưa sử dụng hiệu quả các ý kiến các bên liên quan. Năng lực ngoại ngữ, tin học của đội ngũ nhân viên chưa cao.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7:***

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

**Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.**

**Mở đầu**

Trường ĐHKG nhận định chất lượng của NH là yếu tố quyết định tới sự phát triển của nhà trường và chất lượng của CTĐT. Với mục đích đào tạo ra nguồn nhân lực ngành CNTP, Khoa KHTP&SK Trường ĐHKG luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH là trọng tâm trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động của Khoa. Trường và Khoa đã xây dựng và từng bước cải tiến công tác tuyển sinh, nâng cao hoạt động quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của NH, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ NH, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, năng động.

**Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình xây dựng đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh của các ngành đào tạo nói chung và ngành CNTP nói riêng được quy định một cách rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian đào tạo, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả [H8.08.01.01].

Hằng năm, Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh, Khoa KHTP&SK xác định kế hoạch tuyển sinh và đề án tuyển sinh nhà trường công bố công khai [H8.08.01.02]. Chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường và Khoa được cập nhật hằng năm để phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế tuyển sinh chung của các trường ĐH trong cả nước. Phương thức tuyển sinh thay đổi theo từng năm, từ 02 phương thức xét tuyển trong năm học 2017-2018 tới 03 phương thức xét tuyển trong năm học 2020-

2021 bao gồm các hình thức: điểm xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, điểm xét học bạ THPT, xét tuyển thẳng [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Qua đó, phần lớn NH của Khoa KHTP&SK được xét tuyển thông qua 2 hình thức chính là: xét điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia và điểm từ xét học bạ THPT. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành CNTP (điểm, đối tượng ưu tiên) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Bảng 8.1. Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành CNTP qua các năm từ 2017-2021.**

<b>Phương thức tuyển sinh</b>	<b>Điểm từ kỳ thi THPT Quốc gia</b>	<b>Điểm từ xét học bạ (TB 3 môn tổ hợp)</b>
2016	15	18
2017	15,5	18
2018	14,25	16,5
2019	14	16,5
2020	14	16
2021	14	16

Trường và Khoa KHTP&SK thực hiện việc công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh. Cụ thể về đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đánh giá đầu vào, các chính sách ưu đãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, trang thông tin điện tử của Trường và Khoa KHTP&SK, sách “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH”, cẩm nang tuyển sinh của Trường, tờ rơi tuyển sinh của Trường và của Khoa. Trường thực hiện các chính sách thu hút NH thông qua các chương trình học bổng dành cho đối tượng học sinh khác nhau như: học bổng cho các thủ khoa đầu vào của Trường trên cơ sở điểm thi THPT và điểm học bạ lớp 12, giảm học phí dành cho sinh viên khối ngành nông nghiệp [H8.08.01.09].

Nhằm tăng hiệu quả của công tác tuyển sinh, dựa trên kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, Khoa KHTP&SK xây dựng kế hoạch tuyển sinh triển khai tuyển sinh trực tiếp tại trường THPT [H8.08.01.06]: i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm: 1 GV chuyên trách tuyển sinh và 1 lãnh đạo Khoa phụ trách tuyển sinh ii) Tạo điều kiện cho GV, SV tham gia các đợt tập huấn về nội dung kỹ năng tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh do Phòng ĐT tổ chức để cập nhật thông tin; iii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh ngành CNTP với nội dung đa dạng, phong phú như video giới thiệu

ngành CNTP; tờ rơi tuyển sinh; iv) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT qua hoạt động tư vấn dưới cờ, hướng nghiệp cho học sinh; tham gia các chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, Cao đẳng; trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn thành phố và các tỉnh.

**Bảng 8.2. Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng SV nhập học**

Năm học	Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh ngành CNTP	Số lượng NH nhập học chính thức
2017	300	115
2018	80	82
2019	130	79
2020	80	43
2021	80	45

Chính sách tuyển sinh của Trường có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, và được cập nhật hằng năm. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh hằng năm, Khoa và Trường tiến hành việc lấy ý kiến của các bên liên quan cũng như tham khảo dự báo nhu cầu nhân lực (tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp), từ đó, Khoa KHTP&SK đề xuất những cải tiến cập nhật Chính sách tuyển sinh cho năm học tiếp theo để nâng cao hoạt động tuyển sinh về số lượng cũng như chất lượng [H8.08.01.05] [H8.08.01.07], [H1.01.01.08].

### 2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho mọi thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc.

### 3. Điểm tồn tại

Khoa KHTP&SK mới tuyển sinh một ngành đào tạo CNTP nên chưa thu hút thí sinh trong xu thế đào tạo đa ngành hiện nay.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh về tuyển sinh, đa dạng các hình thức tuyển sinh dựa trên ý kiến các bên liên quan.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa dự kiến mở thêm một ngành đào tạo mới là dinh dưỡng và an toàn thực phẩm để thu hút thí sinh và tăng hiệu quả tuyển sinh.

5. *Tự đánh giá*: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.**

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHKG thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển người học theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của BGD&ĐT [H8.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hàng năm để tuyển chọn được người học có được năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tuân thủ theo đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường [H8.08.02.02-03].

Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học; xét tuyển học bạ THPT các năm; xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia TPHCM, xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định tại Mục 2 trong đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.04]. Các tổ hợp môn xét tuyển các ngành đại học tại trường được cụ chi tiết hóa và công khai để cho các thí sinh được biết và lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển. Các dữ liệu về số lượng tuyển sinh và điểm chuẩn xét tuyển hàng năm cũng được Nhà trường cập nhật trên website trường [H8.08.02.05].

Để đảm bảo chất lượng, Khoa KHTP&SK đã chủ động đề xuất với hội đồng tuyển sinh: Tiếp tục đa dạng hoá các kênh truyền thông; Cần chú trọng đến đối tượng là sinh viên, cựu sinh viên tham gia chia sẻ và lan toả giá trị của Nhà trường đến xã hội và thí sinh; Tiếp tục cải tiến và phát huy các chương trình tư vấn hướng nghiệp tiếp cận tới các thí sinh lớp 12... [H8.08.02.06].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.05-07]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức lấy ý



kiến các bên liên quan để làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được phù hợp hơn, công bằng và dân chủ [H8.08.02.08].

### *2. Điểm mạnh*

Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Số lượng tổ hợp xét tuyển còn ít

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ giai đoạn 2022 – 2023 trở đi, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, kiến nghị Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được đánh giá định kỳ.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa kiến nghị Trường bổ sung thêm phương thức tuyển sinh, phù hợp nhu cầu đào tạo ngành CNTT.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường có bộ phận và GV, NV chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ NH từng bước tiến bộ. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho các phòng ban như: Phòng ĐT, Phòng CTSV&KNCD và các phòng ban khác liên quan [H8.08.03.01].

Năm học đầu tiên, Phòng ĐT và Phòng CTSV&KNCD phối hợp với Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho NH trong quá trình học tập tại Trường. NH tham dự Lễ đón tân sinh viên do Trường và Khoa tổ chức và được giới thiệu tổng quan về các phòng ban quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa KHTP&SK, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa, CVHT của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành CNTT và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học [H8.08.03.02].

Đội ngũ CVHT tại Khoa KHTP&SK được thiết lập gồm các GV cơ hữu của Khoa. Nội dung CVHT sinh hoạt lớp hàng tháng được gửi tới các Khoa trong tuần đầu tiên mỗi tháng bao gồm những vấn đề học vụ do các phòng chức năng tổng hợp. Trưởng Khoa phân công một GV phụ trách công tác CVHT triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt CVHT. Mỗi CTVHT duy trì lịch sinh hoạt CVHT với NH hàng tháng, đảm bảo thực hiện 20 tiết sinh hoạt CVHT trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của SV. Trường hợp có những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của NH cần giải quyết ngay, CVHT phụ trách tại Khoa tổng hợp báo cáo và gửi ngay tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho NH. CVHT thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH để kịp thời tư vấn cho NH thực hiện đúng tiến độ của CTĐT [H8.08.03.03].

Bên cạnh đó, thư ký Khoa cũng tham gia hỗ trợ, tư vấn NH giải quyết học vụ và phối hợp với các phòng ban liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho NH. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng ĐT công bố vào mỗi học kỳ, giáo vụ Khoa phối hợp với giáo vụ các Khoa xây dựng thời khoá biểu, lịch thi, lịch thực tập phù hợp ở từng học kỳ, giúp NH có điều kiện hoàn thành CTĐT đúng thời hạn [H8.08.03.04].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường xây dựng và ban hành quy trình quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Quy trình xử lý cảnh báo học vụ, thống kê kết quả học tập của NH để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH [H8.08.03.05], [H8.08.03.06]. Phòng CTSV&KNCD tổng hợp ghi nhận của GV giảng dạy ở từng buổi giảng để thống kê SV vắng học thường xuyên, từ đó thông tin cho CVHT và phụ huynh để tìm hướng giải quyết phù hợp. Trường gửi thư báo kết quả học tập định kỳ cho phụ huynh để đôn đốc sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.07]. Định kỳ hàng năm, BGH, Ban chủ nhiệm khoa và Phòng CTSV&KNCD tổ chức gặp mặt để trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NH, đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV [H8.08.03.13]. Ngoài ra, Trường và KHTP&SK kịp thời khen thưởng, trao học bổng khuyến khích học tập động viên tinh thần học tập của SV [H8.08.03.10-12].

Trường có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Toàn bộ hoạt động này được thực hiện thông qua hệ

thông cơ sở dữ liệu bao gồm hồ sơ thông tin của NH, các thông báo của Trường, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, thông báo công nợ....Việc học tập và rèn luyện của NH được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đào tạo của Trường. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của Khoa sẽ được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, kết quả học tập, rèn luyện của từng NH có thể tra cứu thông qua phần mềm quản lý đào tạo <https://htql.vnkgu.edu.vn/> [H8.08.03.06].

Sau khi NH tiến hành việc đăng ký học trên hệ thống quản lý đào tạo, NH có thể xác định kế hoạch học tập của từng học kỳ và theo dõi tiến độ hoàn thành khối lượng học tập và rèn luyện của bản thân theo giai đoạn đào tạo. GV phụ trách HP có danh sách NH tham dự lớp học phần và giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH thông qua điểm thường kỳ và điểm giữa kỳ [H8.08.03.08-10].

### *2. Điểm mạnh*

Trường áp dụng hài hoà việc hướng dẫn, tư vấn định hướng cho SV, hỗ trợ tích cực việc học tập của SV, đồng thời có hệ thống giám sát, quy trình giám sát và hệ thống cảnh báo học vụ để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của NH theo từng học kỳ, từ đó có hướng giải quyết kịp thời, hiệu quả. Hệ thống CVHT kết nối hiệu quả giữa Trường/Khoa và người học, theo dõi thường xuyên kết quả học tập và tư vấn hỗ trợ NH học tập, rèn luyện tốt hơn.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc đăng ký học phần của SV trong các kỳ học gần đây gặp khó khăn do số lượng SV Khoa ít và nhiều SV tiếp nhận thông tin chậm. Khoa chưa có phương pháp giám sát tình hình học tập trên lớp của SV hiệu quả.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh hệ thống hỗ trợ NH, đội ngũ CVHT cập nhật thông tin đào tạo thường xuyên để tư vấn tốt cho NH.

Đồng thời, KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ chủ động liên hệ với phòng ĐT để hỗ trợ việc đăng ký học phần của người học. CVHT sẽ lên kế hoạch theo dõi người học, khảo sát lấy ý kiến người học về tiến độ và chất lượng giảng dạy để có thể điều chỉnh phù hợp hơn, người học học tập hiệu quả hơn.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường và Khoa KHTP&SK có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, gồm:

i) *Về trách nhiệm tư vấn học tập*, các phòng ban như Phòng ĐT, Phòng CTSV&KNCD, Phòng KT&ĐBCL được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT và thư ký khoa [H8.08.04.01].

ii) *Về hoạt động ngoại khóa, thi đua*, Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với Đoàn Khoa và Đoàn Trường để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH [H8.08.04.02].

iii) *Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH*, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm hiểu các tài liệu học tập cần thiết. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [H8.08.04.03].

Trường có bộ phận chịu trách nhiệm vấn việc làm cho NH là Phòng CTSV&KNCD và việc làm SV đảm trách hoạt động liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.02] [H8.08.04.04]. Phòng CTSV&KNCD đảm nhiệm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về quan hệ doanh nghiệp: hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, giới thiệu SV tới thực hành, thực tập, kiến tập; khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm việc và tình hình việc làm của SV được giới thiệu việc làm; đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của SV thực hành, thực tập; Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng của SV tốt nghiệp. Phòng CTSV&KNCD quản lý vận hành cổng thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu SV đến thực tập tại doanh nghiệp và quản lý danh sách SV thực tập; kết nối các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động cộng đồng, gắn kết SV với doanh nghiệp và thế giới việc làm, như: tham quan nhà máy sản xuất, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng

hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu trường ĐHKG đến doanh nghiệp và cộng đồng [H8.08.04.05].

Hằng năm, Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo các quy định chung của Trường [H8.08.04.05]. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là GV cơ hữu của Khoa thực sự là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa KHTP&SK trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường/Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, hàng tháng, Trường đã ban hành Nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: Phòng ĐT, Phòng CTSV&KNCD... làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH. Khoa KHTP&SK tổ chức buổi lễ chào đón tân SV vào đầu khoá học để tư vấn, định hướng cho NH và tạo động lực cho NH hòa nhập với môi trường mới. NH được hướng dẫn phương pháp học ĐH hiệu quả phù hợp với ngành CNTP [H8.08.04.06-09]. Mỗi năm, đại diện các phòng ban và đại diện Khoa thường xuyên gặp gỡ ban cán sự các lớp để nắm bắt thông tin và hỗ trợ. Khoa và phòng CTSV&KNCD phối hợp các buổi đối thoại giữa BCN Khoa, BGH với NH toàn Khoa [H8.08.04.08] [H8.08.04.18].

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa có kế hoạch và triển khai hoạt động thăm quan, kiến tập dành cho NH năm thứ nhất sau vào Hk1 năm nhất nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động, cơ sở vật chất và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, tổ chức hành nghề thực phẩm, Công ty sản xuất dịch vụ trong lĩnh vực thực phẩm. Qua đó, giúp NH có định hướng nghề nghiệp trong tương lai, kế hoạch phấn đấu trong quá trình học tập, cũng như tăng niềm đam mê và tình yêu đối với chuyên ngành được đào tạo, tạo động lực trong học tập cho SV CNTP [H8.08.04.08].

Trường và Khoa KHTP&SK xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH gồm: Đoàn Khoa KHTP&SK, Ban cán sự lớp, Bí thư Chi đoàn lớp, là “cánh tay nối dài” kết nối thông tin giữa Trường, Khoa KHTP&SK với NH. Thành lập các CLB ngoại khoá với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH [H8.08.04.16].

Khoa KHTP&SK chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành CNTP (thể hiện ở bảng 8.3) [H8.08.04.11-12], [H8.08.04.14]. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách hỗ trợ và khen thưởng, tặng giấy khen cho CVHT, Ban Cán sự lớp, Bí thư Chi Đoàn lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ [H8.08.04.19-20].

Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Nhằm thực hiện định hướng ứng dụng - thực hành của Trường, Khoa KHTP&SK tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề thực phẩm trong tỉnh Kiên Giang và các tỉnh để tạo điều kiện cho SV thực tập, tiếp xúc thực tế, từ đó tăng cường kỹ năng để xin việc làm [H8.08.04.10] [H8.08.04.14-15]. Trường và Khoa đã xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động tổ chức ngày hội việc làm, tạo cầu nối giữa SV và nhà tuyển dụng, hỗ trợ việc làm đúng chuyên ngành đào tạo cho NH cũng như thiết lập nền móng ban đầu để các em có cơ hội làm việc sau khi tốt nghiệp. Dựa trên Quy trình giới thiệu việc làm do Trường ban hành, Khoa KHTP&SK tiến hành các hoạt động cụ thể để kết nối SV với nhà tuyển dụng. SV có thể tìm thấy trên trang website của phòng CTSV&KNCD hoặc fanpage ngành CNTP những thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp được cập nhật đều đặn [H8.08.04.13]. Qua đó, đa số sinh viên tốt nghiệp có việc làm của ngành CNTP có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo [H8.08.04.17].

Trong năm 2020 có 90% số NH và 85% số NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát với tỉ lệ trên cho thấy các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của NH hàng năm của Khoa đã có hiệu quả nhất định, đồng thời là cơ sở để Khoa xem xét những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm trong năm học tới [H8.08.04.17].

**Bảng 8.3. Các hoạt động hỗ trợ SV trong quá trình học**

<b>Hoạt động</b>	<b>Năm thứ nhất</b>	<b>Năm thứ hai</b>	<b>Năm thứ ba</b>	<b>Năm thứ tư</b>
<b>Định hướng phương pháp học tập trong môi trường</b>	- Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá - Bầu Ban cán	- Họp Ban cán sự - Gặp mặt SV	- Họp Ban cán sự - Gặp mặt SV	- Họp Ban cán sự - Gặp mặt SV

<b>ĐH</b>	sự lớp			
<b>Giới thiệu các cơ hội nghề nghiệp để SV chủ động lập kế hoạch rèn luyện kỹ năng hành nghề và định hướng phát triển nghề nghiệp</b>	Đi thực tế kiến tập đến các nhà máy chế biến  Tham gia hoạt động Đoàn Khoa	Hoạt động ngoại khóa về nguồn  Hội thảo với doanh nghiệp, cựu sinh viên  Hội nghị học tốt  Phong trào Đoàn	Tham gia NCKH  Thực tập ngành nghề tại doanh nghiệp thực phẩm  Tọa đàm chủ đề việc làm, định hướng tương lai	Thực hiện khóa luận  Ngày hội việc làm  Hội thảo việc làm với doanh nghiệp đã ký kết giao ước tuyển dụng
<b>Hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ cộng đồng</b>	Hoạt động thiện nguyện	Hoạt động tư vấn tuyển sinh	Tình nguyện mùa hè xanh, chuyển giao kết quả NCKH	Hoạt động thiện nguyện

### 2. Điểm mạnh

Khoa KHTP&SK đã có nhiều biện pháp cụ thể hỗ trợ tích cực việc học tập cho người học như tổ chức kiến tập cho SV năm thứ nhất, ký kết hợp tác với các tổ chức, cơ quan doanh nghiệp thực phẩm, tạo điều kiện thực tập và cơ hội việc làm cho SV năm cuối.

### 3. Điểm tồn tại

Một số SV đã tốt nghiệp chưa tham gia hoạt động lấy ý kiến khảo sát.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh là hợp tác với nhiều doanh nghiệp thực phẩm, hỗ trợ tích cực học tập và việc làm của SV sau này.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa KHTP&SK sẽ thành lập Hội Cựu SV khoa KHTP&SK. để tăng cường kết nối với SV sau khi tốt nghiệp, từ đó tăng hiệu quả hỗ trợ việc làm cho SV, tăng tỉ lệ SV tham gia khảo sát ý kiến phục vụ tốt hỗ trợ sinh viên hơn nữa.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

## **Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Khoa KHTP&SK có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ sở đào tạo của Khoa KHTP&SK được bố trí tại Khu A, 320A Thị Trấn Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang. Trên diện tích 54 hecta, Trường ĐHKG được đầu tư với cơ sở hạ tầng khang trang, hiện đại gồm: 4 Khu giảng đường, tòa nhà 11 tầng, hội trường B, thư viện với nhiều đầu sách, khu tự học với phòng làm việc nhóm, phòng đọc, phòng máy tính tra cứu thông tin [H8.08.05.01], [H8.08.05.02].

Trường và Khoa KHTP&SK đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho SV, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của SV đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, thư ký Khoa với SV tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với SV khiến SV thêm tin yêu và tự hào về Khoa, Trường [H8.08.05.03].

Công đoàn Trường phối kết hợp với các phòng ban khác trong Trường tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện và thu hút sự tham gia của NV, GV để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho NV, GV, luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ NV, GV. Tổ trưởng Công đoàn Khoa cùng với Ban chủ nhiệm Khoa cải thiện điều kiện việc làm, chăm lo đời sống cho NV, GV trong Khoa. Thu hút NV, GV tham gia các hoạt động do Công đoàn Trường phát động [H8.08.05.04].

Trường và Khoa KHTP&SK thành lập các CLB ngoại khoá với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Thông tin về các CLB được đăng trên website của nhà trường để SV dễ dàng tìm hiểu [H8.08.05.05]. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện sau giờ học trên giảng đường cho NH, thu hút sự tham gia nhiệt tình và tích cực của SV ngành CNTP.

Cảnh quan sư phạm của Trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho GV, NV và NH về điều kiện học tập, sinh hoạt trong khuôn viên trường có nhiều cây xanh, hoa, ghế đá, mái che nắng tạo môi trường thoải mái, mát mẻ, thân thiện cho NH. Cảnh quan trong khuôn viên trường để phục vụ cho GV, NV và NH



[H8.08.05.06]. Bộ phận y tế học đường trực thuộc Phòng CTSV&KNCD phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho GV và NH [H8.08.05.07]. Từ năm học 2018-2019, lắp đặt hệ thống wifi miễn phí cho NH ở các khu vực công cộng (thư viện, hành lang, sảnh trường...) giúp NH dễ dàng tra cứu thông tin trong và ngoài giờ học. Thư viện lớn với các phòng làm việc khép kín tạo điều kiện cho NH làm việc nhóm. Đồng thời, Trường cũng bố trí nơi nghỉ trưa cho NH, GV tại các cơ sở đào tạo. Hằng năm, Trường tổ chức kiểm tra về công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và vệ sinh an toàn thực phẩm để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập tốt nhất cho NH [H8.08.05.08].

Để đánh giá sự hài lòng của người học về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan... hàng năm, Khoa và Nhà trường đã lấy ý kiến trực tiếp của người học thông qua các buổi đối thoại SV, các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.05.09]. Ngoài ra, Trường tiến hành khảo sát dạng phiếu để lấy ý kiến của người học được khách quan hơn về môi trường học tập (hoạt động hỗ trợ sinh viên), điều kiện học tập (cơ sở vật chất) và hoạt động ngoại khóa để từ đó những giải pháp điều chỉnh, cải tiến môi trường cảnh quan học tập tốt nhất cho người học [H8.08.05.10].

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường có cơ sở vật chất tốt để đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cũng như các hoạt động thể dục thể thao, ngoại khóa... của người học. Các vấn đề về vệ sinh, an toàn sức khỏe được Nhà trường quan tâm và thực hiện nghiêm chỉnh góp phần đảm bảo sức khỏe của người học và người dạy từ đó thúc đẩy hoạt động dạy và học trong Nhà trường được tốt nhất.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động tư vấn tâm lý cho SV được thực hiện bởi đội ngũ CVHT, chưa có bộ phận chuyên trách thuộc Khoa KHTP&SK.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh thực hiện môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa dự kiến thành lập bộ phận tư vấn tâm lý cho SV do CVHT các lớp phụ trách.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa KHTP&SK xác định là khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được công bố công khai và cập nhật hàng năm để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện được xây dựng và công bố công khai.

### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của chất lượng người học, hoạt động hỗ trợ người học của CTĐT ngành CNTP được xác định: Khoa KHTP&SK mới tuyển sinh một ngành đào tạo CNTP nên chưa thu hút thí sinh trong xu thế đào tạo đa ngành, công tác tuyển sinh nhiều hình thức nhưng tổ hợp xét tuyển còn ít, NH tham gia các học phần trên lớp chưa được Khoa có cơ chế giám sát hiệu quả, các hoạt động tư vấn tâm lý cho sinh viên chủ yếu giao cho CVHT.

### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8:***

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.**

### **Mở đầu**

Từ khi thành lập Khoa KHTP&SK, Nhà trường luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng CNTT như: phòng làm việc, phòng học, phòng đọc, phòng thực hành, hệ thống tài liệu chuyên ngành CNTP phục vụ cho hoạt động đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu của GV và học tập, rèn luyện, NCKH của SV trong Khoa với mục tiêu đề ra là đào tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu XH, trở thành một trong những Khoa dẫn đầu trường về chất lượng đào tạo và tổ chức quản lý. Ngoài công việc giảng dạy, học tập và NCKH, Trường và khoa KHTP&SK đang chung tay xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và thân thiện.

**Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành CNTP theo quy định hiện hành. Trường hiện đang đào tạo nhiều ngành và bậc học với số lượng hơn 4000 SV, với tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục là 54 hecta, trong đó Khoa có 1 văn phòng Khoa 96 m<sup>2</sup> và 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành có diện tích 192m<sup>2</sup>. Tuy là một khoa non trẻ của Trường nhưng Khoa KHTP&SK đã thu hút được số lượng lớn SV. Các phòng học phục vụ công việc đào tạo, giảng dạy và học tập của GV Khoa KHTP&SK được bố trí, sắp xếp tại Trường ĐHKG với 4 khu giảng đường (địa chỉ 320A Thị Trấn Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang). Cụ thể, văn phòng Khoa được đặt tại lầu 5 Khu Giảng đường A (diện tích 96 m<sup>2</sup>), ; 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành phòng thực hành chế biến thực phẩm, phòng thực hành phân tích thực phẩm, phòng thực hành sơ chế thực phẩm (diện tích 192 m<sup>2</sup>), Trung tâm thông tin - thư viện - (diện tích 1200 m<sup>2</sup>); ngoài ra, một số phòng được bố trí sử dụng chung với Trường như hệ thống 200 phòng học, 04 giảng đường, phòng hội thảo khu B, khu tự học, 2 phòng máy tính, phòng đọc, thư viện... với tổng diện tích sử dụng lớn Trường 200 phòng học tương đương 19200 m<sup>2</sup> nói chung và Khoa KHTP&SK nói riêng đáp ứng được với tỉ lệ diện tích/NH là 4,8 m<sup>2</sup> [H9.09.01.01].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Về hệ thống phòng làm việc, Trường cung cấp 01 phòng làm việc với diện tích 96 m<sup>2</sup>, các thiết bị văn phòng như: (Phòng làm việc được trang bị máy lạnh, máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu, máy tính bàn cho thư ký Khoa, và các trang thiết bị đảm bảo). Các thiết bị trên hỗ trợ tối đa cho các công tác hành chính, công tác tiếp sinh viên và giải quyết học vụ, tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa KHTP&SK, Trường ĐHKG. Về hệ thống phòng học, Khoa KHTP&SK cũng như các khoa khác trực thuộc Trường đều sử dụng chung cơ sở vật chất của nhà trường dưới sự điều phối chính của Phòng ĐT. Khoa KHTP&SK sử dụng hệ thống phòng học tại cơ sở Minh Lương, Châu Thành, Kiên Giang đảm bảo

chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy chiếu, âm thanh, chiếu sáng... thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học [H9.09.01.02]. Trung Tâm Dịch vụ trường học phân công NV giám sát, bảo trì và sửa chữa khi cần thiết các trang thiết bị dạy học hàng ngày. Ngoài ra, GV và SV có thể phản hồi tình trạng của máy móc, thiết bị trực tiếp thông qua ý kiến trong Phiếu điểm danh lên lớp hàng ngày của GV hoặc gián tiếp qua biên bản sinh hoạt lớp, sổ theo dõi tình trạng sử dụng trang thiết bị, để Trung Tâm Dịch vụ trường học kịp thời khắc phục và sửa chữa, hạn chế ảnh hưởng đến việc dạy và học [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Hằng năm, Trường lắng nghe và ghi nhận lại thông qua các buổi đối thoại trực tiếp với SV để từng bước hoàn thiện và nâng cao hệ thống cơ sở vật chất thông qua các phản hồi, đề xuất của Khoa và SV KHTP&SK về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Qua đó, Trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, bổ sung thêm hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính [H9.09.01.04-05]. Trường đầu tư một lượng kinh phí cho cơ sở vật chất và trang thiết bị để đảm bảo tối đa nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của SV và GV [H9.09.01.05].

Nhằm giúp cho SV trong ngành CNTP có điều kiện tiếp cận hơn với thực tế, thực hành trực tiếp với công việc ngay khi còn ngồi trên ghế giảng đường, dễ dàng bắt nhịp với công việc sau khi tốt nghiệp ra trường. Nhà trường đã trang bị phòng thực hành thí nghiệm cho khoa KHTP&SK, Cụ thể trong phòng thí nghiệm Công nghệ chế biến thực phẩm có các thiết bị chưng cất, cô đặc, máy sấy, tủ đông, máy sấy phun, máy đồng hóa, máy cô quay chân không... Phòng Phân tích chất lượng và an toàn thực phẩm có các thiết bị phân tích hiện đại như HPLC, UV-VIS [H9.09.01.06].

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Nhà trường rất chú trọng việc phục vụ cho người học. Những năm qua, Nhà trường và khoa KHTP&SK thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng trong trường tổ chức hội nghị đối thoại với SV cũng như lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất và trang thiết bị [H9.09.01.07]. Kết quả thu được từ các hội nghị đối thoại và khảo sát này là cơ sở để Khoa và Nhà trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất để phục vụ người học ngày càng tốt hơn.

## 2. Điểm mạnh

Nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV và SV được đảm bảo thông qua hệ thống phòng học đầy đủ về số lượng và chất lượng cơ sở vật chất luôn ổn định, cũng như nhờ vào việc thiết lập bộ phận chức năng làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, sửa chữa phòng học, phòng làm việc, hội trường...

Phần mềm QLĐT được sử dụng đã đáp ứng tốt việc bố trí, sắp xếp phòng học cho GV và SV cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu.

## 3. Điểm tồn tại

Các trang thiết bị cho mô hình lớp học thông minh chưa đáp ứng đủ để đưa vào giảng dạy chính thức trong các CTĐT của Trường nói chung và Khoa KHTP&SK nói riêng.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, tiếp tục kiến nghị nhà trường bảo trì CSVC và đầu tư mới, phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu học tập của SV.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa kiến nghị nhà trường mua trang thiết bị, thiết kế bố trí, sắp xếp lại các phòng học và trang thiết bị cho phù hợp với nhiều mô hình học tập như học nhóm, thảo luận nhóm linh động, lớp học thông minh.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Bên cạnh việc đầu tư cho các phòng thí nghiệm cho khối ngành kỹ thuật công nghệ, thì Trung tâm thông tin và thư viện là một bộ phận không thể thiếu cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường, gồm: thư viện tại các cơ sở của nhà trường với tổng diện tích sử dụng là 1.200 m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 2050 m<sup>2</sup> sàn gồm 1 trệt, 1 lầu. Thư viện được trang bị: 04 phòng đọc sách, 01 phòng đọc báo-tạp chí, 01 phòng đọc mở, 01 phòng mượn với diện tích 1200 m<sup>2</sup> gồm 02 chỗ đọc sách, một phòng máy tính tra cứu Internet, số máy tính của thư viện là 37 máy tính phục vụ cho nhu cầu học tập tra cứu thông tin. Cơ sở

vật chất của thư viện ngày càng được cải tiến để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu trong học tập của SV. Khoa KHTP&SK chủ yếu khai thác và sử dụng thư viện tại Trường [H9.09.02.01].

Thư viện, phòng đọc có nội quy và các các trang thiết bị để hoạt động nhằm đảm bảo được công suất sử dụng tối đa hiệu quả của thư viện, phòng đọc của Nhà trường, như chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính bàn, thiết bị quét thẻ sinh viên, phần mềm tra cứu... Thư viện triển khai các hoạt động tập huấn như giới thiệu thư viện trong tuần sinh hoạt HSSV đầu khóa, hướng dẫn kỹ năng tra cứu thông tin và sử dụng thư viện cho SV, cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn tra cứu các cơ sở dữ liệu trên website nhằm giúp người đọc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các dịch vụ hiện có [H9.09.02.02].

Trường có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ) ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Dựa trên ĐCCT HP của Khoa KHTP&SK biên soạn [H9.09.02.06], thư viện được phân công nhiệm vụ mua sắm tài liệu, học liệu với hơn 313 đầu sách bao gồm giáo trình, sách, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài; số lượng đầu sách, tạp chí chuyên ngành CNTP phục vụ với CTĐT ngành CNTP là 6070 [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của SV và GV. Bên cạnh nguồn tài liệu truyền thống như sách, tạp chí chuyên ngành,... thư viện còn liên kết với nhiều cổng cơ sở dữ liệu toàn văn trong nước và quốc tế như: Thư viện Trường Đại học Nha Trang có tổng tài liệu số là 90.893 và tài liệu văn bản là 22.430, do đó, SV và GV Trường ĐH ĐHKG nói chung và Khoa KHTP&SK nói riêng được tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú [H9.09.02.05].

Thư viện cũng đã thiết lập cơ sở tài liệu môn học theo danh mục tài liệu trong ĐCCT của HP nhằm phục vụ tra cứu tài liệu của GV và SV được thực hiện dễ dàng hơn nhờ vào việc biên mục các tài liệu trên phần mềm. Thư viện có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhằm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của NH khi sử dụng thư viện, việc khảo sát mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc được thực hiện hàng năm, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động của thư viện [H9.09.02.08], đặc biệt là việc cập nhật giáo trình, tài liệu, sách tham khảo hằng năm của ngành CNTP [H9.09.02.07].

## 2. Điểm mạnh

Nguồn tài liệu đa dạng và đáp ứng được nhu cầu của CTĐT. Trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện nhờ đó giúp bạn đọc khai thác tối ưu các nguồn tài liệu.

## 3. Điểm tồn tại

Tài liệu tham khảo nước ngoài cho các HP ngành CNTP còn hạn chế. Một số HP chỉ mới có tài liệu trong nước mà không có tài liệu nước ngoài bằng tiếng Anh.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh công tác phục vụ SV, tiếp tục thực hiện công tác khảo sát ý kiến SV về công tác thư viện.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa phối hợp với thư viện lựa chọn các giáo trình, tài liệu tham khảo ngoài nước nhằm đảm bảo việc cập nhật tài liệu mới, nghiên cứu, học tập của SV và GV.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Quản lý Thực hành – Thí nghiệm (TTQLTH-TN) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trường Đại học Kiên Giang, được thành lập theo Quyết định số 332/QĐ-ĐHKG, ngày 12/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang [H9.09.03.01], có chức năng quản lý cơ sở vật chất phục vụ thí nghiệm, thực hành và phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai cho viên chức, học viên, sinh viên thực hiện các bài thực hành, thí nghiệm trong chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Trung tâm có 27 phòng thí nghiệm, thực hành và 6 phòng máy vi tính được trang bị nhiều máy móc, thiết bị và có sổ theo dõi, nhật ký sử dụng trang thiết bị [H9.09.03.02] [H9.09.03.03] với đầy đủ các phần mềm cần thiết để phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của SV, cán bộ, GV và các bên liên quan ở nhiều lĩnh vực từ cơ bản đến chuyên môn.

Các phòng được bố trí khoa học và hợp lý bao gồm 01 Văn phòng Khoa tại Khu A với diện tích 96 m<sup>2</sup>, 03 phòng thí nghiệm chuyên ngành CNTP để SV học tập và NCKH với diện tích 192 m<sup>2</sup> phù hợp với điều kiện của trường nói chung và của Khoa

nói riêng [H9.09.03.11]. Các phòng thí nghiệm đều được trang bị các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm phục vụ đầy đủ cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.04].

Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Nhà trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Nhà trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các Khoa [H9.09.03.05].

Trong phòng thí nghiệm có Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành, thí nghiệm rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện. Có nội quy riêng của phòng thí nghiệm thực hành trực thuộc Khoa [H9.09.03.06]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Trung tâm thực hành thí nghiệm sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị; Sổ nhật kí theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng; Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07]. Trung tâm Thực hành Thí nghiệm và Khoa đều có cán bộ phụ trách phòng, thiết bị riêng [H9.09.03.08].

Để đánh giá mức độ đáp ứng về hoạt động giảng dạy thí nghiệm thực hành hàng năm Nhà trường có tổ chức đối thoại SV [H9.09.03.09]. Để kịp thời cập nhật và sửa chữa các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị, Khoa tiến hành phát phiếu khảo sát ý kiến của SV về phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị ở mỗi học kỳ [H9.09.03.10]. Đây là cơ sở để Khoa điều chỉnh và định hướng đầu tư các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị trong các học kỳ tiếp theo.

## *2. Điểm mạnh*

Khoa KHTP&SK có đủ số lượng phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành. Các trang thiết bị thường xuyên được sửa chữa, nâng cấp đáp ứng tốt yêu cầu của từng ngành đào tạo.

Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH của GV, SV.

## *3. Điểm tồn tại*

Các công cụ nghiên cứu hiện nay của phòng thực hành, thí nghiệm của Khoa KHTP&SK còn thô sơ chỉ mới đáp ứng yêu cầu chủ yếu cho nghiên cứu cơ bản.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh trang thiết bị phòng thực hành được thường xuyên nâng cấp, đáp ứng tốt yêu cầu đào



tạo của ngành.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ tăng cường mua sắm các công cụ nghiên cứu cho phòng thực hành. Đồng thời Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch đề xuất mở phòng thực nghiệm nhằm đầu tư nhiều hơn các trang thiết bị, công cụ đo lường, đánh giá và mở rộng diện tích của phòng thực hành nhằm phục vụ đông đảo GV và NH. Mặt khác, Khoa cũng thành lập các nhóm trao đổi học thuật giữa GV với người học của các bộ môn tại phòng thực nghiệm, giúp phòng thực nghiệm thực sự là nơi để cả SV và GV làm việc, nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập mang tính thực nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

1. Mô tả hiện trạng

Trường thành lập trung tâm thông tin thư viện đảm nhiệm việc quản lý các hệ thống CNTT, nghiên cứu và triển khai, hỗ trợ kỹ thuật các giải pháp CNTT từ năm 2015 để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01]. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.02].

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, SV được sử dụng 400 máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và tham gia các kỳ thi online tại 06 máy tính tại trung tâm thực hành thí nghiệm của Trường tại Minh Lương, Châu Thành. Năm 2021, Khoa triển khai đào tạo E-Learning các HP thuộc Bộ môn Khoa học thực phẩm, và các môn học E-Learning cấp độ 1 trong năm học 2021-2022, các hoạt động trên được ghi nhận ở Sổ theo dõi [H9.09.04.03].

Toàn bộ hệ thống CNTT của nhà trường hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của GV, NV và SV. Trên cơ sở phần mềm CUSC Software trong công tác QLĐT, quản lý hành chính điện tử, GV, NV có thể truy cập, truy xuất, tra cứu thông tin. Ngoài ra, Trường cung cấp cho GV, NV và SV Khoa KHTP&SK email nội bộ dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác đào

tạo, học tập và NCKH. Để duy trì cho sự ổn định của hệ thống CNTT, Trung tâm thông tin thư viện được sự phân công của Ban Giám hiệu thực hiện các công tác kiểm tra định kỳ (gồm hằng ngày và hằng tuần) nhằm phát hiện và xử lý kịp thời nếu xảy ra sự cố [H9.09.04.04] [H9.09.04.05]. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa KHTP&SK đã xây dựng những kênh thông tin khác nhằm hỗ trợ quản lý công tác đào tạo, NCKH và trao đổi thông tin giữa Khóa, GV với SV như fanpage Facebook (Tên chính thức: Hội cựu sinh viên, sinh viên ngành công nghệ thực phẩm, Trường Đại học Kiên Giang, link [www.facebook.com/groups/702693227094506/](http://www.facebook.com/groups/702693227094506/) và website của khoa KHTP&SK (<http://khoakhtp-sk.vnkgu.edu.vn/>). Năm học 2021- 2022, Khoa đã ứng dụng phần mềm Google-Meet vào việc sinh hoạt CVHT hàng tháng để trao đổi với SV.

Hằng năm, hệ thống CNTT được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trường còn có kế hoạch mua sắm mới, hệ thống máy tính trang bị phần cứng, phần mềm, cải thiện hệ thống mạng. Trường luôn đảm bảo NH và các bên liên quan sử dụng hệ thống CNTT có bản quyền và đầy đủ chức năng để phục vụ tối đa cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đã ban hành Quy chế Quản lý hệ thống CNTT với những nội dung quy định về các nguyên tắc và phương thức thực hiện đảm bảo việc an toàn, bảo mật, phòng ngừa các rủi ro cho hệ thống CNTT [H9.09.04.06].

Hằng năm, Trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NV và SV về mức độ đáp ứng nhu cầu phù hợp của hệ thống CNTT trong hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, là tiền đề để Trường từng bước có những cải tiến và cập nhật hệ thống CNTT [H9.09.04.07].

### *2. Điểm mạnh*

Hệ thống CNTT của nhà trường đảm bảo được việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, SV. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin nội bộ của Khoa như website, fanpage facebook, Zalo, Google-Meet được triển khai rộng khắp và sử dụng hiệu quả.

### *3. Điểm tồn tại*

GV chưa khai thác hết các tính năng của phần mềm nội bộ.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh, khảo sát ý kiến của NH và các bên liên quan về hệ thống CNTT để có những đề xuất,

kế hoạch cải tiến và cập nhật hệ thống CNTT phù hợp.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa phối hợp cùng trung tâm thông tin thư viện tập huấn, hướng dẫn chuyên sâu về cách sử dụng phần mềm nội bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường đã ban hành các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành. Các quy định, tiêu chuẩn được ban hành nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác Y tế, vệ sinh môi trường, an toàn trong trường học của các đơn vị, GV, NV và NH [H9.09.05.01].

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban như: Phòng CTSV&KNCD, tổ Y tế, Tổ Bảo vệ có chức năng chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) *Về môi trường*: GV và NH có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, cây cảnh, ghế đá, mái che nắng... tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho GV và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với công ty về vệ sinh như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và có kế hoạch cải tiến cơ sở vật chất. Bên cạnh đó, nhà trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh...). Nhằm tạo môi trường, điều kiện học tập tốt hơn đối với NH là người khuyết tật, Phòng CTSV&KNCD đã ban hành phiếu tiếp nhận phản hồi riêng với nội dung đến các nhu cầu của người khuyết tật trong học tập và đã có những đề xuất kịp thời để hỗ trợ NH. Thực hiện theo quy định của nhà trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập. [H9.09.05.02] [H9.09.05.04].

ii) *Về sức khỏe*: Tổ Y tế tại các cơ sở với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế theo

quy định của Bộ, các ngành liên quan để sơ cứu khi xảy ra các sự cố về an toàn và sức khỏe.

iii) *Về đảm bảo an toàn, khuôn viên*: Trường có được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24 giờ. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera an ninh, theo dõi người ra vào thông qua kiểm tra thẻ tên có mã nhân sự, mã vạch của NV, GV và SV. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương về việc tập huấn cho lực lượng tự vệ của Trường hằng năm nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Liên quan hoạt động phòng chống cháy nổ, các cơ sở được Trường trang bị trang thiết bị PCCC theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ. Đồng thời, Trường phối với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ [H9.09.05.03].

Hàng năm, Trường ĐHKG đã lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật thông qua việc thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng dịch vụ của các bên liên quan (NH và NV-GV) để cải thiện ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn, hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy: đánh giá chung của SV về tiêu chí môi trường, sức khỏe và an toàn ở mức độ tạm hài lòng; công tác đảm bảo an ninh trật tự trong trường được thực hiện tốt và các phòng học giảng đường luôn sạch sẽ được SV đánh là hài lòng [H9.09.05.05] [H9.09.05.06]. Qua kết quả báo cáo khảo sát, Trường đã xây dựng các Kế hoạch và triển khai việc cải thiện tiêu chuẩn [H9.09.05.07].

## 2. Điểm mạnh

Lãnh đạo Nhà trường quan tâm đến công tác môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên và SV toàn trường. Có sự chỉ đạo sâu sát thông qua việc xây dựng các quy định, kế hoạch thực hiện và kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở quá trình thực hiện theo quy định.

Công tác chăm sóc sức khỏe CB, GV, NV và SV được thực hiện khá đầy đủ theo quy định như: Mua bảo hiểm y tế, khám và điều trị, sơ cứu ban đầu; phòng chống dịch bệnh thực hiện nghiêm túc, khám sức khỏe định kỳ.

Công tác PCCC được thực hiện khá tốt từ tổ chức Đội PCCC đến hồ sơ kế hoạch, tập huấn và trang thiết bị PCCC.

Công tác an ninh trật tự được giữ vững thông qua hợp đồng với Công ty bảo vệ chuyên nghiệp trực bảo vệ 24/24 tại Trường.

### 3. Điểm tồn tại

Diện tích cây xanh, cảnh quan trong trường còn khiêm tốn. Thiết kế cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn chưa được chú trọng.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh là BGH quan tâm công tác môi trường, sức khỏe an toàn, chỉ đạo sau sát, chăm sóc sức khỏe CB, GV, NV và SK đầy đủ.

Đồng thời, Nhà trường sẽ khắc phục điểm tồn tại, hoàn thiện cảnh quan trong khuôn viên cơ sở chính của Trường và có nhiều tiện ích đáp ứng cơ sở vật chất cho người khuyết tật được tốt hơn.

### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

#### **Kết luận Tiêu chuẩn 9:**

##### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Trường đã trang bị đầy đủ CSVC, trang thiết bị, hệ thống thông tin, nguồn tài liệu phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Môi trường học tập an toàn đáp ứng đúng quy định.

##### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của CSVC, trang thiết bị của CTĐT ngành CNTP được xác định: các trang thiết bị cho lớp học thông minh chưa đủ, nguồn tài liệu trong nước phong phú nhưng nguồn tài liệu nước ngoài còn hạn chế, hệ thống phần mềm nội bộ chưa được GV khai thác hết.

##### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9:***

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

#### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.**

##### **Mở đầu**

Hiện nay, Trường và Khoa KHTP&SK rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

**Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường và Khoa KHTP&SK có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, GV, nghiên cứu viên, NH, nhà tuyển dụng, HĐ KH&ĐT cấp Khoa, Trường ĐHKG căn cứ vào Quy trình thiết kế CTDH, Trường ĐHKG đã xây dựng hệ thống quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động (i) giảng dạy của GV và (ii) tổ chức đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp [H10.10.01.01]. Trước khi thiết kế, xây dựng CTDH, tổ soạn thảo phải hoàn thành phiếu khảo sát và lập kế hoạch khảo sát, tiến hành tổ chức khảo sát các đối tượng: GV, NH, nhà tuyển dụng... bằng các hình thức: tổ chức hội thảo, phỏng vấn trực tiếp hoặc qua Email. Sau khi hoàn thành khảo sát, tổ soạn thảo tiến hành tổng hợp các dữ liệu đã thu thập, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.02] [H10.10.01.05]. Sau khi phân tích nhu cầu nguồn nhân lực và kết quả phản hồi của các bên liên quan, Tổ soạn thảo xác định CDR gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp của ngành đào tạo.

Đối với nhu cầu xã hội, Trường và Khoa KHTP&SK cũng tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNTP làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH thông qua Bảng thống kê nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNTP [H10.10.01.03] [H10.10.01.06].

Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTDH được thể hiện qua bảng 10.1 (xem đầy đủ nội dung bảng 10.1 ở phụ lục 5) mô tả như sau:

**Bảng 10.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Cách thức tổ chức</b>	<b>Kết quả</b>
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp/ cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức Hội thảo/tập huấn	Quyết định phân công nhân sự tổ soạn thảo chương trình/Bảng phân công nhân sự soạn thảo ĐCCT

Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức lấy ý kiến khảo sát	Báo cáo năng lực của SV tốt nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
----------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------	-------------------------------------------------------------------------------

Ghi chú: Xem bảng 10.1 ở phụ lục 5

*Qua bảng 10.1* việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTDH. Trường đã ban hành các Quy định, quy trình gồm: khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tiến hành thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Theo bảng mô tả trên cho thấy việc thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được thu thập và sử dụng để thiết kế, cụ thể:

i) *Đối với các chuyên gia:* Trường, Khoa KHTP&SK đã tổ chức hội thảo, tập huấn về các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi hội thảo, tập huấn, Trường và Khoa đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện [H10.10.01.04].

ii) *Đối với các nhà tuyển dụng:* Trường, Khoa KHTP&SK đã ban hành quy trình nhà tuyển dụng đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H10.10.01.08]. Căn cứ quy trình này, Trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát nhằm xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên kết quả khảo sát, Trường, Khoa thực hiện báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề CNTT và năng lực của SV tốt nghiệp để thiết kế CTDH phù hợp.

iii) *Đối với GV:* Khoa tổ chức họp nhóm GV thiết kế CTDH, họp bộ môn, họp khoa, thảo luận nhằm làm cơ sở thiết kế CDR của CTDH, thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá...[H10.10.01.06].

iv) *Đối với người học:* Trường/Khoa tổ chức khảo sát ý kiến người học về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Những phản hồi của người học được thu thập và xem xét để thiết kế CTDH [H.10.10.01.05] [H.10.10.01.06].

v) *Đối với các cơ sở đào tạo CNTP trong nước:* Trường, Khoa đã có tổ chức đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về Mục tiêu đào tạo, CĐR, Cấu trúc CTDH ngành CNTP có liên quan. Kết quả đối sánh được tham khảo để thiết kế CTDH phù hợp. [H10.10.01.09].

vi) *Đối với HĐKH & ĐT cấp Khoa:* Khoa có tổ chức họp HĐKH & ĐT để thảo luận thống nhất CĐR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT môn học. Từ đó, Khoa đã xây dựng dự thảo toàn bộ CTDH và ĐCCT. [H10.10.01.07].

vii) *Đối với Trường:* Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường. Qua đó, theo kết quả tổng hợp ý kiến các bên liên quan của Khoa KHTP&SK, Trường đã phê duyệt và ban hành CTDH mới cho Khoa và ĐCCT các học phần thuộc ngành CNTP [H10.10.01.10].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để phát triển CTDH. Định kỳ, Khoa thực hiện rà soát và chỉnh sửa CTDH theo ý kiến khảo sát của các bên liên quan về: thay đổi thiết kế CĐR theo tiêu chuẩn mới, bổ sung một môn học cần thiết, tăng thời lượng thực hành cho một số môn học, tích hợp một số môn học để có môn học mới, thay đổi thời gian đào tạo phù hợp với số tín chỉ trong CTDH. Việc thay đổi tập trung theo hướng phát hiệu quả của tính ứng dụng, thực hành trong đào tạo. Khoa thống kê kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp, giảng viên, chuyên gia về những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTDH để cải tiến và phát triển, áp dụng cho đào tạo sinh viên khóa tiếp theo. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát góp phần phản ánh rõ nhu cầu của thị trường lao động ở từng giai đoạn và sự phù hợp phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo trong CTDH để cải tiến và phát triển [H10.10.01.05] [H10.10.01.07].

## 2. Điểm mạnh

Hiện nay, Trường đã vận hành hiệu quả hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, kết quả đã áp dụng tích cực cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Riêng Khoa KHTP&SK đã xây dựng website, fanpage để khảo sát ý kiến của người học, người giảng dạy... về CTDH.

## 3. Điểm tồn tại

Việc đóng góp ý kiến để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý mà thiếu sự phân tích chuyên sâu.



#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 -2023, Khoa KHTP&SK sẽ phát huy điểm mạnh, duy trì các kênh kết nối với SV, cựu SV, nhà tuyển dụng qua website, fanpage.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, chú trọng tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

### **Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Qua đó, CTDH luôn thường xuyên được cập nhật định kỳ. Từ năm 2017, quy trình thiết kế và phát triển CTDH được xem xét, đánh giá và cải tiến qua các giai đoạn được mô tả tại bảng 10.2 như sau: (xem bảng 10.2 đầy đủ ở phụ lục 5) [H10.10.02.01].

### **Bảng 10.2. Quá trình phát triển CTDH qua các năm 2017 – 2021 của Trường ĐHKG**

	2017	2019	2020	2022	Tháng 7/2022
<b>Văn bản ban hành</b>	- Quy trình xây dựng chương trình ĐH	- Quy trình xây dựng CĐR - Quy trình cập nhật, điều chỉnh CTDH	- Quy trình thiết kế CTDH theo CĐR	- Quy trình thiết kế CTDH; - Quy trình quản lý việc thực hiện CTDH; - Quy trình cải tiến CTDH	Quy trình chỉnh lý cập nhật CTDH

Ghi chú: Xem đầy đủ bảng 10.2 ở Phụ lục 5

Qua bảng mô tả trên cho thấy: từ năm 2017 đến tháng 7 năm 2022, Trường đã thực hiện:

Trước khi CTĐT được xây dựng, cập nhật, đánh giá, Trường tiến hành rà soát Quy trình này bằng việc ban hành Kế hoạch xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học [H10.10.02.03]. Theo kế hoạch, Phòng ĐT thực hiện tiến hành rà soát và báo cáo với Hiệu trưởng các thay đổi quan trọng trong quy định về xây dựng xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; đề xuất Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các cá nhân và đơn vị có liên quan trong Trường đối với bản dự thảo [H10.10.02.02]; hoàn thiện Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học theo các ý kiến đóng góp và trình Hiệu trưởng xem xét, ký ban hành Quy trình mới [H10.10.02.03].

Theo đó, CTĐT của ngành CNTP đã được xây dựng và điều chỉnh, cập nhật vào các năm 2019 và 2020 theo các Quy trình này. Quy trình xây dựng CTĐT năm 2017 được thực hiện cụ thể và chi tiết [H10.10.02.04]. Sau khi nhận được thông báo về kế hoạch điều chỉnh CTĐT [H10.10.02.05], Quyết định ban hành về quy trình cập nhật, đánh giá, soạn thảo bổ sung CTĐT trình độ ĐH [H10.10.02.06], Quyết định thành lập tổ công tác [H10.10.02.07]; Quyết định về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT [H10.10.02.08]. Khoa KHTP&SK tiến hành triển khai thông qua cuộc họp và xây dựng kế hoạch thực hiện [H10.10.02.09]. Bộ môn triển khai các GV về việc xây dựng đề cương học phần theo CĐR [H10.10.02.10]. CTĐT cũng được các BLQ đóng góp, xây dựng thông qua những khảo sát các đối tượng: GV, SV, cựu SV và NTD [H10.10.02.11]. Việc ban hành CTĐT được thực hiện trên cơ sở có sự thông qua của hội đồng thẩm định [H10.10.02.12-13].

CTĐT ngành CNTP được cập nhật lần thứ 1 vào năm 2019 [H10.10.02.14], nhiệm vụ quan trọng của quá trình cập nhật gồm: cập nhật về CĐR CTĐT theo quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Ban hành theo QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ); cập nhật chương trình khung; cập nhật CĐR học phần, ma trận CĐR; cập nhật đề cương các môn học phù hợp với CĐR CTĐT. Việc cập nhật, đánh giá CTĐT năm 2020, lần này được thực hiện theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHKG ngày 05/05/2020 [H10.10.02.15] quy định Quy trình chi tiết cập nhật CĐR và Quy trình chi tiết cập nhật CTĐT theo CĐT rất cụ thể, chi tiết và chặt chẽ [H10.10.02.16].

Năm 2020-2021, theo đúng chu kỳ 2 năm, Khoa tiến hành đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT CNTP trình độ ĐH [H10.10.02.17], nhiệm vụ quan trọng của quá trình cập nhật, đánh giá này gồm: đánh giá, cập nhật CĐR, CTĐT; cập nhật CĐR học phần; cập nhật đề cương học phần tổng quát, đề cương học phần chi tiết. Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH được thực hiện theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHKG ngày 5/5/2020 [H10.10.02.18], quy định Hướng dẫn xây dựng, ban hành, áp dụng CĐR Quy trình chi tiết cập nhật CĐR và CTĐT gồm các bước, công việc cần thực hiện, cũng như việc áp dụng CĐR, CTĐT và thu thập các ý kiến phản hồi để làm cơ sở cải tiến; Hướng dẫn cập nhật CĐR và CTĐT, Quy trình chi tiết cập nhật CTĐT theo CĐR [H10.10.02.19].

## *2. Điểm mạnh*

Trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn xây dựng, thiết kế CTDH. Các quy định, quy trình rõ ràng, cụ thể, nên việc thiết kế, xây dựng, cải tiến CTDH được thuận lợi, có kết nối với yêu cầu CĐR. Trên cơ sở đó, Khoa KHTP&SK có thể thiết lập, định kỳ rà soát và cải tiến CTDH của Khoa phù hợp với yêu cầu chung của Trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc xây dựng mới một CTĐT, Khoa chưa khảo sát nhu cầu XH của ngành CNTP mang tính định lượng; Chưa đổi chiều CTDH mang tính quốc tế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 – 2023 trở đi, Khoa KHTP&SK sẽ phát huy điểm mạnh cập nhật định kỳ CTDH của Khoa phù hợp với yêu cầu chung của Trường.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ thực hiện khảo sát mang tính định lượng về nhu cầu XH khi xây dựng CTĐT mới; Thực hiện việc đổi chiều CTDH mang tính quốc tế.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Để đảm bảo việc dạy và học đi vào nề nếp, công tác dạy học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, Trường đã sớm ban hành Quyết định số 354/QĐ-ĐHKG

ngày 12/6/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG quy định về công tác giảng dạy nội dung nêu rõ công tác chuyên môn GV phải thực hiện [H10.10.03.01]. Căn cứ vào chỉ đạo của nhà trường, Khoa KHTP&SK và Bộ môn KHTP đã tiến hành triển khai đến các GV của Khoa thực hiện công tác giảng dạy trước tiên phải xây dựng đề cương giảng dạy phù hợp, có sự đánh giá của bộ môn [H10.10.03.02], đồng thời thường xuyên cải tiến phương pháp dạy học được thể hiện thông qua kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy của Khoa và các bảng đăng ký cải tiến phương pháp giảng dạy của GV bộ môn [H10.10.03.03]. Từng học kỳ bộ môn tiến hành dự giờ các GV trong bộ môn đồng thời có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm nhằm thực hiện việc giảng dạy tốt hơn và đánh giá GV [H10.10.03.04].

Năm học 2020 – 2021, Khoa KHTP&SK triển khai giảng dạy môn học theo CDR. Biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình theo CDR, Giảng dạy theo CDR, đây là công tác quan trọng trong việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp của hoạt động dạy và học theo CDR [H10.10.03.05]. Khoa KHTP&SK tiến hành đánh giá GV giảng dạy theo CDR thông qua việc Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn, các GV dự giờ giảng dạy và kiểm tra hồ sơ giảng dạy, giám sát kế hoạch giảng dạy của GV nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy theo CDR [H10.10.03.04].

*Đối với hoạt động học*, việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được quy định rõ trong đề cương từng học phần về hình thức, thời gian, trọng số của từng loại điểm [H10.10.03.01] [H10.10.03.02]. Nhằm hỗ trợ người học tiếp cận và lĩnh hội tốt kiến thức trong quá trình học tập và nghiên cứu, Trường cũng đã ban hành Quy định về công tác CVHT số 476/QĐ-ĐHKG ngày 06/8/2019 [H10.10.03.06], Quyết định giao và nghiệm thu đề tài NCKH của SV Khoa [H10.10.03.07] và Khoa KHTP&SK cũng đã thành lập câu lạc bộ Công nghệ thực phẩm [H10.10.03.08]

Ngoài ra, nhằm thực tiễn hóa kiến thức, công tác giảng dạy đã khai thác triệt để các phòng thực hành thí nghiệm giúp SV sớm tiếp cận kiến thức thực tiễn, đảm bảo hướng đào tạo ngành CNTP của Khoa KHTP&SK mang tính thực hành.

Việc dạy và học được thực hiện có hệ thống và đồng bộ, được công khai trên website của Khoa KHTP&SK, sổ tay SV [H10.10.03.09], việc kiểm tra và thi cũng theo quy trình: Quyết định của Trường về quy định thi và kiểm tra, mỗi học kỳ đều có thông báo cập nhật, bổ sung việc ra đề [H10.10.03.10].

Bên cạnh kiến thức, kỹ năng của người học cũng được chú trọng và hỗ trợ thông qua các lớp kỹ năng của Khoa KHTP&SK thông qua các lớp kỹ năng mềm, các hoạt động học thuật của khoa [H10.10.03.11], [H10.10.03.12].

Hàng năm, Khoa KHTP&SK đã tiến hành đánh giá KQHT để phân tích KQHT của người học theo từng khoá. Từ báo cáo phân tích kết quả sẽ là một trong những cơ sở định lượng để khoa rà soát đánh giá quá trình dạy, học và KQHT của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.13].

## *2. Điểm mạnh*

Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy.

Thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến người học về việc đánh giá KQHT.

Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc đánh giá kết quả học tập của người học thông qua các cơ quan, tổ chức hành nghề thực phẩm nơi SV thực tập đôi khi còn mang tính hình thức, chưa có sự phản hồi thẳng thắn.

## *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh về việc dạy và học có quy định cụ thể, điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy, thường xuyên lấy ý kiến NH về đánh giá KQHT.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ gắn kết với cơ quan, tổ chức lĩnh vực CNTP, đánh giá kết quả công việc, thái độ thực tập của SV thông qua việc phối hợp với cán bộ hướng dẫn trực tiếp SV tại nơi thực tập.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).*

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động NCKH của các GV tham gia giảng dạy CTĐT được Trường chú trọng, theo đó, mỗi GV của Trường tối thiểu mỗi năm phải có một công trình khoa học

được công bố dưới dạng đề tài NCKH, bài báo khoa học, tham luận hội thảo... được quy đổi tối thiểu 120 giờ/năm hoạt động NCKH [H10.10.04.01]. Nhờ vào những chính sách đó của Nhà trường, số lượng sinh viên, giảng viên của Khoa KHTP&SK tham gia nghiên cứu khoa học ngày càng nhiều [H10.10.04.02].

Để sử dụng những kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến phương pháp dạy và học, Khoa KHTP&SK đã đưa ra quy định định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý tiến hành các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi trao đổi học thuật để cập nhật tài liệu giảng dạy [H10.10.04.03], [H10.10.04.04].

Trước mỗi học kỳ các GV tham gia giảng dạy cùng một học phần phải tiến hành họp để thống nhất đề cương, tài liệu giảng dạy [H10.10.04.05]. Hội thảo khoa học cấp Khoa là các hoạt động giới thiệu các kết quả NCKH của GV và SV nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật và áp dụng kết quả nghiên cứu [H10.10.04.06]. Thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, seminar chuyên đề với chuyên gia trong ngoài nước và hội thảo khoa học cấp khoa hàng tháng, hàng quý, hàng năm đã giúp ích rất nhiều cho GV trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy, cập nhật tài liệu giảng dạy và hoàn thiện đề cương, bài giảng [H10.10.04.07]. Các hoạt động KHCN này, SV cũng có cơ hội tham khảo, mở rộng kiến thức ngoài bài giảng, giáo trình và nội dung được học trong thời lượng giới hạn. Tham gia các hoạt động này, SV đã vận dụng các ý tưởng và kết quả đề tài vào khóa luận tốt nghiệp của mình, vận dụng kết quả đề hoàn thiện, khắc phục hạn chế trong quá trình học tập nghiên cứu [H10.10.04.08].

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực quan hệ với DN, khoa KHTP&SK cũng đã hỗ trợ nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn cho đối tác rất nhiều chuyên đề bổ ích, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau. Tuy chưa là đề tài NCKH nhưng CB, GV của khoa đã ứng dụng những kiến thức chuyên môn vào nghiên cứu và ứng dụng thực tế ở DN, hứa hẹn tiềm năng lớn giữa DN và nhà trường trong NCKH và chuyển giao công nghệ [H10.10.04.09].

## 2. Điểm mạnh

Các đề tài NCKH chủ yếu tập trung vào các vấn đề pháp lý mang tính thời sự, gắn liền đời sống xã hội, mang tính thực tiễn cao phù hợp với bối cảnh hội nhập của Việt Nam hiện nay.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo, công trình NCKH của GV còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh NCKH mang tính thực tiễn phù hợp với nhu cầu XH.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH, tích cực viết bài nghiên cứu, có kế hoạch tổ chức thêm nhiều hội thảo cấp trường có quy mô, mời được các chuyên gia quốc tế.

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.**

##### 1. Mô tả hiện trạng

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học tại Trường ĐHKG bao gồm thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hằng năm, Nhà trường có thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của SV đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Nhà trường khảo sát các BLQ (CB, GV, NH) về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học và của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống CNTT, môi trường sức khỏe, an toàn, thư viện [H10.10.05.01].

Phòng KT&ĐBCL tổng hợp, phân tích dữ liệu khảo sát và gửi báo cáo kết quả khảo sát về các đơn vị trong toàn trường [H10.10.05.02]. Đối với thư viện, hằng năm, đơn vị tiến hành khảo sát và đánh giá phản hồi của người sử dụng về chất lượng phục vụ của thư viện [H10.10.05.03].

Kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua Kế hoạch năm học tiếp theo của đơn vị [H10.10.05.04]. Đối với cấp trường, hoạt động cải tiến được xác lập thông qua phương hướng của năm học tại hội nghị viên chức hàng năm và được triển khai thành các kế hoạch hàng tháng [H10.10.05.05].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến của các BLQ và kết quả các cuộc họp tổng kết năm học, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ, như: Hằng

năm, TT-TV đều có các đề nghị đến các khoa rà soát và cập nhật tài liệu theo học phần, từ đó làm căn cứ đề nghị Trường duyệt mua các tài liệu phục vụ cho các CTĐT [H10.10.05.06]. Ngoài ra, để nguồn tài nguyên thông tin ngày càng phong phú, đa dạng, thư viện đã có các hợp đồng, các thỏa thuận liên kết với các nguồn cơ sở dữ liệu bên ngoài [H10.10.05.07].

Nhà trường đã thiết kế xây dựng mới với các trang bị các thiết bị thực hành hiện đại, các thiết bị CNTT và CSVC phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của người học, cụ thể: trong giai đoạn đánh giá các trang thiết bị của thực hành cũng thường xuyên được nhà trường kiểm kê định kỳ một năm một lần, đồng thời những thiết bị hư hỏng hoặc cần bảo trì, bảo dưỡng cũng được đội ngũ Nhà trường sửa chữa và khắc phục [H10.10.05.08].

### *2. Điểm mạnh*

Trường ĐHKG có văn bản quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác; có thực hiện việc giám sát, đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác; có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện và các dịch vụ hỗ trợ khác.

### *3. Điểm tồn tại*

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích chưa được tập hợp theo hệ thống

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh đánh giá dịch vụ hỗ trợ NH, thực hiện cải tiến các dịch vụ hỗ trợ.

Đồng thời, Nhà trường sẽ khắc phục điểm tồn tại, Trường tăng cường cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống, ưu tiên sử dụng CNTT và khảo sát trực tuyến.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống: Để nâng cao chất lượng CTDH, ngoài việc đánh giá việc dạy – học, ứng dụng NCKH, chất lượng các



dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thì việc thu thập thông tin phản hồi từ các đối tượng là SV, GV, nhà tuyển dụng cần phải được chú trọng. Do đó, Trường ĐHKG đã xây dựng cơ chế phản hồi của các bên liên quan theo hệ thống. Theo đó, Trường đã ban hành quyết định quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng KT&ĐBCL trong việc thiết lập cơ chế thu thập phản hồi của các bên liên quan, có Bảng mô tả sơ đồ tổ chức và chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường ĐHKG trong việc thực hiện cơ chế phản hồi này [H10.10.06.01]. Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập và thực hiện có tính hệ thống. Ngoài ra, cơ chế phản hồi này còn được thực hiện thông qua việc xây dựng các quy trình như: Quy trình khảo sát SV về CTĐT; Quy trình cựu SV đánh giá CTĐT; Quy định về GV đánh giá CTĐT; Quy trình SV đánh giá chất lượng DV hỗ trợ; Quy trình SV đánh giá môn học và CTĐT; Quy trình SV tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và thu nhập [H10.10.06.02]. Theo đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan như NH, SV sắp tốt nghiệp, SV tốt nghiệp, Nhà tuyển dụng... được thực hiện theo quy trình một cách nghiêm túc. Quy trình này được mô tả bằng bảng sau:

**Bảng 10.3. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống**

<b>Đối tượng khảo sát</b>	<b>Nội dung khảo sát</b>	<b>Quy trình thu thập</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị phụ trách chính</b>
SV đang học	Khảo sát về môn học	Quy trình SV đánh giá môn học và đánh giá CTDH	3 lần/năm học	Phòng KT&ĐBCL
SV sắp tốt nghiệp	Khảo sát về toàn khóa học		01 lần/ đợt xét tốt nghiệp	Phòng KT&ĐBCL
SV đang học	Khảo sát về về chất lượng dịch vụ hỗ trợ	Quy trình SV đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ	1 lần/năm học	Phòng KT&ĐBCL

SV tốt nghiệp	Khảo sát về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp 1-12 tháng	Quy trình SV tốt nghiệp phản hồi về tình hình việc làm và thu nhập	Theo kế hoạch của Khoa	Các khoa (theo chức năng nhiệm vụ phân công)
Nhà tuyển dụng	Khảo sát về chất lượng SV tốt nghiệp	Quy trình Nhà tuyển dụng đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp		

Theo các quy trình thu thập, hệ thống thông tin được thực hiện qua lược đồ sau:

**Bảng 10.4 Sơ đồ hệ thống thông tin**

Bước	Nội dung và trình tự thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Lập kế hoạch khảo sát	1 tuần	
2	Phê duyệt kế hoạch khảo sát	1 tuần	
3	Tổ chức khảo sát	1 tháng	
4	Tổng hợp dữ liệu, xử lý, thống kê dữ liệu	1 tháng	
5	Duyệt báo cáo kết quả khảo sát	1 tuần	
6	Công bố báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	1 tuần	
7	Lập kế hoạch cải tiến và thực hiện cải tiến	1 tuần	
8	Duyệt báo cáo cải tiến	1 tuần	
9	Phản hồi kết quả hoạt động cải tiến	1 tháng	
10	Lưu trữ các văn bản và CSDL chung về công tác khảo sát		

Qua bảng mô tả, cho thấy: các bên liên quan được thực hiện, cơ chế phản hồi về các thông tin tương ứng như về môn học, về toàn khóa học, về dịch vụ hỗ trợ và tiện

ích, về thu nhập, về chất lượng SV tốt nghiệp có văn bản quy định cụ thể và có tính hệ thống.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được đánh giá: hàng năm, Trường và Khoa KHTP&SK tổ chức khảo sát toàn diện về: môn học, về toàn khóa học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, về tình hình việc làm và thu nhập sau khi ra trường, về chất lượng SV tốt nghiệp. Các kết quả khảo sát luôn được xem xét và đánh giá. Cụ thể, Theo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng các năm của 2021 đơn vị của trường, các đơn vị đã tiến hành báo cáo đánh giá đưa ra các điểm mạnh, tồn tại. Hầu hết các đơn vị đã đáp ứng các mục tiêu đề ra [H10.10.06.03]. Trường đã thực hiện việc đánh giá về GV, quy trình đào tạo, quy trình đảm bảo chất lượng... từ đó, cơ chế khảo sát, phản hồi của các bên liên quan cũng được đánh giá để đảm bảo việc khảo sát được khách quan, toàn diện nhất.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến. Quy định về công tác lấy ý kiến các BLQ của trường được ban hành kèm theo Quyết định số 52/QĐ-ĐHKG ngày 27/2/2020 [H10.10.06.02]. Văn bản này xác định các quy định về mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường.

Trong giai đoạn 2017 – 2021, Quy định này đã được rà soát, đánh giá, cải tiến [H10.10.06.03], và ngày 27/2/2020 Quyết định 52/QĐ-ĐHKG được ban hành về công tác lấy ý kiến từ các BLQ của Trường [H10.10.06.02]. Kết quả tổng hợp qua các đợt khảo sát lấy ý kiến các BLQ được gửi đến cho các khoa, các đơn vị có liên quan để xem xét, làm cơ sở cho kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy, và chất lượng đào tạo.

### *2. Điểm mạnh.*

Có quy định cụ thể về cơ chế phản hồi của các BLQ. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng quy trình.

### *3. Điểm tồn tại*

Hiệu quả trong đánh giá cải tiến chưa cao. Chưa thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi theo định kỳ đồng thời cập nhật chương trình sau phản hồi.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh lấy ý kiến các bên liên quan, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi có hiệu quả.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa có kế hoạch đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống. Bên cạnh đó, Nhà trường cần thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi, đồng thời cần thường xuyên cập nhật điều chỉnh các mẫu phản hồi, hình thức lấy ý kiến để đem lại hiệu quả cao hơn.

5. *Tự đánh giá*: Đạt (5/7).

#### **Kết luận Tiêu chuẩn 10:**

##### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Chương trình đào tạo ngành CNTP luôn được điều chỉnh, cập nhật do được sự phản hồi tích cực từ các bên liên quan trong quá trình đào tạo. Chương trình dạy học được thiết kế và phát triển trên cơ sở mục tiêu đào tạo, CDR một cách rõ ràng. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy trình có giám sát, theo dõi chặt chẽ, đảm bảo khách quan, chính xác. Các ý kiến phản hồi thu được từ các bên liên quan là chưa nhiều, lượng thông tin thu thập còn ít, chưa nghe được những ý kiến đóng góp trực tiếp về CTĐT ngành CNTP Việc cập nhật ý kiến của NH và các bên liên quan để thiết kế CTĐT chưa được thể hiện rõ và thường xuyên.

##### ***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của nâng cao chất lượng của CTĐT ngành CNTP được xác định: Công trình NCKH của Khoa còn hạn chế về số lượng bài báo, các đóng góp ý kiến xây dựng CTDH ở mức độ góp ý. Hiệu quả trong đánh giá cải tiến chưa cao. Chưa thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi theo định kỳ đồng thời cập nhật chương trình sau phản hồi

##### ***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10:***

Có 1/6 tiêu chí đạt điểm 4; 5/6 tiêu chí đạt mức 5. Mức trung bình: 4,83; Số tiêu chí đạt: 6/6; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

#### **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

##### **Mở đầu**

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường ĐHKG. Hằng năm, Khoa KHTP&SK đã tổ chức thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỉ lệ SV thôi học, lượng SV tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu SV.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành CNTP, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường ĐHKG được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện.

Trường và Khoa KHTP&SK đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng

### **Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là năm học có nhiều sự biến động lớn về tỷ lệ thôi học của NH. Chính vì vậy, Khoa KHTP&SK theo dõi tỷ lệ NH đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng CTSV&KNCD và báo cáo sinh hoạt CVHT của các CVHT. Theo đó, đầu mỗi niên khóa, Khoa KHTP&SK phối hợp chặt chẽ với Phòng CTSV&KNCD để theo dõi, giám sát tỷ lệ NH theo học bao gồm số lượng đầu vào của NH, tỷ lệ thôi học của NH [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Tất cả các số liệu trên đều được Phòng CTSV&KNCD quản lý thông qua phần mềm chuyên dụng với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

**Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo**

Khóa học	Số lượng SV		Tỷ lệ % SV hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo	
	Đầu vào	Tốt nghiệp	< 4 năm	4 năm
2016-2020	82	79	94,36%	5,64%

Về kết quả tốt nghiệp cho thấy, năm 2020 là năm đầu tiên Khoa KHTP&SK có SV ngành CNTP tốt nghiệp với tỷ lệ 79/82 SV, tương đương 96,34% SV tốt nghiệp đúng hạn. Các trường hợp còn lại chưa tốt nghiệp có nguyên nhân chủ yếu là do NH chưa hoàn thành được các CDR như: chứng chỉ tin học, Anh văn, các chứng chỉ kỹ năng và một số HP chuyên ngành.

**Bảng 11.2. Tỷ lệ thôi học của NH (5 khoá gần nhất)**

Năm học	Số lượng toàn khóa	Số lượng (%) thôi học của NH trong thời gian học			
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư
2017	115	17( 14,7 %)	3(2,6%)	0	0
2018	82	10 (12,1%)	0	0	0
2019	79	12 (15,1%)	0	0	0
2020	43	4 (9.3%)	1 (2,3)	0	0
2021	45	4 (8,8%)	0	0	0

Qua bảng số liệu trên cũng cho thấy tỉ lệ thôi học của NH ở mức độ thấp và có xu hướng giảm qua các năm, ổn định ở mức 8 - 10%. Trường hợp khóa 2016 và 2017 có số lượng NH thôi học cao hơn các khóa còn lại bởi vì đây là hai khóa đầu tiên Khoa KHTP&SK mở ngành và tiến hành tuyển sinh nên số lượng NH đăng ký vào học nhiều, SV có nhiều nguyện vọng đăng ký vào các trường Đại học khác nên khi nhập học vào Khoa KHTP&SK thì vẫn có thể đăng ký ngành khác và chuyển ngành, chuyển trường. Qua các năm thứ hai đến thứ tư, số lượng SV ổn định là do đã nắm vững kiến thức ngành CNTT.

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng NH thôi học từ khóa 2018 trở đi, Ban chủ nhiệm khoa KHTP&SK đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do giáo vụ Khoa cung cấp. Hoạt động quản lý SV thôi học/SV tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp khoa và cấp trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng sinh viên, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Phòng CTSV&KNCD là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái NH [H11.11.01.04].

Ban chủ nhiệm Khoa sẽ cùng các CVHT đánh giá, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỉ lệ thôi học và hỗ trợ SV tiếp tục quá trình học tập [H11.11.01.05]. Đối với các trường hợp NH có kết quả thuộc diện cảnh báo buộc thôi học, Khoa đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với NH về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho SV các phương pháp cải thiện kết quả học tập,

hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.06].

Hàng năm, Khoa KHTP&SK đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Việc đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của ngành CNTP được thực hiện với các ngành đào tạo khác trong phạm vi nhà Trường [H11.11.01.04]. Kết quả đối sánh giữa các ngành đào tạo trong phạm vi Trường cho thấy: tỉ lệ thôi học của SV ngành CNTP và các ngành trên tương đối xấp xỉ nhau. Riêng tỉ lệ thôi học của SV ngành CNTP có xu hướng giảm đều qua các năm từ 14,7 % (2017) xuống còn 8-10% trong các năm 2020, 2021.

### *2. Điểm mạnh*

Có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

### *3. Điểm tồn tại*

SV tốt nghiệp chưa đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỉ lệ tương đối.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2022 - 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh giám sát tiến độ học tập NH, thống kê tỉ lệ thôi học, đánh giá nguyên nhân và có biện pháp hiệu quả.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ yêu cầu CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

### *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành CNTP được Khoa KHTP&SK tính toán cụ thể. Qua đó, Khoa KHTP&SK tiến hành phân công bộ phận chuyên trách phối hợp với phòng Đào tạo giám sát tốt nghiệp và thiết lập quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Theo quy định của BGD & ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường ĐHKG, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành CNTP được xác lập là 4 năm, thời

gian đào tạo tối đa cho phép là 8 năm áp dụng cho các khóa từ 2020-2021 trở về trước [H11.11.02.02]. Đối với các khóa từ 2022 trở đi, thời gian đào tạo trung bình là 4 năm, thời gian đào tạo tối đa là 8 năm. Tính đến hết năm học 2020 – 2021, chỉ mới có hai khóa tốt nghiệp nên thời gian tốt nghiệp trung bình cũng chính là thời gian tốt nghiệp của SV. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng ĐT và được theo dõi trên hệ thống cơ sở dữ liệu phần mềm ĐT và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

CTDH được phân bổ lộ trình học tập hợp lý nhằm phù hợp với phương pháp đào tạo theo tín chỉ hiện nay của các trường đào tạo ngành CNTP trong và ngoài nước, tăng cường khả năng tự học, tính độc lập, tư duy sáng tạo của SV. Riêng đối với các khóa từ 2018 trở về sau, thời gian tốt nghiệp trung bình rút ngắn [H11.11.02.05].

Khoa KHTP&SK tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Thực tế cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của NH còn kéo dài chủ yếu là do NH chưa hoàn thành yêu cầu các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, chứng chỉ ngoại ngữ. Mặt khác, một số học phần chuyên ngành chỉ được mở định kỳ 1 năm/lần nên NH gặp khó khăn khi đăng ký học cải thiện hoặc trả nợ môn [H11.11.02.06]. Để giải quyết vấn đề trên, Khoa KHTP&SK đã triển khai việc thống kê, rà soát danh sách sinh viên TN và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa SV tốt nghiệp đầu tiên để làm cơ sở cho việc xây dựng dữ liệu báo cáo của Khoa và Nhà trường. Qua đó, phối hợp với các phòng ban để hỗ trợ SV khắc phục việc chậm tiến độ để tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, vai trò của các CVHT cũng rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. CVHT sẽ là cầu nối để thông báo cho SV về thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như đôn đốc SV chủ động hoàn thành các môn kỹ năng và ngoại ngữ cũng như tư vấn, hướng dẫn phương pháp học tập hiệu quả các học phần chuyên ngành giúp SV có thể tốt nghiệp đúng tiến độ, đăng ký học vượt trước tiến độ. Sau khi tư vấn, các trường hợp SV này sẽ được tổng hợp và ghi nhận vào Nhật ký tư vấn hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp và lưu trữ tại Khoa KHTP&SK [H11.11.02.05]. Đối với các trường hợp đặc biệt, SV vì các lý do cá nhân (đi nghĩa vụ quân sự, ốm đau, thai sản, kết hôn...) không thể theo học kịp đúng tiến độ thì SV có thể giãn thời gian học tập nhưng không được vượt quá thời gian tốt nghiệp trung bình tối đa của ngành CNTP.

Khoa KHTP&SK tiến hành đối sánh với các ngành đào tạo trong trường để cân



đổi thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTP Trường ĐHKG [H11.11.02.07]. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTP tương đương các ngành đào tạo khác trong trường.

Khoa KHTP&SK tổ chức tổng kết và đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Kết quả thực tế cho thấy, số lượng NH chậm tiến độ đã có xu hướng giảm. Đội ngũ nhân viên các phòng ban liên quan đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc hỗ trợ NH về các vấn đề học vụ và giải quyết nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NH. Bên cạnh đó, CVHT cũng tác động tích cực đối với NH qua việc động viên, khuyến khích NH trong quá trình học tập nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Ngoài ra, Khoa KHTP&SK tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về CTDH [H11.11.02.08]. Đối với những vấn đề còn hạn chế, Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp như rà soát, điều chỉnh CTDH, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH [H11.11.02.09].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa KHTP&SK định kỳ thực hiện thống kê thời gian tốt nghiệp của người học. Khoa tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và tìm các biện pháp hỗ trợ NH.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc xây dựng thời gian đào tạo trung bình khóa 1 và 2 trước đây được thực hiện chung cho tất cả các ngành đào tạo thuộc khối kỹ thuật nhưng chưa tính toán đến đặc thù đào tạo của ngành CNTP.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh định kỳ thống kê thời gian tốt nghiệp của NH, tìm hiểu nguyên nhân và đề ra biện pháp hỗ trợ người học.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại đề xuất thay đổi thời gian đào tạo từ khóa 2022 trở về sau để đảm bảo NH có đủ thời gian hoàn thành CTĐT và phù hợp với thời gian đào tạo TB đối với kỹ sư ngành CNTP hiện nay.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### *1. Mô tả hiện trạng*

Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện việc khảo sát tình hình SV có việc làm, phản hồi của cựu SV và DN [H11.11.03.01]. Khoa

KHTP&SK luôn quan tâm đến SV có việc làm sau tốt nghiệp. Chính vì vậy, hằng năm Khoa KHTP&SK thực hiện theo kế hoạch của Trường để khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp [H11.11.03.02], Với kết quả nhận được như sau [H11.11.03.03]:

**Bảng 11.3. Hiện trạng việc làm và thời gian có việc sau khi ra trường của SV Khoa KHTP&SK (%)**

Năm học	Hiện trạng việc làm		Thời gian có việc sau khi ra trường		
	Chưa có việc làm	Đã có việc làm	Dưới 3 tháng	Từ 3 đến dưới 6 tháng	Từ 6 tháng trở lên
2017 - 2018	-	-	-	-	-
2018 – 2019	-	-	-	-	-
2019 – 2020	19%	81%	75%	10%	15%
2020 - 2021	9%	91%	-	-	-

Kết quả từ bảng 11.3, cho thấy ngành CNTP của KHTP&SK đến năm 2020-2021 mới 2 khóa tốt nghiệp, nhìn chung các em đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, tỉ lệ trên 80%, các em còn lại chưa có việc làm do đi học tiếp tục hoặc chưa muốn đi làm. Vì thế Khoa KHTP&SK sẽ có biện pháp tăng tỉ lệ sinh viên có việc làm cao hơn.

Về khu vực làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu 11.4:

**Bảng 11.4. Thống kê môi trường làm việc của SV Khoa KHTP&SK tốt nghiệp (%)**

Môi trường làm việc của SV tốt nghiệp	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
DN tư nhân	-	-	43	70
DN có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	6	4
Các cơ quan Nhà nước	-	-	13	10
DN quốc doanh	-	-	-	-
Tự làm chủ	-	-	28	12
Loại hình khác	-	-	10	4

Đa phần SV tốt nghiệp làm việc ở khu vực doanh nghiệp tư nhân là các nhà máy chế biến ngành nghề thủy sản, sản xuất lĩnh vực thực phẩm vì đây đặc thù việc làm của ngành CNTP.

Kết quả này là cơ sở để Khoa KHTP&SK phản ánh một phần về chất lượng đào tạo và là cơ sở để Khoa cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo cho SV để đáp ứng nhu cầu thực tế.

Để nhận định tốt hơn tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Khoa KHTP&SK tiến hành đối sánh báo cáo tình hình việc làm của SV ngành CNTP qua các khóa và đối sánh báo cáo tình hình việc làm của SV ngành CNTP với SV ngành còn lại trong trường. Ngoài ra, khoa còn tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm của ngành CNTP trong trường ĐHKG [H11.11.03.04].

Phòng CTSV&KNCD của Trường, có chức năng hỗ trợ việc làm cho SV toàn trường [H11.11.03.05]. Trường đã xây dựng chuyên trang Hỗ trợ SV trong đó có mục hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp, kỹ năng mềm cho SV [H11.11.03.06]. Khoa KHTP&SK có trang thông tin điện tử fangage của hội cựu sinh viên ngành CNTP, nơi gắn kết giữa SV các khóa với nhau, gắn kết Khoa với SV, thường xuyên đăng các thông tin tuyển dụng để SV nắm thông tin [H11.11.03.09]. Ngoài ra, nhằm tìm hiểu các nguyên nhân cũng như có các biện pháp hỗ trợ SV có việc làm một cách hiệu quả, Khoa KHTP&SK đã nghiên cứu và tổ chức các hội thảo với doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, tạo cơ hội và tăng khả năng có việc làm củ sinh viên trong 1 năm tốt nghiệp [H11.11.03.07]. Hằng năm, Khoa KHTP&SK cũng kết hợp với phòng CTSV&KNCD hỗ trợ giải quyết việc làm cho SV ngành CNTP thông qua các Chương trình ngày hội việc làm [H11.11.03.08].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa KHTP&SK có khảo sát người học tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của người học, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường đại học khác trong và ngoài nước để đối sánh với ngành CNTP của Khoa KHTP&SK gặp khó khăn vì vậy việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh khảo sát người học tốt nghiệp, hỗ trợ việc làm sau tốt nghiệp và thu thập dữ liệu tin cậy.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại về đối sánh, Khoa sẽ tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thời học của các trường đại học khác trong và ngoài nước để đối sánh với ngành CNTP.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

### **Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc đại học là trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho SV hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ người học là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường ĐHKG luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV thông qua việc ban hành quy định cụ thể về hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.01]. Ngoài ra, Khoa KHTP&SK cũng xây dựng Kế hoạch NCKH cụ thể đối với NH [H11.11.04.02].

Đồng thời, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát. Nhiệm vụ này được phân công cho Phòng HT&KHCN và Khoa KHTP&SK [H11.11.04.03] Theo đó, hoạt động NCKH của SV ngành CNTP được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: khóa luận tốt nghiệp, làm đề tài NCKH, bài kỷ yếu hội thảo khoa học... mang lại những ý nghĩa thiết thực cho SV [H11.11.04.04]. Các đề tài NCKH của NH được định hướng từ HĐ KH&ĐT Khoa KHTP&SK và triển khai chi tiết dưới sự hướng dẫn sát sao, tận tình từ phía GV hướng dẫn với nguồn kinh phí do nhà trường hỗ trợ [H11.11.04.05].

Kết quả tổng kết và đánh giá hoạt động NCKH của NH trong 5 năm từ 2017 đến 2021 (bảng 11.5) cho thấy tình hình NCKH của SV ngành CNTP đã có sự gia tăng về số lượng đáng kể. Từ chỗ chưa có đề tài NCKH của SV thì đến nay đã có 30 đề tài NCKH của SV, trong đó có 2 đề tài được đăng ký yếu hội thảo cấp trường của SV trong năm 2017, 01 đề tài được đăng ký yếu hội thảo cấp trường của SV trong năm 2017 và 01 đề tài NCKH cấp trường của SV được công bố trong năm 2020. Phần lớn

các sản phẩm NCKH của SV chủ yếu tập trung vào năm học cuối. Bởi vì, đây là năm học có SV làm các đề tài khóa luận tốt nghiệp. Theo đó, các khóa luận tốt nghiệp có chất lượng tốt sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa KHTP&SK chọn lọc, thẩm định để trở thành các đề tài NCKH cấp khoa. Ngoài ra, khoa KHTP&SK đã tổ chức Hội nghị NCKH của SV trong năm 2019 để công bố chính thức các đề tài NCKH này [H11.11.04.06]. Trên cơ sở kết quả trên, Phòng HT&KH-CN đã đề xuất nhà trường tổ chức khen thưởng 02 SV có thành tích NCKH cấp trường và 02 SV có bài tham luận hội thảo cấp trường trong Hội nghị NCKH của SV [H11.11.04.07].

**Bảng 11.5. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của SV qua các năm**

Loại hình NCKH	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng đề tài NCKH cấp Khoa	11	-	-	6	13
Số lượng bài kỹ yếu hội thảo khoa học	2	-	-	-	-

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa KHTP&SK có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của NH, kể từ tháng 6 năm 2018, Khoa KHTP&SK đã mời các GV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và có bề dày kinh nghiệm về NCKH nhằm chia sẻ kinh nghiệm về NCKH và định hướng đúng đắn về các đề tài NCKH do SV lựa chọn nghiên cứu [H11.11.04.08].

Năm 2020, Khoa KHTP&SK thực hiện việc triển khai theo dõi, giám sát các đề tài NCKH của SV theo quy trình chung của nhà Trường và được quy định rõ trong quy định số 1252/QĐ-ĐHKG ngày 17/12/2020. Khoa KHTP&SK sẽ tiến hành phân công GV chuyên ngành phụ trách hướng dẫn SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp, 1 GV hướng dẫn tối đa 4 khóa luận tốt nghiệp và SV sẽ triển khai thực hiện các đề tài khóa luận tốt nghiệp này theo đúng tiến độ. Trong 12 khóa luận tốt nghiệp này, 02 khóa luận tốt nghiệp có chất lượng nội dung tốt, được GV hướng dẫn đồng ý được gửi đến HĐ KH&ĐT Khoa KHTP&SK để chọn lọc, thẩm định và đề xuất nâng lên thành các đề tài NCKH của SV cấp trường [H11.11.04.09].

Khoa KHTP&SK và Trường đã tiến hành ký kết hợp tác với tạp chí chuyên ngành CNTP nhằm phát triển hoạt động NCKH của SV [H4.04.01.10]. Ngoài ra, Khoa KHTP&SK đã tổ chức nhiều hội thảo với sự tham gia đông đảo của SV ngành CNTP

có các bài viết NCKH nhằm góp phần quảng bá hoạt động NCKH của Khoa, Nhà trường, tạo động lực, truyền cảm hứng cho SV tham gia viết bài cho hội thảo nói riêng và các hoạt động NCKH nói chung [H11.11.04.11].

Khoa KHTP&SK có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau. Bên cạnh đó, thông qua việc đối sánh với các trường đào tạo CNTP trong và ngoài nước, Khoa KHTP&SK sẽ cân đối và điều chỉnh hoạt động NCKH của SV cho phù hợp với xu thế phát triển chung của các trường đại học lớn cũng như của ngành CNTP hiện nay [H11.11.04.12]. Nội dung đối sánh chi tiết tại bảng 11.6.

**Bảng 11.6. Bảng đối sánh hoạt động NCKH của SV Trường ĐHKG với các cơ sở đào tạo CNTP khác**

<b>Loại đề tài NCKH</b>	<b>Trường ĐHKG</b>	<b>Trường ĐH CNTP TPHCM</b>	<b>Trường ĐH Cần Thơ</b>
Cấp trường	-	-	-
Cấp khoa	30	62	16
Cấp bộ	-	-	-

Kết quả đối sánh với các cơ sở đào tạo CNTP khác cho thấy, hoạt động NCKH của Trường ĐHKG đã có sự cải thiện đáng kể về số lượng đề tài NCKH, nhất là kể từ năm học 2020 và 2021 trở về sau. Tuy nhiên, số lượng các đề tài NCKH của SV chưa nhiều và chủ yếu là các đề tài NCKH cấp khoa.

Nhằm nâng cao chất lượng NCKH của NH, Khoa KHTP&SK đã đề xuất các giải pháp NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH. Thông qua GV hướng dẫn hoặc Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa KHTP&SK giúp SV đưa ra những danh mục đề tài gợi ý cho SV và định hướng nghiên cứu thiết thực dựa trên cơ sở năng lực của NH. Ngoài ra, Khoa KHTP&SK còn cho khuyến khích SV có những ý tưởng NCKH mới mẻ thông qua việc SV phát hiện ra những vấn đề pháp lý nảy sinh trên thực tế thu hút sự quan tâm của xã hội bên cạnh các danh mục đề tài do Khoa KHTP&SK và GV cung cấp [H.11.11.04.13].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch hoạt động NCKH của SV, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình làm đề tài.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng SV thực hiện hoạt động NCKH chưa nhiều và chưa phát huy hết tiềm năng về NCKH của SV.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh hỗ trợ tư vấn, khuyến khích SV tham gia NCKH.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại SV tham gia NCKH chưa nhiều, Khoa KHTP&SK tiếp tục xây dựng kế hoạch hành động như sau: i) Đa dạng hóa các hình thức NCKH cho SV và đa dạng hóa các lĩnh vực, đề tài nghiên cứu mà trọng tâm là các nội dung thuộc ngành CNTP; ii) GV bộ môn gợi ý các đề tài NCKH và hướng dẫn SV thực hiện; iii) Hợp tác với các Tạp chí chuyên ngành CNTP giúp đăng bài NCKH cho SV.

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

**Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKG đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ. Hằng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Trường gồm các loại khảo sát sau [H11.11.05.01]: (i) Khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) Khảo sát ý kiến NH năm cuối về khóa học; (iii) Khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp về việc làm; (iv) Khảo sát ý kiến GV và NH về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ; (v) Khảo sát ý kiến NTD về CTĐT; (vi) Khảo sát ý kiến NTD về chất lượng CSVC của Trường.

Quy trình lấy ý kiến, hình thức, công cụ lấy ý kiến đều được xác định rõ trong Quy định về công tác lấy ý kiến các BLQ của Trường [H11.11.05.02]. Kết quả của các loại khảo sát trên, sau khi được P.ĐBCL xử lý bằng phần mềm chuyên dụng, được tổng

hợp, đối sánh giữa các CTĐT hoặc các đơn vị trong Trường sẽ được gửi đến các đơn vị liên quan trong Trường, các đơn vị phân tích dữ liệu và làm báo cáo việc sử dụng kết quả khảo sát cho việc cải tiến như thế nào tại đơn vị để nâng cao chất lượng của đơn vị [H11.11.05.03], [H11.11.05.04].

Sau khi tiếp nhận kết quả ý kiến phản hồi từ các BLQ. Khoa KHTP&SK và các đơn vị trong trường tiến hành nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng, như sau:

Lãnh đạo và GV của Khoa KHTP&SK được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ người học. Hàng tháng tại các cuộc họp Khoa và các cuộc họp bộ môn, nhóm chuyên môn, GV Khoa KHTP&SK luôn được ủng hộ đóng góp ý kiến nhằm mục tiêu cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ tốt hơn đối với người học [H11.11.05.05].

Đánh giá mức độ hài lòng từ phía NH đối với GV là việc làm thường xuyên của Trường. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL triển khai lấy phiếu đánh giá từ phía NH. Kết quả khảo sát sẽ được Phòng KT&ĐBCL tổng hợp báo cáo tới BGH, sau đó thông báo đến lãnh đạo đơn vị để nắm thông tin và chuyển đến từng GV. Thông tin phản hồi từ NH sau mỗi kỳ rất hữu ích cho mục đích cải thiện việc giảng dạy hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng NH [H11.11.05.06].

Đối với kết quả khảo sát của GV và NH về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua các kết quả cải tiến hàng năm về hệ thống, hạ tầng và dịch vụ công nghệ thông tin của trường [H11.11.05.07]. Đối với cấp trường, hoạt động cải tiến được xác lập thông qua phương hướng của năm học tại hội nghị viên chức hàng năm và được triển khai thành các kế hoạch hàng tháng [H11.11.05.08].

Với kết quả khảo sát của NH tốt nghiệp và NTD giúp Trường/Khoa tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc; Kết quả khảo sát này cho Trường một thông tin tổng thể về nguồn nhân lực mà Trường đã đào tạo cho xã hội [H11.11.05.09].



Trong quá trình cải tiến chất lượng CTĐT, Khoa KHTP&SK đã căn cứ vào kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng [H11.11.05.10]. Dựa trên kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của các bên có liên quan, Khoa KHTP&SK đã có những lần điều chỉnh lớn về CTĐT vào năm 2019 và năm 2020. Cụ thể, năm 2019, CTĐT được điều chỉnh theo chuẩn CĐR trong đó, một số HP được thiết kế tích hợp với nhau thành module môn học nhằm giúp SV đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đến năm 2020, CTĐT tiếp tục được điều chỉnh lần hai theo hướng tăng thời lượng các HP lý thuyết trong đó có lồng ghép nội dung thực hành hoặc thiết kế thêm một số HP thực hành nhằm nâng cao kỹ năng nghề cho SV, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNTT hiện nay. Đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Khoa KHTP&SK phối hợp với các phòng ban trong phạm vi Trường để lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan, đặc biệt là GV, NH như: cải thiện về cơ sở vật chất, tích cực hỗ trợ SV trong hoạt động đào tạo, giải quyết vấn đề học vụ.

## *2. Điểm mạnh*

Người học, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động và GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành CNTT của Trường có sự hài lòng cao đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực *ng nghiệp vụ của NH và các vấn đề liên quan đến CTĐT.*

## *3. Điểm tồn tại*

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được phân tích, đối sánh một cách hệ thống. Việc thực hiện cải tiến chất lượng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của các BLQ chưa được giám sát, thực hiện đồng bộ.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm 2022-2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh giảng dạy của GV ngành CNTT, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại đối sánh về mức độ hài lòng của các BLQ, hoạt động phân tích, giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ cần được thực hiện hệ thống với các quy định cụ thể. Giám sát một cách hệ thống, bài bản việc cải tiến chất lượng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

## *5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

### **Kết luận Tiêu chuẩn 11:**

#### ***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Nhìn chung, tỉ lệ NH tốt nghiệp của ngành CNTP tương đối cao, thời gian hoàn thành CTĐT phù hợp. Người học đảm bảo được kiến thức, kỹ năng và có năng lực tham gia vào công việc sau tốt nghiệp. Tỉ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao. Người học có cơ hội tham gia NCKH, tích lũy kinh nghiệm cho công tác sau này. Hầu hết, GV, SV đánh giá hài lòng về CTĐT.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Một số hạn chế của kết quả đầu ra của CTĐT ngành CNTP được xác định:

SV tốt nghiệp chưa đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỉ lệ tương đối. Việc xây dựng thời gian đào tạo trung bình khóa 1 và 2 trước đây được thực hiện chung cho tất cả các ngành đào tạo thuộc khối kỹ thuật nhưng chưa tính toán đến đặc thù đào tạo của ngành CNTP. SV thực hiện hoạt động NCKH chưa nhiều và chưa phát huy hết tiềm năng về NCKH của SV. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được phân tích, đối sánh một cách hệ thống. Việc thực hiện cải tiến chất lượng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của các BLQ chưa được giám sát, thực hiện đồng bộ. việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11:***

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

### **Phần III. KẾT LUẬN**

Việc triển khai công tác tự đánh giá đơn vị đào tạo có ý nghĩa quan trọng. Đây là dịp để Khoa KHTP&SK tự đánh giá chất lượng các hoạt động của đơn vị. Qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của Khoa. Từ việc tự đánh giá đối chiếu với các tiêu chuẩn, Khoa KHTP&SK đã đề xuất những giải pháp khắc phục những tồn tại, cải tiến chất lượng trong quá trình hoạt động của mình. Cụ thể là:

#### **1. Những điểm mạnh của Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục.**

##### ***Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT ngành CNTP được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố, phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT của ngành CNTP phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa KHTP&SK và được thiết kế trên cơ sở kết quả khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để phù hợp với tình hình xã hội hiện tại.

CĐR của CTĐT ngành CNTP được xác định rõ ràng, cụ thể về các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của SV sau khi hoàn thành CTĐT, phù hợp với yêu cầu nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, những yêu cầu về ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng mềm của điều kiện tốt nghiệp được quy định phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

CĐR của CTĐT ngành CNTP tế được công bố công khai thông qua website để thuận tiện cho việc tiếp cận thông tin. Trên cơ sở đó, CĐR được định kỳ rà soát, kịp thời điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm mục tiêu đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành CNTP hiện nay.

##### ***Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo***

Bản mô tả CTĐT ngành CNTP thể hiện được các thông tin quan trọng của CTĐT và được cập nhật hằng năm.

Đề cương các HP của CTĐT ngành CNTP thể hiện đầy đủ các thông tin sau khi rà soát và cập nhật hàng năm, bổ sung thêm nội dung mới như Rubrics đánh giá môn học.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP được công bố công khai nên các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông qua nhiều cách thức khác nhau như website Khoa KHTP&SK, tờ rơi tuyển sinh, nội dung trao đổi trong buổi gặp mặt SV đầu năm học.

### ***Tiêu chuẩn 3 : Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

CTDH ngành CNTP được thiết kế và xây dựng với sự phân bổ các khối kiến thức hợp lý nhằm đáp ứng các CĐR.

Mức độ đóng góp của các HP đóng góp đối với CĐR được thể hiện rõ ràng và đánh giá được thông qua hoạt động kiểm tra, đánh giá NH.

Cấu trúc CTDH ngành CNTP được thiết kế cân đối giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, tỉ lệ các môn bắt buộc và môn tự chọn. CTDH được thiết kế và điều chỉnh trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNTP trong giai đoạn hiện nay.

CTDH cũng được rà soát định kỳ để hoàn thiện hơn và được xây dựng theo định hướng ứng dụng thực hành để đào tạo NH có kiến thức chuyên môn về thực phẩm vững chắc và thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong lĩnh vực thực phẩm.

### ***Tiêu chuẩn 4 : Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Triết lý giáo dục của Nhà trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, SV của trường ĐHKG, được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức.

GV của Khoa lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp để đạt được CĐR của HP.

CTDH chính thức và ngoại khóa có nhiều hoạt động đa dạng giúp SV phát triển toàn diện, hình thành các kỹ năng phù hợp cho khả năng học tập suốt đời.

### ***Tiêu chuẩn 5 : Đánh giá kết quả học tập của người học***

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Đối với các HP thực tập tại cơ sở có thêm sự phối hợp đánh giá NH từ các cơ quan, tổ chức lĩnh vực thực phẩm

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành CNTP của Khoa KHHTP&SK rất rõ ràng, công khai, minh bạch và được thông báo công khai, rộng rãi tới người học thông qua Website, Sổ tay SV, ĐCCT ngay từ đầu học kỳ thứ nhất và được nhắc nhở trực tiếp tại lớp vào buổi học đầu tiên và cuối cùng của môn học. Những yêu cầu của việc thi kết thúc HP được nhắc lại vào buổi cuối trước khi kết thúc HP.

GV thực hiện chấm kiểm tra đánh giá giữa kỳ, khóa luận theo rubrics được xây dựng trong ĐCCT HP gồm rubrics đánh giá học phần, rubrics thuyết trình, rubrics kiểm tra giữa kỳ, rubrics kiểm tra cuối kỳ.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập với các hình thức khác nhau đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, đúng quy trình bảo mật, phù hợp với CDR môn học, thang điểm chi tiết, rõ ràng, đảm bảo công bằng và chính xác.

GV công bố điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần, điểm tiểu luận trước khi kết thúc môn học.

Trường có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH và công bố công khai, kịp thời tới GV và SV khi SV bắt đầu học kỳ đầu tiên. Kết quả đánh giá SV được GV, CVHT phản hồi kịp thời để SV điều chỉnh tiến độ học tập phù hợp, từ đó cải thiện việc học tập.

NH dễ dàng tiếp cận và gửi thông tin yêu cầu giải quyết về kết quả học tập đến phòng ban có thẩm quyền giải quyết.

#### ***Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Trường và Khoa KHTP&SK đã xây dựng hệ thống văn bản quy định rõ ràng về công tác quy hoạch đội ngũ GV. Quy trình tuyển dụng, xét tuyển được quy định đầy đủ trong kế hoạch của Trường và Khoa.

Chính sách tuyển dụng của Khoa và Trường thu hút được đội ngũ GV có thực tiễn, bao gồm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và sản xuất thực phẩm từ các cơ quan và doanh nghiệp thực phẩm

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỉ lệ NH/GV đạt chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Khối lượng công việc của từng GV ngành CNTP được xác định rõ ràng, phân bổ phù hợp và được giám sát bởi các Bộ môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong Trường góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

Quy trình và tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng. GV và người quản lý được lựa chọn đáp ứng được các điều kiện về chuyên môn, trình độ và khả năng quản lý.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai.

Tiêu chí và hoạt động tổ chức đánh giá năng lực của GV được xác định rõ ràng. Việc đánh giá được thực hiện bởi chính cá nhân GV cũng như đánh giá từ phía Trường, Khoa, các bộ môn và người học theo đúng quy định.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng thông qua kế hoạch hàng năm.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được triển khai đa dạng, đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn của GV.

Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV hiệu quả.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa KHTP&SK được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

### ***Tiêu chuẩn 7 : Đội ngũ nhân viên***

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban.

Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên.

Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi.

Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

Trường ĐHKG đã công khai quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá thường xuyên năng lực, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ NV.

Hoạt động đánh giá năng lực NVHT của khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Trường ĐHKG có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Nhà trường đầu tư và quan tâm.

Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, NV của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

Các quy định của Trường ĐHKG về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động.

NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Nhà trường.

#### ***Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Đề án và kế hoạch tuyển sinh ngành CNTP được xác định rõ ràng, cập nhật đầy đủ và công khai rộng rãi trên các phương tiện đại chúng.

Đội ngũ tuyển sinh được kết hợp với GV nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp về ngành CNTP cho học sinh THPT.

Hình thức tuyển sinh đa dạng nâng cao khả năng tiếp cận tới người học.

Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT.

Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thể mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường ĐHKG.

Trường ĐHKG áp dụng hài hoà việc hướng dẫn, tư vấn định hướng cho SV, hỗ trợ tích cực việc học tập của SV, đồng thời có hệ thống giám sát, quy trình giám sát và hệ thống cảnh báo học vụ để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của NH theo từng học kỳ, từ đó có hướng giải quyết kịp thời, hiệu quả.

Hệ thống CVHT kết nối hiệu quả giữa Trường/Khoa và người học, theo dõi thường xuyên kết quả học tập và tư vấn hỗ trợ NH học tập, rèn luyện tốt hơn.

Khoa KHTP&SK đã có nhiều biện pháp cụ thể hỗ trợ tích cực việc học tập cho người học như tổ chức kiến tập cho SV năm thứ nhất, ký kết hợp tác với các tổ chức, cơ quan doanh nghiệp thực phẩm tạo điều kiện thực tập và cơ hội việc làm cho SV năm cuối.

SV được học tập và phát triển toàn diện trong môi trường sư phạm tích cực, ứng xử văn minh giữa GV và người học.

***Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV và SV được đảm bảo thông qua hệ thống phòng học đầy đủ về số lượng và chất lượng cơ sở vật chất luôn ổn định, cũng như nhờ vào việc thiết lập bộ phận chức năng làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, sửa chữa phòng học, phòng làm việc, hội trường...

Phần mềm ĐT được sử dụng đã đáp ứng tốt việc bố trí, sắp xếp phòng học cho GV và SV cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu.

Nguồn tài liệu đa dạng và đáp ứng được nhu cầu của CTDH. Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện nhờ đó giúp bạn đọc khai thác tối ưu các nguồn tài liệu.

Phòng thực hành ngành CNTP được trang bị đầy đủ những thiết bị phù hợp đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của GV, SV.

Hệ thống CNTT của nhà trường đảm bảo được việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV-SV. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin nội bộ của Khoa như website, fanpage facebook, Zalo, Google-Meet được triển khai rộng khắp và sử dụng hiệu quả.

Thông qua hoạt động của các phòng ban như Phòng Y Tế, Phòng CTSV, Đội bảo vệ, Đội PCCC, Trường đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho NV-GV và SV, trong đó có lưu ý đến các đối tượng người khuyết tật.

***Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng***

Hiện nay, Trường ĐHKG đã vận hành hiệu quả hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, kết quả đã áp dụng tích cực cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Riêng Khoa KHTP&SK đã xây dựng website, fanpage để khảo sát ý kiến của người học, người giảng dạy... về CTDH.

Trường ĐHKG đã ban hành các quy trình hướng dẫn xây dựng, thiết kế CTDH. Các quy định, quy trình rõ ràng, cụ thể, nên việc thiết kế, xây dựng, cải tiến chương trình được thuận lợi, có kết nối với yêu cầu CDR. Trên cơ sở đó, Khoa KHTP&SK có thể thiết lập, định kỳ rà soát và cải tiến CTDH của Khoa phù hợp với yêu cầu chung của Nhà trường.

Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học cũng như đánh giá kết quả học tập của người học có phương pháp và tổ chức chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời. Từ đó có thể nhanh chóng khắc phục, kịp thời rà soát và điều chỉnh việc dạy, học theo đúng yêu cầu.



Việc đánh giá kết quả học tập của người học thông qua việc đánh giá của cơ quan, tổ chức doanh nghiệp thực phẩm nơi SV thực tập giúp hoàn thiện năng lực người học sát với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

Các đề tài NCKH chủ yếu tập trung vào các vấn đề pháp lý mang tính thời sự, gắn liền đời sống xã hội, mang tính thực tiễn cao phù hợp với bối cảnh hội nhập của VN hiện nay.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được Trường ĐHKG thực hiện thường xuyên đối với NH thông qua nhiều hình thức khảo sát. Kết quả khảo sát là cơ sở để Trường và các đơn vị cải tiến trong giai đoạn đào tạo tiếp theo.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi đã được cụ thể hóa thành quy trình, ràng buộc trách nhiệm của các đơn vị chịu trách nhiệm tiến hành thu thập thông tin phản hồi. Việc thu thập phản hồi được thực hiện theo định kỳ có hệ thống, kết quả phản hồi được ghi nhận, đánh giá và cải tiến theo đúng quy trình. Có sự hợp tác, gắn kết giữa Khoa, Phòng KT&ĐBCL, với SV và các đơn vị. Thông tin phản hồi luôn được lưu trữ có hệ thống, đánh giá cẩn thận, làm cơ sở để hoạch định công tác cải tiến cơ chế phản hồi, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

#### ***Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra***

Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ theo CTDH ở mức độ tương đối, số lượng NH thôi học thấp. Các hoạt động nhằm giảm thiểu tỉ lệ SV tốt nghiệp trễ tiến độ và giảm tỉ lệ thôi học được quan tâm đúng mức và kịp thời xử lý.

Thời gian tốt nghiệp đúng hạn không có sự chênh lệch đáng kể với thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập cho SV ngành CNTP.

90% SV tốt nghiệp của ngành CNTP khóa 2026 có việc làm sau 12 tháng và đa số được làm đúng chuyên môn đào tạo.

Đề tài NCKH của SV ngành CNTP được thực hiện nghiêm túc và có giá trị ứng dụng thực tiễn. Ngoài ra, nhà trường luôn luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho SV phát triển các hoạt động NCKH.

Ban chủ nhiệm Khoa KHTP&SK quan tâm đến công tác ghi nhận ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng và ý kiến khảo sát của SV sau khi tốt nghiệp về phương pháp giảng dạy của người dạy, CTĐT, hoạt động NCKH. Sự hài lòng của các bên liên quan gồm người học, nhà tuyển dụng chiếm tỉ lệ cao. Đây là cơ sở tin cậy cho các cải tiến chất lượng đối với hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất.

## **2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục**

### ***Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT ngành CNTP được xác định: việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường, của Trường ĐHKG mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học. Sự gắn kết giữa Khoa KHTP&SK với nhà tuyển dụng để nắm bắt nhu cầu từ phía nhà tuyển dụng còn hạn chế.

### ***Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo***

Một số hạn chế của bản mô tả CTĐT ngành CNTP được xác định: việc khảo sát các bên liên quan chưa được rộng rãi và đa dạng, trong xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết các học phần thì các ý kiến đóng góp của cựu NH còn hạn chế. Đồng thời, việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT ngành CNTP chưa đa dạng đối tượng.

### ***Tiêu chuẩn 3 : Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Một số hạn chế của CTDH ngành CNTP được xác định: hoạt động ghi nhận sự phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ. Mức độ đạt được các CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của NH chưa được đánh giá chi tiết, số lượng các nhà sử dụng lao động được khảo sát còn ít, việc tiếp thu ý kiến của các BLQ chưa nhiều. Có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

### ***Tiêu chuẩn 4 : Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Một số hạn chế của phương pháp tiếp cận trong dạy-học của CTĐT ngành CNTP được xác định: sinh viên chưa chủ động học tập trong đối với các học phần dạy theo trực tuyến, các học phần áp dụng thi kết thúc học phần bằng hình thức vấn đáp còn hạn chế và GV, người lao động cần nhiều thời gian hơn để chuyển tải TLGD của nhà trường đến các bên liên quan.

### ***Tiêu chuẩn 5 : Đánh giá kết quả học tập của người học***

Một số hạn chế của đánh giá KQHT người học của CTĐT ngành CNTP được xác định: ma trận đề thi để đánh giá năng lực đạt được của SV mới được thực hiện từ năm học 2020.-2021, trọng số đánh giá của các rubrics trong ĐCCT HP được thiết kế theo một tỉ lệ chung là 50% và 50% đối với tất cả các học phần của CTĐT chưa có sự phân biệt giữa các

HP có hoặc không có thời gian thực hành; Hoạt động phân tích, đánh giá đề thi chỉ giới hạn ở một số môn học. Đề thi kết thúc HP thường được tổ chức dưới dạng đề thi trắc nghiệm mà ít sử dụng hình thức vấn đáp để đánh giá cuối HP.

***Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Kế hoạch phát triển Khoa chưa thể hiện rõ việc quy hoạch đội ngũ GV hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đo lường các nhiệm vụ PVCĐ chưa có những tiêu chí cụ thể.

Các thông báo tuyển dụng chưa quy định đầy đủ các yêu cầu của mốc chuẩn theo quy định, do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo thường gặp khó khăn. Việc đánh giá GV cuối năm còn thực hiện thủ công.

Khoa chưa có các kế hoạch dài hạn về nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, chọn lựa tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích CDR cho đội ngũ GV, chưa đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo. Việc quản trị công việc của CB, GV, NV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

Đánh giá việc thực hiện giờ NCKH của mỗi GV so với định mức hằng năm (5 năm); việc tham gia vào hoạt động NCKH của GV chưa đồng đều trong toàn bộ GV của Khoa, chỉ tập trung vào một số rất ít GV.

Công bố khoa học quốc tế còn khiêm tốn; chưa thực hiện ĐT cấp Bộ/Tỉnh; ĐT cấp Trường hạn chế.

***Tiêu chuẩn 7 : Đội ngũ nhân viên***

Một số hạn chế của đội ngũ nhân viên của CTĐT ngành CNTT được xác định: Trường ĐHKG có chính sách phát triển đội ngũ nhân viên nhưng chưa phù hợp để đảm bảo ổn định, tiêu chí tuyển dụng chưa sử dụng hiệu quả các ý kiến các bên liên quan. Năng lực ngoại ngữ, tin học của đội ngũ nhân viên chưa cao.

***Tiêu chuẩn 8 : Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Một số hạn chế của chất lượng người học, hoạt động hỗ trợ người học của CTĐT ngành CNTT được xác định: Khoa KHTP&SK mới tuyển sinh một ngành đào tạo CNTT nên chưa thu hút thí sinh trong xu thế đào tạo đa ngành, công tác tuyển sinh nhiều hình thức nhưng tổ hợp xét tuyển còn ít, NH tham gia các học phần trên lớp chưa được Khoa có cơ chế giám sát hiệu quả, các hoạt động tư vấn tâm lý cho sinh viên chủ yếu giao cho CVHT.

***Tiêu chuẩn 9 : Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Một số hạn chế của CSVC, trang thiết bị của CTĐT ngành CNTT được xác định:

các trang thiết bị cho lớp học thông minh chưa đủ, nguồn tài liệu trong nước phong phú nhưng nguồn tài liệu nước ngoài còn hạn chế, hệ thống phần mềm nội bộ chưa được GV khai thác hết.

***Tiêu chuẩn 10 : Nâng cao chất lượng***

Một số hạn chế của nâng cao chất lượng của CTĐT ngành CNTP được xác định: Công trình NCKH của Khoa còn hạn chế về số lượng bài báo, các đóng góp ý kiến xây dựng CTDH ở mức độ góp ý. Hiệu quả trong đánh giá cải tiến chưa cao. Chưa thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi theo định kỳ đồng thời cập nhật chương trình sau phản hồi.

***Tiêu chuẩn 11 : Kết quả đầu ra***

Một số hạn chế của kết quả đầu ra của CTĐT ngành CNTP được xác định: SV tốt nghiệp chưa đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỉ lệ tương đối. Việc xây dựng thời gian đào tạo trung bình khóa 1 và 2 trước đây được thực hiện chung cho tất cả các ngành đào tạo thuộc khối kỹ thuật nhưng chưa tính toán đến đặc thù đào tạo của ngành CNTP. SV thực hiện hoạt động NCKH chưa nhiều và chưa phát huy hết tiềm năng về NCKH của SV. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được phân tích, đối sánh một cách hệ thống. Việc thực hiện cải tiến chất lượng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của các BLQ chưa được giám sát, thực hiện đồng bộ. việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học.

**3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.**

***Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Từ năm học 2022 – 2023, Trường và Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh của mục tiêu và CDR CTĐT CNTP. Đồng thời, Khoa khắc phục điểm tồn tại, Khoa KHTP&SK phối hợp phòng KT&ĐBCL tiến hành khảo sát, và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT, về CDR của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn. Bên cạnh đó, tăng số lượng đối tượng được khảo sát, tiến hành thu thập ý kiến các BLQ bằng nhiều hình thức hợp lý hơn để cập nhật CDR cho phù hợp hơn.. Đa dạng các hình thức công bố CDR trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa. Rà soát để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương pháp giảng dạy và cách thức đánh giá phù hợp với CDR của CTĐT.

***Tiêu chuẩn 2 : Bản mô tả chương trình đào tạo***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh của bản mô tả CTĐT CNTP. Đồng thời, Khoa KHTP&SK khắc phục điểm tồn tại là khi điều chỉnh

CTĐT cần xác định số lượng đối tượng lấy ý kiến của các BLQ bảo đảm thông tin thu thập đủ độ tin cậy, cập nhật thông tin vào các phiếu khảo sát và xây dựng thêm các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến đóng góp từ các cựu NH về ĐCCT để việc cập nhật ĐCCT ngày càng hoàn chỉnh hơn; tìm kiếm các kênh để công khai bản mô tả CTĐT, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

***Tiêu chuẩn 3 : Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh của cấu trúc và nội dung CTDH ngành CNTP. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại bằng việc xây dựng kế hoạch và triển khai điều chỉnh CTDH tiếp theo, xây dựng bản mô tả CTDH độc lập, chi tiết và ngắn gọn để tiến hành lấy ý kiến của các BLQ; thiết kế các Rubrics đánh giá CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm theo các tiêu chí cụ thể và chi tiết; mở rộng và đa dạng góp ý các BLQ, đặc biệt là lấy ý kiến của các doanh nghiệp. Đồng thời Khoa/ Bộ môn cũng nâng cao chất lượng công tác đối sánh, sử dụng kết quả.

***Tiêu chuẩn 4 : Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành CNTP. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại thông qua triển khai việc biên tập và xây dựng Tài liệu giảng dạy thực hành để hỗ trợ SV trong quá trình học tập; đa dạng hình thức thi; tăng cường phooc biên TLGD đến các BLQ.

***Tiêu chuẩn 5 : Đánh giá kết quả học tập của người học***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh đánh giá kết quả học tập của người học của ngành CNTP. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại qua việc triển khai bộ môn thực hiện rà soát ĐCCT HP theo hướng đa dạng hoá hình thức và trọng số KTĐG; phân tích, đánh giá đề thi các HP chuyên ngành; xây dựng ma trận đề thi đối với tất cả các HP nhằm đánh giá năng lực đạt được của SV một cách khách quan. Khoa thường xuyên liên hệ với phụ huynh SV gửi KQHT kịp thời; kiến nghị nhà trường bổ sung thêm các quy định thi, KTĐG.

***Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của ngành cntp. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, thực hiện xây dựng đồng bộ kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về phát triển đội ngũ GV của Khoa và có kế hoạch nhằm khuyến khích đội ngũ GV tham gia các

hoạt động phục vụ cộng đồng đáp ứng CTĐT, quản trị công việc của GV về PVCĐ, kế hoạch PVCĐ rõ ràng; xây dựng tiêu chí đánh giá GV có tính định lượng, ứng dụng CNTT trong đánh giá GV; đổi mới hình thức tuyển dụng nhằm tăng số lượng người ứng tuyển; nâng cao năng lực thiết kế đề cương học phần, lựa chọn phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá tương thích chuẩn đầu ra của GV.

Khoa KHTP&SK xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác hợp tác để đồng thực hiện các nhóm đề tài nghiên cứu các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu. Khoa có kế hoạch lan tỏa hoạt động NCKH hơn nữa tới toàn thể GV của Khoa bằng nhiều hình thức. Xây dựng kế hoạch tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy và có chế tài bắt buộc mạnh hơn nữa để GV của Khoa tích cực NCKH, tham gia các đề tài, dự án của các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước.

#### ***Tiêu chuẩn 7 : Đội ngũ nhân viên***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh đội ngũ nhân viên của ngành CNTP. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa sẽ phối hợp với Phòng KT&ĐBCL khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nhằm thu hút, tuyển dụng nhân sự trình độ cao. Trường thực hiện rà soát định kỳ việc quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ.

Nhà Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác cán bộ được điều chỉnh nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Cần công khai những quy định về đào tạo đối với cán bộ nằm trong quy hoạch để những cán bộ còn lại có hướng tiếp cận và đào tạo bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm. (3) Phòng TC-NS tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan rộng rãi hơn và phân tích kết quả lấy ý kiến để tham mưu các tiêu chí tuyển dụng hiệu quả hơn.

Nhà Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV và có chính sách khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực; có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn; Nhà Trường yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

#### ***Tiêu chuẩn 8 : Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh người học và hoạt động hỗ trợ người học của ngành CNTT. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa dự kiến mở thêm một ngành đào tạo mới để thu hút thí sinh và tăng hiệu quả tuyển sinh; Khoa bổ sung thêm phương thức tuyển sinh, phù hợp nhu cầu đào tạo ngành CNTT; Khoa sẽ chủ động liên hệ với P.ĐT để hỗ trợ việc đăng ký học phần của người học. CVHT sẽ lên kế hoạch theo dõi người học, khảo sát lấy ý kiến người học về tiến độ và chất lượng giảng dạy để có thể điều chỉnh phù hợp hơn, người học học tập hiệu quả hơn; Khoa KHTP&SK sẽ thành lập Hội Cựu SV khoa KHTP&SK. để tăng cường kết nối với SV sau khi tốt nghiệp, từ đó tăng hiệu quả hỗ trợ việc làm cho SV, tăng tỉ lệ SV tham gia khảo sát ý kiến phục vụ tốt hỗ trợ sinh viên hơn nữa; Khoa thành lập bộ phận tư vấn tâm lý cho SV do CVHT các lớp phụ trách.

### ***Tiêu chuẩn 9 : Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh CSVC và trang thiết bị của ngành CNTT. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, Khoa kiến nghị nhà trường mua trang thiết bị, thiết kế bố trí, sắp xếp lại các phòng học và trang thiết bị cho phù hợp với nhiều mô hình học tập như học nhóm, thảo luận nhóm linh động, lớp học thông minh; Khoa đề nghị mua thêm giáo trình, tài liệu tham khảo ngoài nước nhằm đảm bảo việc cập nhật tài liệu mới, nghiên cứu, học tập của SV và GV; Khoa cũng thành lập các nhóm trao đổi học thuật giữa GV với người học của các bộ môn tại phòng thực nghiệm, giúp phòng thực nghiệm thực sự là nơi để cả SV và GV làm việc; tập huấn, hướng dẫn chuyên sâu về cách sử dụng phần mềm nội bộ; Nhà trường hoàn thiện cảnh quan trong khuôn viên cơ sở chính của Trường và có nhiều tiện ích đáp ứng cơ sở vật chất cho người khuyết tật được tốt hơn.

### ***Tiêu chuẩn 10 : Nâng cao chất lượng***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh nâng cao chất lượng của ngành CNTT. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại, có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH, thu thập ý kiến đóng góp chuyên sâu, thực hiện khảo sát mang tính định lượng về nhu cầu XH khi xây dựng CTĐT mới; Thực hiện việc đối chiếu CTDH mang tính quốc tế; gắn kết với cơ quan, tổ chức lĩnh vực CNTT, đánh giá kết quả công việc, thái độ thực tập của SV thông qua việc phối hợp với cán bộ hướng dẫn trực tiếp SV tại nơi thực tập; Khoa sẽ đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH; Trường tăng cường cải

tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống, ưu tiên sử dụng CNTT và khảo sát trực tuyến; Khoa có kế hoạch đánh giá và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống. Bên cạnh đó, Nhà trường cần thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi, đồng thời cần thường xuyên cập nhật điều chỉnh các mẫu phản hồi, hình thức lấy ý kiến để đem lại hiệu quả cao hơn.

***Tiêu chuẩn 11 : Kết quả đầu ra***

Từ năm học 2022 – 2023, Khoa KHTP&SK sẽ tiếp tục phát huy điểm mạnh kết quả đầu ra của ngành CNTP. Đồng thời, Khoa KHTP&SK sẽ yêu cầu CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ; thay đổi thời gian đào tạo từ khóa 2022 trở về sau để đảm bảo NH có đủ thời gian hoàn thành CTĐT và phù hợp với thời gian đào tạo TB đối với kỹ sư ngành CNTP hiện nay; Khoa sẽ tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường đại học khác trong và ngoài nước để đối sánh với ngành CNTP.

Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại SV tham gia NCKH chưa nhiều, Khoa KHTP&SK tiếp tục xây dựng kế hoạch hành động như sau: i) Đa dạng hóa các hình thức NCKH cho SV và đa dạng hóa các lĩnh vực, đề tài nghiên cứu mà trọng tâm là các nội dung thuộc ngành CNTP; ii) GV bộ môn gợi ý các đề tài NCKH và hướng dẫn SV thực hiện; iii) Hợp tác với các Tạp chí chuyên ngành CNTP giúp đăng bài NCKH cho SV.

Khoa KHTP&SK sẽ khắc phục điểm tồn tại đối sánh về mức độ hài lòng của các BLQ, hoạt động phân tích, giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ cần được thực hiện hệ thống với các quy định cụ thể. Giám sát một cách hệ thống, bài bản việc cải tiến chất lượng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của các BLQ.



**4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm đánh giá theo Thông tư 04/2016**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kiên Giang

Mã: TKG

Tên CTĐT: Công nghệ thực phẩm

Mã CTĐT: 7540101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								4,67	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4,80	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>								5,00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					

Tiêu chí 7.3					5						
Tiêu chí 7.4					5						
Tiêu chí 7.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>											
Tiêu chí 8.1					5						
Tiêu chí 8.2					5						
Tiêu chí 8.3					5						
Tiêu chí 8.4					5						
Tiêu chí 8.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>											
Tiêu chí 9.1					5						
Tiêu chí 9.2					5						
Tiêu chí 9.3					5						
Tiêu chí 9.4					5						
Tiêu chí 9.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>											
Tiêu chí 10.1					5						
Tiêu chí 10.2					5						
Tiêu chí 10.3				4							
Tiêu chí 10.4					5						
Tiêu chí 10.5					5						
Tiêu chí 10.6					5						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>											
Tiêu chí 11.1					5						
Tiêu chí 11.2					5						
Tiêu chí 11.3					5						
Tiêu chí 11.4					5						
Tiêu chí 11.5					5						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>									4,94	50/50	100%

Kiên Giang, ngày..... tháng..... năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## Phần IV PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2021

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Kiên Giang
  - Tiếng Anh: Kien Giang University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: KGU
  - Tiếng Anh: Kien Giang University
3. Tên trước đây (nếu có): .....
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 320A, Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, Kiên Giang.
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0297.3926714 Số fax : 0297.3926714
7. E-mail: ..... Website: <https://vnkgu.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2014  
 Năm 2014, thành lập Trường ĐHKG theo Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2016 (bậc ĐH)
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2020
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

 (tick vào ô vuông)  
 Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

## **II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: KhoaK: hoa học thực phẩm và Sức khỏe
- Tiếng Anh: Faculty of Food Science and Health

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Khoa học thực phẩm
- Tiếng Anh: Food Science

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa công nghệ sinh học

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Công nghệ thực phẩm
- Tiếng Anh: Food Technology

16. Mã CTĐT: 7540101

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Khoa học biển và Công nghệ thực phẩm. Trường Đại Học Kiên Giang .Tầng 5 – Nhà A. 320A , Quốc lộ 61 , thị trấn Minh Lương , huyện Châu Thành , Kiên Giang.

19. Số điện thoại liên hệ: 0297.3.624.625

20. Website: <http://khoakhttp-sk.vnkgu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2015

Đến năm 20215, Khoa KHTTP&SK được thành lập theo Quyết định số số 412/QĐ-ĐHKG ngày 11 tháng 12 năm 2015

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2016

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2020

## **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, nhằm đáp ứng nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực ngành CNTP có trình độ chuyên môn vững vàng, CTĐT CNTP của Trường ĐH ĐHKG. được chính thức đào tạo kể từ năm 2015 theo Quyết định số 1949/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 12 tháng 6 năm 2015.

Được thành lập theo Quyết định số 412/QĐ-ĐHKG ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHKG, Khoa KHTP&SK quy tụ được đội ngũ GV cơ hữu là các TS, Th.S với chuyên môn, nghiệp vụ cao được đào tạo tại các trường ĐH có uy tín trong và ngoài nước. Ngoài ra, để thực hiện triết lý đào tạo “*Tạo môi trường học tập vì sự phát triển cộng đồng*” của trường ĐHKG, Khoa KHTP&SK đã liên kết đào tạo với gần 20 GVDN, GV thỉnh giảng là những GV có chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tế, hiện đang công tác tại các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp thực phẩm như công ty Minh Khuê, Huy Nam, Kisimex trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

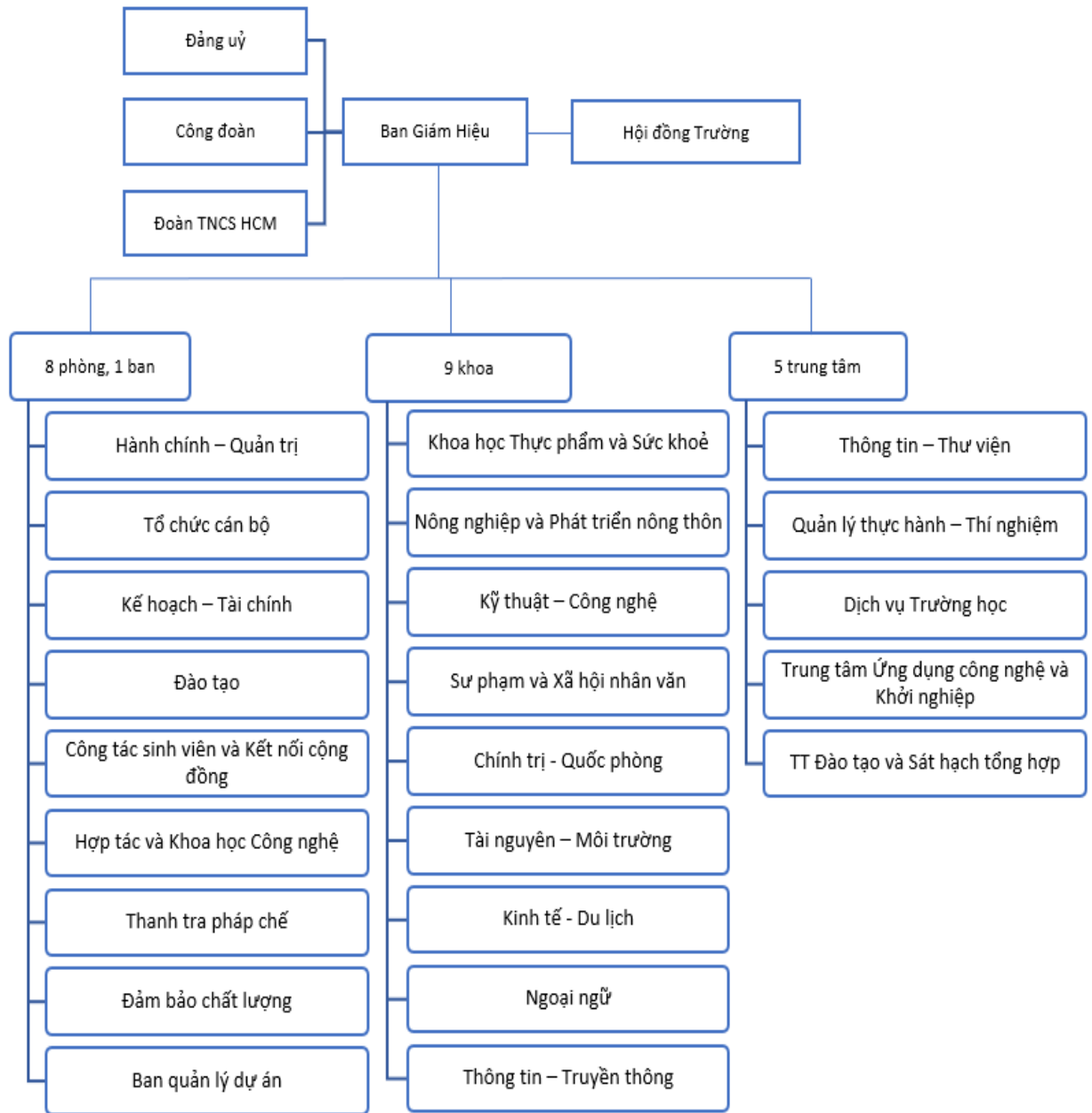
Câu lạc bộ công nghệ thực phẩm của Khoa với nhiều hoạt động học thuật, thực hành, như: tổ chức thi nấu ăn, sản xuất sản phẩm thực phẩm giới thiệu cho người tiêu dùng... do SV trực tiếp thực hiện dưới sự hướng dẫn của các giảng viên cơ hữu và GV mời giảng.

Sau khi tốt nghiệp, SV Khoa KHTP&SK Trường ĐHKG có cơ hội nghề nghiệp phát triển đa dạng như: Chuyên viên các sở ban ngành về thực phẩm, Nghiên cứu viên tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu; Chuyên viên phân tích thực phẩm. làm việc tại các cơ quan doanh nghiệp thực phẩm, Nhân viên quản lý chất lượng tại các nhà máy chế biến thực phẩm.

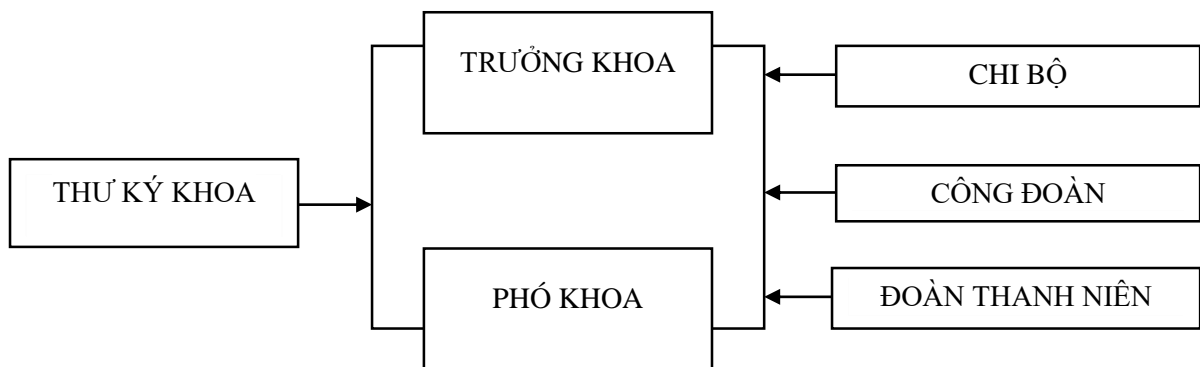
Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Khoa KHTP&SK Trường ĐHKG đã và đang khẳng định uy tín và chất lượng thông qua chiến lược đào tạo các kỹ sư thực phẩm có năng lực, có phẩm chất đạo đức và văn hóa, phát triển toàn diện và thành công trong nghề nghiệp.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a. Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKG



b. Cơ cấu tổ chức của Khoa KHTP&SK – Trường ĐHKG



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>					
1.	Ban Giám hiệu	Nguyễn Tuấn Khanh	1959	TS, Hiệu Trưởng	ntkhanh@kgu.edu.vn
2.	Ban Giám hiệu	Nguyễn Văn Thành	1979	TS, Phó Hiệu Trưởng	nvthanh@kgu.edu.vn
3.	Ban Giám hiệu	Nguyễn Hữu Thọ	1980	TS, Phó Hiệu Trưởng	nhtho@vnkgu.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>					
<b>I.</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>				
1.	Khoa KHTP&SK	Trương Thị Tú Trân	1978	ThS, Phó Trưởng Khoa	ttttran@kgu.edu.vn
<b>II.</b>					
1.	Đoàn khoa	Phù Thị Thanh Khiết	1991	ThS, Bí thư Đoàn Khoa	pttkhiet@kgu.edu.vn
2.	Công Đoàn	Phạm Thị Kim Quyên	1988	ThS, Tổ trưởng tổ công đoàn	ptkquyen@kgu.edu.vn
3.	Tổ chức Đảng	Trương Thị Tú Trân	1978	ThS, Bí thư	ttttran@kgu.edu.vn
<b>III.</b>					
1.	Phòng Tổ chức nhân sự	Phạm Thị Hồng Như	1980	ThS, Trưởng Phòng	pthnhu@kgu.edu.vn
2.	Phòng Đào tạo	Trần Thị Ánh	1978	ThS, Phó Trưởng phòng PT	ttanh@kgu.edu.vn
3.	Phòng KT & Đảm bảo chất lượng	Lê Thị Kiều Diễm	1976	ThS, Phó Trưởng phòng	ltkdiem@kgu.edu.vn
4.	Phòng Công tác SV và KNCĐ	Nguyễn Văn An	1985	ThS, Phó Trưởng phòng	<u>nvan</u> @kgu.edu.vn

5.	Phòng HT& Khoa học công nghệ	Võ Xuân Huyền	1988	ThS, Phó Trưởng phòng	vxhuyen@kgu.edu.vn
6.	Trung tâm TT - Thư viện	Nguyễn Văn Rạng	1977	ThS, Phó Giám đốc phụ trách	nvrang@kgu.edu.vn
7.	Trung tâm TH – Thí nghiệm	Lư Thị Hồng Hạnh	1982	ThS, Giám đốc	lthhanh@kgu.edu.vn
8.	Phòng KHTC	Nguyễn Ngọc Hậu	1983	ThS, Trưởng Phòng	nnhau@kgu.edu.vn
9.	Hội đồng trường	Đặng Thanh Sơn	1969	TS, Chủ tịch	dtson@kgu.edu.vn
10.	Phòng Hành chính TH	Trần Văn Phúc	1975	ThS, Phó Trưởng Phòng	tvphuc@kgu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: ...

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: ...

Số lượng ngành đào tạo ĐH: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: ...

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): ...

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo: ...



**IV. Cán bộ, người học, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

## 30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

<b>TT</b>	<b>Phân loại</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
I	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>	5	10	15
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	10	15
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng <sup>2</sup> )			
	<b>Tổng số</b>	<b>5</b>	<b>10</b>	<b>15</b>

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).*

---

<sup>1</sup>...

<sup>2</sup>...

## 31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	2	2		2		
5	Thạc sĩ	12	11		4		
6	ĐH	1					
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số						

(Khi tính số lượng các Tiến sĩ khoa học (TSKH), TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 15 người

Tỉ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,33 %

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường ĐH, học viện).

<sup>3</sup>...



TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
4	Tiến sĩ	2	13,33	1	1			2		
5	Thạc sĩ	12	80	4	8		10	2		
6	ĐH	1	6,67		1	1				
	<b>Tổng</b>									

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 38 tuổi

33.2. Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 13,33 %

33.3. Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 80 %

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỉ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	...%	100 %
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	...%	...%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	60 %	...%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	...%	...%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	...%	...%
	<b>Tổng</b>	60%	100%

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học

trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỉ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2016 – 2017		174		115	15,5		
2017 – 2018		88		82	14,25		
2018 – 2019		111		79	14		
2019 - 2020		54		43	14		
2020 -2021		45		45	14		

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV ĐH					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	115	82	79	43	45
Hệ không chính					

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: 01

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Số lượng (người)					
Tỉ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	17	18	16	15	20
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

39. Số lượng (người) và tỉ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH.

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	-	10	-	6	10
Tỉ lệ (%) trên tổng số SV	-	11,4	-	11,1	21,7

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp ĐH Trong đó:					
Hệ chính quy		75	105	62	49 (Còn 2 đợt xét tốt nghiệp trong năm)
Hệ không chính quy					
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021-2022
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1.Số lượng người học tốt nghiệp (người).		75	105	62	49 (Còn 2 đợt xét tốt nghiệp trong năm)
2.Tỉ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	-	91,5	91,3	95	-
3.Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
3.1. Tỉ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỉ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	100	100	100	
3.3. Tỉ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					



Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
nghiep					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	-	100	100	100	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm gần ngành đào tạo (%)					
4.3. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.4. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	5- 7triệu	5- 7triệu	5-7triệu	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	100	100	100	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-				
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	-				1
3	Đề tài cấp trường	0,5	-	1	2	4	3	5
4	Tổng		1	1	2	4	3	6

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 11

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 6

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỉ lệ doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)

TT	Năm	Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỉ lệ doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	-	-	-
2	2018	-	-	-
3	2019	-	-	-
4	2020	-	-	-
5	2021	-	-	-

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài		1	10	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia		1	10	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo	1,5					10	15

	trình							
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng						10	15

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 10

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		2		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách		1		
Tổng số cán bộ tham gia		3		

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (tính lại):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	-	-	-	-	-	-

2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	1	-	3	6	11
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>		-	-	-	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>11</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 11.....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 11.....

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	-	4	-
Từ 6 đến 10 bài báo	-	1	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-	-	-
Trên 15 bài báo	-	-	-
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	-	<b>5</b>	-

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	-	-	-	-	-	-
2	Hội thảo trong nước	0,5	-	-	-	-	-	-

3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	-	-	-	-	-
4	Tổng		-	-	-	-	-	-

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0.....

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.....

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	-	-
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	<b>1</b>	-	-

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016 - 2017	-
2017 - 2018	-
2018 - 2019	-
2019 - 2020	-
2020 -2021	-

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	-	-
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	-	-
Trên 6 đề tài	-	-	-	-
Tổng số người học tham gia	-	-	-	-

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	-	-	-	-	-
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	-	-	-

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện.

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 54000 m<sup>2</sup>

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 19200 m<sup>2</sup>

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 96 m<sup>2</sup> Nơi học: 19200 m<sup>2</sup> Nơi vui chơi giải trí: .....m<sup>2</sup>

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 19200 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,8 m<sup>2</sup>

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1676 đầu sách giấy và 105907 tài liệu số

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 300

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 02 máy
- Dùng cho người học học tập: 400 máy

Tỷ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1 máy/sinh viên

### VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 15

Tỉ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93,33%

Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 13,33 %

Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 80 %

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 150

Tỷ số người học chính quy trên GV : 10 SV/GV

Tỉ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỉ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Kiến thức: 100 % Kỹ năng: 100%

Tỉ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Kiến thức: 0% Kỹ năng: 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 90%

Tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 95%

Tỉ lệ người học có việc làm liên quan đến ngành đào tạo (%): 5%

Tỉ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):.....%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

Dưới 3 triệu: 0%, từ 3-5 triệu: 0%, từ 5-7 triệu: 100 %, từ 7-10 triệu: .....% và trên 10 triệu: .....%.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỉ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 90%



Tỉ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):  
10%

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  
6

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 15

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 11

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1 máy

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,8m<sup>2</sup>

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 2 m<sup>2</sup>/người

## Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 96 /QĐ-ĐHKG

Kiên Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH** **Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo** **ngành Công nghệ thực phẩm**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

*Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Xét đề nghị của Lãnh đạo phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa Khoa học Thực phẩm và Sức khỏe.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thực phẩm gồm các Ông, Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các Ông, Bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 432/QĐ-ĐHKG ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang.

Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Công nghệ Thực phẩm theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý Chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Lãnh đạo Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa Khoa học Thực phẩm và Sức khỏe, các Ông, Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL, KHTP&SK.






BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHKG ngày 18/02/2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Chức vụ
1	Nguyễn Tuấn Khanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Thành	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Trương Thị Tú Trân	PTKPT. Khoa KHTP&SK	Phó Chủ tịch
4	Đặng Thanh Sơn	CT. Hội đồng Trường	Thành viên
5	Lê Thị Kiều Diễm	PTPPT. Phòng KT&ĐBCL	Thư ký
6	Nguyễn Văn Thuận	PTK. Khoa KHTP&SK	Thành viên
7	Trần Thị Ánh	PTPPT. Phòng ĐT	Thành viên
8	Nguyễn Văn An	PTP. Phòng CTSV& KNCD	Thành viên
9	Nguyễn Ngọc Hậu	TP. Phòng KH-TC	Thành viên
10	Phạm Thị Hồng Như	TP. Phòng TC-NS	Thành viên
11	Trần Văn Phúc	PTPPT. Phòng HC-QT	Thành viên
12	Võ Xuân Huyền	PTP. Phòng HT-KHCN	Thành viên
13	Nguyễn Văn Rạng	PGĐPT. Trung tâm TT-TV	Thành viên
14	Lư Thị Hồng Hạnh	GD. Trung tâm TH-TN	Thành viên
15	Nguyễn Thị Thúy Liên	SV. Khoa KHTP&SK	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHKG ngày .../.../2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Chức vụ
1	Lê Thị Kiều Diễm	PTPPT. Phòng KT&ĐBCL	Trưởng ban Thư ký
2	Nguyễn Văn Thuận	PTK. Khoa KHTP&SK	P. Trưởng ban
3	Hồ Quốc Việt	PTBM. Khoa học Thực phẩm, Khoa KHTP&SK	Thành viên
4	Phạm Thị Kim Quyên	PTBM. Khoa học Sức khỏe, Khoa KHTP&SK	Thành viên
5	Võ Tấn Thạnh	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
6	Huỳnh Văn Quốc Cảnh	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
7	Phù Thị Thanh Khiết	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
8	Nguyễn Thị Yến Phượng	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
9	Danh Ngọc Bình	CV. Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
10	Võ Ánh Trân	CV. Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
11	Giang Văn Minh	CV. Phòng ĐT	Thành viên
12	Lê Duy Khánh	CV. Phòng HC-QT	Thành viên
13	Lê Thị Mộng Kha	CV. Phòng TC-NS	Thành viên
14	Nguyễn Trung Kiên	CV. Phòng CTSV&KNCD	Thành viên
15	Phạm Thị Tuyết Nhi	CV. Phòng HT-KHCN	Thành viên

Danh sách gồm có: 15 người

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**

(Kèm theo Quyết định số 96 /QĐ-ĐHKG ngày 18/02/2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

TT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Chức vụ
<b>Nhóm 1</b> Tiêu chuẩn 1, 10	Trương Thị Tú Trân	PTKPT. Khoa KHTP&SK	<b>Trưởng nhóm</b>
	Nguyễn Thị Yến Phượng	GV. Khoa KHTP&SK	Thư ký
	Huỳnh Văn Quốc Cảnh	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
	Giang Văn Minh	CV. Phòng ĐT	Thành viên
<b>Nhóm 2</b> Tiêu chuẩn 2, 3	Nguyễn Văn Thuận	PTK. Khoa KHTP&SK	<b>Trưởng nhóm</b>
	Phù Thị Thanh Khiết	GV. Khoa KHTP&SK	Thư ký
	Võ Tấn Thạnh	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
	Hồ Quốc Việt	PTBM. Khoa học Thực phẩm, Khoa KHTP&SK	Thành viên
<b>Nhóm 3</b> Tiêu chuẩn 4, 8	Trương Thị Tú Trân	PTKPT. Khoa KHTP&SK	<b>Trưởng nhóm</b>
	Huỳnh Văn Quốc Cảnh	GV. Khoa KHTP&SK	Thư ký
	Võ Tấn Thạnh	GV. Khoa KHTP&SK	Thành viên
	Nguyễn Trung Kiên	CV. Phòng CTSV&KNCD	Thành viên
<b>Nhóm 4</b> Tiêu chuẩn 5, 11	Lê Thị Kiều Diễm	PTPPT. Phòng KT&ĐBCL	<b>Trưởng nhóm</b>
	Phù Thị Thanh Khiết	GV. Khoa KHTP&SK	Thư ký
	Phạm Thị Tuyết Nhi	CV. Phòng HT-KHCN	Thành viên
	Nguyễn Trung Kiên	CV. Phòng CTSV&KNCD	Thành viên
	Danh Ngọc Bình	CV. Phòng KT&ĐBCL	Thành viên



TT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Chức vụ
<b>Nhóm 5</b> Tiêu chuẩn 6,7	Lê Thị Kiều Diễm	PTPPT. Phòng KT&ĐBCL	<b>Trưởng nhóm</b>
	Phạm Thị Kim Quyên	PTBM. Khoa học Sức khỏe, Khoa KHTP&SK	Thư ký
	Lê Thị Mộng Kha	CV. Phòng TC-NS	Thành viên
	Võ Ánh Trân	CV. Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
<b>Nhóm 6</b> Tiêu chuẩn 9	Trần Văn Phúc	PTPPT. Phòng HC-QT	<b>Trưởng nhóm</b>
	Nguyễn Thị Yến Phượng	GV. Khoa KHTP&SK	Thư ký
	Lê Duy Khánh	CV. Phòng HC-QT	Thành viên
	Nguyễn Văn Rạng	PGĐPT. Trung tâm TT-TV	Thành viên
	Lư Thị Hồng Hạnh	GD. Trung tâm TH-TN	Thành viên
Viết phần mở đầu, kết luận, phục lục 7a; Kết nối, biên tập phần báo cáo; Kết nối, biên tập phần minh chứng.	Lê Thị Kiều Diễm	PTPPT. Phòng KT&ĐBCL	<b>Trưởng nhóm</b>
	Hồ Quốc Việt	PTBM. Khoa học Thực phẩm, Khoa KHTP&SK	Thành viên
	Phạm Thị Kim Quyên	PTBM. Khoa học Sức khỏe, Khoa KHTP&SK	Thành viên
Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	Nguyễn Văn Thuận	PTK. Khoa KHTP&SK	<b>Trưởng nhóm</b>
	Lê Duy Khánh	CV. Phòng HC-QT	Thành viên
	Lê Thị Mộng Kha	CV. Phòng TC-NS	Thành viên
	Phạm Thị Tuyết Nhi	CV. Phòng HT-KHCN	Thành viên
	Giang Văn Minh	CV. Phòng ĐT	Thành viên
	Nguyễn Trung Kiên	CV. Phòng CTSV&KNCD	Thành viên
	Lê Quang Nhưòng	CV. Phòng KT&ĐBCL	Thành viên

Danh sách gồm có: 20 người./.



### Phụ lục 3. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành CNTT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Số: *M* /KH-ĐHKG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày *18* tháng *02* năm 2022

#### KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

##### I. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá chương trình đào tạo (viết tắt TĐG CTĐT) nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (viết tắt CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng.

##### II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

##### III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG CTĐT là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn 769/QLCL-KĐCLGD.

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD.

##### IV. Hội đồng tự đánh giá

###### 1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

a) Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được thành lập theo Quyết định số *96*./QĐ- ĐHKG ngày *18* tháng *02* năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang, Hội đồng gồm có *15* thành viên (Danh sách kèm theo).

b) Chức năng, nhiệm vụ Hội đồng tự đánh giá

Theo Điều 8, Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

###### 2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm được thành lập theo Quyết định số *96*./QĐ- ĐHKG ngày *18* tháng *02* năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang (Danh sách kèm theo)



### 3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

#### a) Ban Thư ký

- Trưởng ban Thư ký:

+ Chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

+ Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng, thay mặt chủ tịch Hội đồng giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong Hội đồng và các nhóm chuyên trách.

- Thư ký trong nhóm công tác chuyên trách:

Xây dựng dự thảo báo cáo tổng hợp các tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

b) Các nhóm công tác, cá nhân (Có thể bao gồm: Các thành viên trong Hội đồng TDG, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, ...)

- Nhóm trưởng trong nhóm công tác chuyên trách:

Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm minh chứng và minh chứng. Chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn mà nhóm mình được phân công, Biên tập báo cáo của các thành viên trong nhóm theo kế hoạch TDG của Trường và gửi cho Trưởng ban Thư ký.

- Thành viên nhóm công tác chuyên trách:

Tìm minh chứng, xử lý dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do nhóm trưởng phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 10	Nhóm 1	18/3/2022 - 17/6/2022	
2	Tiêu chuẩn 2, 3	Nhóm 2		
3	Tiêu chuẩn 4, 8	Nhóm 3		
4	Tiêu chuẩn 5, 11	Nhóm 4		
5	Tiêu chuẩn 6,7	Nhóm 5		
6	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 6		
7	Viết phần mở đầu, kết luận, phụ lục 7a; Kết nối, biên tập phần báo cáo; Kết nối, biên tập phần minh chứng.	Nhóm 7		
8	Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.	Nhóm 8		

TR  
ĐI  
KI



**V. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp**

**1. Nhân lực**

Các thành viên Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và nhóm công tác chuyên trách, chuyên viên, giảng viên; các tổ chức, đoàn thể: Tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên; Hội Sinh viên...

**2. Tài chính**

Các mức kinh phí chi cho hoạt động TĐG bao gồm: Các phiên họp, xây dựng báo cáo, tìm minh chứng, biên tập, sửa chữa đánh giá, văn phòng phẩm... trên cơ sở lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường.

**VI. Lập Bảng danh mục mã minh chứng**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

**VII. Thời gian và nội dung hoạt động**

Thời gian thực hiện TĐG CTĐT từ 18/2/2022 – 12/8/2022, theo lịch trình sau:

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc
<p><b>Tuần 1 – 2</b> <b>18/2/2022</b></p> <p>-</p> <p><b>04/3/2022</b></p>	<p>1. Hội đồng Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe (Khoa KHTP&amp;SK) để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT.</p> <p>2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT.</p> <p>3. Hội đồng TĐG CTĐT để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;</li> <li>- Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>- Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.</li> </ul>

11 13 17

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc
<b>Tuần 3 – 4</b> <b>04/3/2022</b> - <b>18/3/2022</b>	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của Khoa KHTP&SK); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
<b>Tuần 5 – 8</b> <b>18/3/2022</b> - <b>08/4/2022</b>	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
<b>Tuần 9 – 17</b> <b>08/4/2022</b> - <b>10/6/2022</b>	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
<b>Tuần 18</b> <b>10/6/2022</b> - <b>17/6/2022</b>	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc
<b>Tuần 19-20</b> <b>17/6/2022</b> - <b>01/7/2022</b>	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
<b>Tuần 21-24</b> <b>01/7/2022</b> - <b>29/7/2022</b>	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và Khoa KHTP&SK. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, .... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
<b>Tuần 25-26</b> <b>29/7/2022</b> - <b>05/8/2022</b>	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo Khoa KHTP&SK và Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
<b>Tuần 27</b> <b>05/8/2022</b> - <b>12/8/2022</b>	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Bộ GDĐT. 2. Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Trên đây là Kế hoạch TĐG CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm, Nhà trường đề nghị Lãnh đạo các đơn vị được phân công triển khai, thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- HĐ TĐG CTĐT (để th/h);
- Các đơn vị liên quan (để th/h);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL, KHTP&SK. *TL*

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC**  
**KIÊN GIANG**

*Nguyễn Tuấn Khanh*

\*Nguyễn Tuấn Khanh

## Phụ lục 4. Trích lục thông tin nội dung Bản mô tả CTĐT ngành CNTP năm 2020

1.	<b>Tên ngành đào tạo:</b> Công nghệ thực phẩm
-	Tên tiếng Việt: Công nghệ thực phẩm
-	Tên tiếng Anh: Food technology
2.	<b>Trình độ đào tạo:</b> Đại học
3.	<b>Loại hình đào tạo:</b> Chính quy
4.	<b>Khóa học áp dụng:</b> Khóa 6 về sau
5.	<b>Thời gian đào tạo:</b> 4-8 năm
6.	<b>Tên văn bằng tốt nghiệp:</b> Kỹ sư công nghệ thực phẩm
7.	<b>Tên đơn vị cấp bằng:</b> Trường Đại học Kiên Giang
8.	<b>Đơn vị đào tạo</b>
•	Khoa Khoa Khoa học thực phẩm và Sức khỏe
•	Địa chỉ: Khoa Khoa thực phẩm và Sức khỏe. Trường Đại Học Kiên Giang .Tầng 5 – Nhà A. 320A , Quốc lộ 61 , thị trấn Minh Lương , huyện Châu Thành , Kiên Giang.
•	Điện thoại: 0297.3.624.625– Ext: .....
9.	<b>Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo</b>
	Đối tượng tuyển sinh: Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài đủ điều kiện dự tuyển
	Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:
•	<u>Phương thức 1:</u> Xét theo học bạ THPT hoặc tương đương
•	<u>Phương thức 2:</u> Xét theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT
•	<u>Phương thức 3:</u> Xét tuyển thẳng

## Phụ lục 5. Bảng, biểu tổng hợp, thống kê

### Bảng 1.2. Chuẩn đầu CTĐT CNTP

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
<i>PLO1</i>	Áp dụng các kiến thức toán học, khoa học tự nhiên trong các lĩnh vực thuộc ngành công nghệ thực phẩm.	5
<i>PLO2</i>	Hiểu biết kiến thức chính trị, văn hóa, xã hội để rèn luyện bản thân	3
<i>PLO3</i>	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vào một trong những lĩnh vực: Công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, chế biến lương thực, thủy sản...	5
<i>PLO4</i>	Vận hành các thiết bị, hệ thống thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc ngành công nghệ thực phẩm	5
<i>PLO5</i>	Tính toán, thiết kế hệ thống và quy trình sản xuất thuộc ngành Công nghệ, đáp ứng nhu cầu kỹ thuật trong điều kiện thực tiễn về kinh tế, môi trường, an toàn lao động và phát triển bền vững	4
<i>PLO6</i>	Thực hiện thành thạo thí nghiệm, phân tích, đánh giá các quy trình, thiết bị, hệ thống thuộc ngành công nghệ thực phẩm	4
<i>PLO7</i>	Hoạt động và cộng tác trong một tập thể đa ngành	5
<i>PLO8</i>	Thực hiện được giao tiếp chuyên môn hiệu quả	3
<i>PLO9</i>	Hiểu biết kiến thức về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp	4
<i>PLO10</i>	Thích ứng với môi trường học tập suốt đời	4
<i>PLO11</i>	Có sức khỏe làm việc và phát triển Tổ quốc Việt Nam.	3
<i>PLO12</i>	Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định, áp dụng vào xử lý trong lĩnh vực thực phẩm	5
<i>PLO13</i>	Sử dụng tiếng anh trong chuyên môn công nghệ thực phẩm, có khả năng đạt chứng chỉ tiếng Anh A2 trở lên.	5

### Bảng 1.6 Sự tương thích của mục tiêu đào tạo trình độ ĐH ngành CNTP với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa KHTP&SK và phù hợp với các quy định

Mục tiêu CTĐT	Tầm nhìn/ sứ mạng Trường	Luật GDĐH	Khung năng lực trình độ quốc gia
Mục tiêu chung: “Chương trình giáo dục đại học ngành	Tầm nhìn đến năm 2030, phát	Điều 36, khoản a Luật Giáo dục	

Mục tiêu CTĐT		Tầm nhìn/ sứ mạng Trường	Luật GDĐH	Khung năng lực trình độ quốc gia
<p>CNTP cung cấp cho SV môi trường học tập và những hoạt động giáo dục để hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, kỹ năng làm việc nhằm đạt được thành công trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư CNTP có thể đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở chế biến, sản xuất, kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu và quản lý thực phẩm”</p>		<p>triển Trường ĐHKG đa ngành, đa cấp, đa hệ, môi trường học tập và làm việc theo định hướng ứng dụng khá của cả nước</p> <p>Sứ mạng của Trường ĐHKG là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.</p>	<p>Đại học có nội dung: “Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam”</p>	
Mục tiêu cụ thể	<p>Kiến thức: <i>Kỹ sư ngành CNTP có kiến thức chuyên sâu trở thành chuyên gia quản lý sản xuất ngành CNTP.</i></p>	<p>Sứ mạng: “Đào tạo nhân lực có đạo đức, tri thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của xã hội;”</p>		<p>Xác nhận trình độ đào tạo của NH có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về một ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật;</p>

Mục tiêu CTĐT	Tầm nhìn/ sứ mạng Trường	Luật GDDH	Khung năng lực trình độ quốc gia
<p>Kỹ năng: <i>Kỹ sư tốt nghiệp ngành CNTP có năng lực lãnh đạo, giám sát, vận hành các thiết bị và quy trình sản xuất lĩnh vực CNTP; có khả năng nghiên cứu và phát triển sản phẩm thuộc ngành CNTP.</i></p>			<p>Xác nhận trình độ đào tạo của NH có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp;</p>
<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm: <i>Kỹ sư tốt nghiệp ngành CNTP có khả năng tự chủ và trách nhiệm khi làm việc độc lập và theo nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, ý thức phát triển cộng đồng, thái độ và tác phong chuyên nghiệp..</i></p>			<p>Xác nhận trình độ đào tạo của NH có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát</p>

Mục tiêu CTĐT	Tầm nhìn/ sứ mạng Trường	Luật GDĐH	Khung năng lực trình độ quốc gia
			người khác thực hiện nhiệm vụ.

**Bảng 5.2. Sự phù hợp của hoạt động kiểm tra, đánh giá đối với các CDR của CTĐT**

Ký hiệu	ND chuẩn đầu ra	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
PLO1	Áp dụng các kiến thức toán học, khoa học tự nhiên trong các lĩnh vực thuộc ngành công nghệ thực phẩm.	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO2	Hiểu biết kiến thức chính trị, văn hóa, xã hội để rèn luyện bản thân.	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO3	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành vào một trong những lĩnh vực: Công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, chế biến lương thực, thủy sản...	Thực hành	Phiếu chấm	
PLO4	Vận hành các thiết bị, hệ thống thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc ngành công nghệ thực phẩm	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO5	Tính toán, thiết kế hệ thống và quy trình sản xuất thuộc ngành Công nghệ, đáp ứng nhu cầu	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	



<b>Ký hiệu</b>	<b>ND chuẩn đầu ra</b>	<b>Hoạt động kiểm tra đánh giá</b>	<b>Công cụ đánh giá</b>	<b>Ghi chú</b>
	kỹ thuật trong điều kiện thực tiễn về kinh tế, môi trường, an toàn lao động và phát triển bền vững	Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO6	Thực hiện thành thạo thí nghiệm, phân tích, đánh giá các quy trình, thiết bị, hệ thống thuộc ngành công nghệ thực phẩm	Bài tập lớn	Đáp án	
		Thuyết trình	Rubric	
		Thực hành	Phiếu chấm	
PLO7	Hoạt động và cộng tác trong một tập thể đa ngành	Bài tập lớn	Đáp án	
		Thuyết trình	Rubric	
		Thực hành	Phiếu chấm	
PLO8	Thực hiện được giao tiếp chuyên môn hiệu quả	Bài tập lớn	Đáp án	
		Thuyết trình	Rubric	
PLO9	Hiểu biết kiến thức về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án	
		Bài tập lớn	Đáp án	
		Kiểm tra viết	Đáp án	
PLO10	Thích ứng với môi trường học tập suốt đời	Bài tập lớn	Đáp án	
		Thuyết trình	Rubric	
PLO11	Có sức khỏe làm việc và phát triển Tổ quốc Việt Nam.	Bài tập	Đáp án	
PLO12	Đạt chuẩn công nghệ thông tin theo quy định, áp dụng vào xử lý trong lĩnh vực thực phẩm	Bài tập lớn	Đáp án	
PLO13	Sử dụng tiếng anh trong chuyên môn công nghệ thực phẩm, có khả năng đạt chứng chỉ tiếng Anh A2 trở lên.	Thuyết trình	Rubric	

**Bảng 10.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Cách thức tổ chức</b>	<b>Kết quả</b>
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp/cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức Hội thảo/tập huấn	Quyết định phân công nhân sự tổ soạn thảo chương trình/Bảng phân công nhân sự soạn thảo ĐCCT
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ	Tổ chức lấy ý kiến khảo sát	Báo cáo năng lực của SV tốt nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
GV	- Thiết kế CDR của CTDH, môn học. - Thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá.	Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, bộ môn	CDR của CTDH CDR của môn học Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá ĐCCT môn học
Người học	- SV phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các môn học trong CTDH; - SV tốt nghiệp phản hồi về chương trình của toàn khóa học	Tổ chức khảo sát ý kiến NH về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá	Tổng hợp ý kiến đóng góp của SV
Các cơ sở	Mục tiêu đào tạo, CDR,	Đối sánh giữa các	Bảng đối sánh giữa

đào tạo thực phẩm	Cấu trúc CTDH ngành CNTP có liên quan	nội dung trong CTDH	CTDH CNTP của Khoa so với các cơ sở đào tạo CNTP
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CĐR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT môn học,...	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa thông qua CTDH	Dự thảo toàn bộ CTDH
Trưởng	Sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH mới

**Bảng 10.2. Quá trình phát triển CTDH qua các năm 2017 – 2021 của Trường ĐHKG**

	2017	2019	2020	2022	Tháng 7/2022
<b>Văn bản ban hành</b>	- Quy trình xây dựng chương trình ĐH	- Quy trình xây dựng CĐR - Quy trình cập nhật, điều chỉnh CTDH	- Quy trình thiết kế CTDH theo CĐR	- Quy trình thiết kế CTDH; - Quy trình quản lý việc thực hiện CTDH; - Quy trình cải tiến CTDH	Quy trình chỉnh lý cập nhật CTDH
<b>Căn cứ thực hiện</b>	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Tài liệu xây dựng CTDH đạt CĐR	- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về việc phê duyệt khung trình độ quốc	Thông tư 2085/QLCL-KĐCLGD

				gia Việt Nam - Thông tư 04/2016/TT- BGDDĐT; - Thông tư số 22/2017/TT- BGDDĐT ngày 6/9/2017	
<b>Những điểm rà soát – cải tiến</b>	Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về việc mở ngành	Quy trình thể hiện các bước xây dựng CDR và CTDH theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT.	CTDH được yêu cầu thiết kế theo hướng năng lực	- Thể hiện rõ theo chu trình PDCA - Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH được cụ thể hóa thành 03 quy trình và cải tiến thêm các bước trong quá trình thiết kế - quản lý – cải tiến CTĐT	- Áp dụng Quy trình PDCA trong Thiết kế/phát triển Chương trình - Hướng dẫn cụ thể các hoạt động lấy ý kiến các bên có liên quan trong xây dựng chương trình giáo dục

## Phụ lục 6. Ma trận đáp ứng giữa nội dung các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ghi chú: M (Mastery-Cao), R (Reinforced-Trung bình), I (Introduced-Giới thiệu).

ST T	Mã học phần	Tên học phần	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	1 2	13	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				M												
1	Z05005	Triết học Mác – Lenin		M	R							R	M			
2	Z05006	Kinh tế chính trị Mác – Lenin		M	R								R			
3	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh		M	I							M				
4	Z05008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		M	R							R	R			
5	Z05007	Chủ nghĩa xã hội Khoa học		M	M							I	R			
6	A05005	Pháp luật đại cương		M	M							M	R			
7	A05013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	M		R				I	I	R	R	R			
8	H05001	Sinh thái học môi trường	M		I	I	R			I		R				
9	A05014	Logic học đại cương	M		R			I	I	R	I	I	I			
10	A05027	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	M					R			R	R		R		
11	F05010	Tiếng Anh 1		I											R	M
12	F05011	Tiếng Anh 2		R	I	I	I				R	I	I		R	M
13	F05012	Tiếng Anh 3		R				R	R	R	R	R	R		R	M
14	G05097	Tin học cơ sở (LT + TH)	R							I	R	I	R		M	R
15	A05039	Vật lý đại cương (LT + TH)	R		R			R		R	R	R	R			
16	A05041	Hoá đại cương A (LT + TH)	M							R	I	I	R			
17	B07054	Quản trị sản xuất	M							I	R	R	R			
18	B06009	Quản trị nguồn nhân lực	M		R				I	I	R	R	R			
19	B06005	Marketing căn bản	M		I					I		R				
20	A05008	Giáo dục thể chất 1			R					R	I				M	
21	A05009	Giáo dục thể chất 2						R		R	R			R	M	
22	A05010	Giáo dục thể chất 3								I					M	
23	Z06001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản		M	I	I	I				R	I	I			

		Việt Nam													
24	Z06002	Công tác quốc phòng và an ninh		M				R	R	R	R	R	R		
25	Z06003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn		M						I	R	I	R		
26	Z06004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng		M	R			R		R	R	R	R		
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP															
II.1. Kiến thức cơ sở															
27	A06015	Hóa phân tích	M		R				I	R	R	R	M		I
28	C06001	Hóa sinh học thực phẩm	I	-	R						M		R		
29	C26002	TH. Hóa sinh học thực phẩm	M		I	M	M	M		I	M				
30	C06003	Các quá trình cơ bản trong CBTP	M		R			R			R	R	R		
31	C06004	Hóa học thực phẩm			M					R	M	I	R		
32	C06005	Vi sinh thực phẩm	R		M					I	R	R	R		
33	C26006	TH. Vi sinh thực phẩm	M		R				M	I	R	R	R		
34	C06007	Thiết bị chế biến thực phẩm			I	M	M			I		R			
35	C06008	Thiết kế và phân tích thí nghiệm	M		R			M	M	R	I	M	M	I	
36	C26009	Kỹ thuật nhiệt thực phẩm	M		M			R			R	R		R	
37	C26010	Văn hóa ẩm thực	I	I	M					M		M	M		
38	C07016	Thực tập (kiến tập)			R	I	I	I				R	I	I	
39	C26012	Truy xuất nguồn gốc thực phẩm			R			R	R	R	R	R	R		
40	C06041	Vật lý thực phẩm	R		M					I	R	I	R		
41	C26014	An toàn lao động	R		R			R		R	R	R	R		
II.2. Kiến thức ngành															
42	C07001	Nguyên liệu TP và CN sau thu hoạch	I		M				R	M	R	M	R		
43	C27002	Phân tích và đánh giá chất lượng thực phẩm	R		R				R	I	M	R			
44	C27003	TH. Phân tích và đánh giá chất lượng thực phẩm	M		M	I			M	I	M	R			

45	C07004	Công nghệ lạnh và lạnh đông TP	I	-	M	R	I	I	R		R	R			
46	C27005	TH. CN lạnh và lạnh đông TP	R	-	M	M	I	M	R		R	R			
47	C07006	CN chế biến đồ hộp thực phẩm	I		M		R	I		M	R	R			
48	C27007	TH. CN chế biến đồ hộp thực phẩm			M	M	R	M	R	M	R	R			
49	C07008	Tiếng anh chuyên ngành	I		I		I					R			R
50	C27009	CN Chế biến bánh, kẹo	R		M		R	M		R	R	R			
51	C27010	TH. Chế biến bánh, kẹo	R		M	R	M	R		R	R	R			
52	C07013	Công nghệ chế biến đồ uống	R		M		R			R	I	R			
53	C27012	TH. Công nghệ chế biến đồ uống	R		M	R	R	M		R	R	R			
54	C27013	Công nghệ chế biến lương thực	R		M	I	R	M	M	M	R	R			
55	C27014	TH. CN chế biến lương thực	M		M	M	M	M	R	M	M	M			
56	C27015	Thiết kế và quảng cáo sản phẩm			I				M	I	I	R			
57	C27016	Quản lý chất lượng và Luật thực phẩm	I		M			R	M	R	M	R			
58	C27017	Công nghệ chế biến sản phẩm lên men truyền thống			M	R			R	M	I	R			
59	C27018	TH. CNCB SP lên men truyền thống	R		M	M		M	R	M	R	R			
60	C27019	Công nghệ chế biến sản phẩm sấy	M		M	R	M	R	R	R	R	R			
61	C27020	TH. CNCB sản phẩm sấy	M		R	M	M	M	I	M		I			
62	C27021	Độc chất thực phẩm	R	R	M		R	M	R	M	R	R	R		
63	C07018	Thiết kế dây chuyền SXTP			M	R	M	R		R		R			
64	C07019	Thực tập ngành nghề	R	R	M	M	I		I	R	I	I			
65	C07021	Phụ gia thực phẩm			R			M		R	M	R			
66	C27028	Xây dựng ý tưởng khởi nghiệp		L	H		L		H	M	M	M			
67	C08002	Sản xuất sạch hơn trong	I	I	M			M			R	R	I		

		CBTP												
68	C07022	Dinh dưỡng học			R		R		M	R	M	R		
69	C07025	Phương pháp NCKH	I		M			R	M	R	M	R		
70	C27030	Thực phẩm chức năng	I		M			R	M	R	M	R		
71	C07020	Bao gói thực phẩm			R		M		M	R	M	R		
72	C07017	Nước cấp – Nước thải	I		M	I	M	M	R	M	R	M		
II.3. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương														
73	C28001	Khóa luận tốt nghiệp	M		M	R	R	M	M	M	R	R		
		Hoặc												
74	C28004	Chuyên đề tốt nghiệp	M		M	R	R	M	M	M	R	R		
75	C28003	Quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm	R	M	M	R	R	I	M	M	M	M		